

P95
V6P57

PHỔ THÔNG

225

1.1-1966

Ảnh-Sáng Màu Nhiệm của Hòa Bình, Tự-Do

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

CỘNG HÒA MIỀN BẮC VIỆT NAM
CỘNG HÒA MIỀN NAM

Giám-đốc, Chủ-bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigo — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 225 — 15-6-1969

1 — Hòa bình	N.V.	5 — 10
2 — Những sự thật về Trà-hoa-Nữ	Phạm-văn-Sơn	11 — 18
3 — Hương hoa dân tộc	Bà Ai-Lan	19 — 23
4 — Kiếp sinh tử các loài vật	Tin-Khanh	24 — 31
5 — Một trời thương nhớ (thơ)	Tôn-hoài-Mộng	32
6 — Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Cồn	33 — 39
7 — Báo-Công	Lý-minh-Thắng	40 — 49
8 — Tìm hiểu tỉnh Bình-Thuận	Lê-Hương	41 — 59
9 — Nhật ký chiến sĩ	Ngọc-Tuyền	60 — 67
10 — Nhớ cổ hương (thơ)	Phan-như-Ý	68
11 — Thư gửi một người	Thanh-việt-Thanh	69 — 76
12 — Năm bản tuyên dương	Tạ-Tồn	77 — 87
13 — Báo trời	Cao-nguyên-Lang	88 — 93
14 — Ông Hai Lành	Nguyễn-văn-Hầu	94 — 98

- 15 — Paris dưới mắt một
du khách V.N. (t.l) Trương-thế-Phiêu 99 — 106
16 — Tháp văng (thơ) Jaya Aeil Minh pui 107
17 — Minh ơi ! D.H. 108 — 121
18 — Tiếng nói gai trai thế hệ Thâm-Giang 122 — 124
19 — Lễ Phật đản 2513 ở
Phụng-sơn-Tự Thu-Mai 125 — 128

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-ô).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Viet-Nam.

Tổng phát hành **PHỒ-THÔNG** toàn-quốc :
ĐỒNG NAI 270 Đà-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành **PHỒ-THÔNG** ở Âu-Châu và Phi-châu
- Not-e représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa — Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
Vente — abonnements — Publicité)



HÒA-BÌNH

mà
17.000.000
nhân-dân
miền-Nam
đang mong-mỏi,
là

HÒA-BÌNH

TỰ-DO

An-Cư
Lạc-Nghiep

CHÚNG tôi tin chắc chắn, do những tài liệu xác thực, và do những lời tâm sự thành thật của một số đồng anh chị em hồi chánh, quê quán ở Hà Nội và các tỉnh miền Bắc, rằng đồng bào miền Bắc hiện nay cũng đến 17 triệu người, cũng đang khao khát Hòa bình, thầm vái mau chóng Hòa bình. Vì đồng bào miền Bắc đang sống trong tình trạng vô cùng khốn đốn, thiếu thốn khổ cực trăm bề, còn khổ bằng trăm lần đồng bào miền Nam. Đó là một thực tế đau đớn, do chiến tranh gây ra, và nếu chiến tranh còn tiếp tục, thì thực tế ngày nay sẽ đưa nhân dân Miền Bắc đến một mức chịu đựng quần bách, kiệt quệ, vô cùng bi thảm.

Vì thế, chính quyền Hà Nội cũng đang thật sự mong muốn Hòa bình. Mặc dầu tại Hòa đàm Paris và trên đài phát thanh Hà Nội, đại diện chế độ miền Bắc tuyên truyền cứng rắn cách nào đi nữa, tuyên bố tiếp tục chiến tranh 5 năm, 10 năm, 20 năm, nhưng thực trạng chính trị và kinh tế Bắc Việt không

cho phép Hà Nội kéo dài chiến cuộc lâu hơn nữa. Nội bộ mỗi ngày thêm rạn nứt của Cộng Sản quốc tế, với những hứa hẹn viện trợ yếu ớt, gạo, không phải là một yếu tố khuyến khích chế độ Cộng Sản Bắc Việt tiếp tục đeo đuổi tìm kiếm một chiến thắng quân sự hoàn toàn mơ hồ.

Nhưng, nếu Hà Nội cứ duy trì hiện trạng bế tắc ở Hòa đàm Paris bằng những điều kiện không thể nào chấp nhận được, và dùng các thủ đoạn tuyên truyền gây áp lực, những mảnh lời ngoại giao, đề đòi cho được một Hòa bình đầu hàng, theo mục phiêu xâm lăng của Hà Nội, thì chắc chắn rằng chiến lược đó sẽ thất bại.

Hòa bình? Nhân dân miền Nam đã kêu gào Hòa bình từ lâu rồi, vì nhân dân miền Nam rất yêu chuộng Hòa bình. Nhưng Hà Nội nên hiểu rằng, trừ một thiểu số «tri thức» phản động đi hàng hai, theo đóm ăn tàn, xói thịt, tham quyền tham lợi, sẵn sàng phản bội cả Quốc gia lẫn Cộng sản tùy theo biến

chuyện của thời cuộc, trừ một năm phản động hèn nhát nhỏ yếu ấy, — toàn thể nhân dân miền Nam không muốn có một Hòa bình nô lệ, Hòa bình theo mục phiêu thống trị của Cộng sản.

Nhân dân miền Nam, kể cả đại đa số nông công, đều mong muốn Hòa bình và sẵn sàng hy sinh để đạt đến một **Hòa bình Tự do, Hòa bình An cư Lạc nghiệp.**

17 triệu đồng bào miền Nam cương quyết bảo vệ đời sống tự do, để xây dựng hạnh phúc cá nhân và hùng cường dân tộc, đời sống an lạc, để phát triển vật chất, tinh thần cho mọi người và xứ sở.

Nhân dân miền Nam ghê sợ chế độ Cộng Sản và không muốn thấy một Hòa bình giả tạo, đầy oán hận, căn cứ trên một chủ nghĩa đấu tranh giai cấp buộc phải đổ máu, đổ máu, đổ máu nữa... Hòa bình như thế đó chẳng khác nào chiến tranh tiếp tục dưới hình thức huynh đệ tương sát, tương tàn, với chính sách giam cầm, khủng bố, giết hại, hàng triệu hàng triệu người.

Không ! Hà nội nên hiểu rằng nếu Hà nội khăng khăng đòi cái thứ Hòa bình ác mộng đó ở miền Nam này, chắc chắn Nhân dân miền Nam không bao giờ chấp nhận. Sự rằng chiến tranh sẽ cứ phải tiếp tục, ò kinh khủng ! kinh khủng !

Chắc các anh Cộng sản không bao giờ tin tưởng nơi vài ba nhóm «trí thức» phản động ở Saigon, chắc các anh cũng thừa biết bọn đó đang ăn no nê những căn bả của Mỹ vứt cho, đưa nào cũng đầy ẹc dollar trong túi sắt. Chúng nó, đưa thì luật sư, giáo sư, đưa thì Bác sĩ, dân biểu, bọn em út của CIA đã phục vụ cho thực dân, phong kiến, chúng nó đã chửi Cộng Sản chán chê rồi bây giờ muốn chạy theo bỏ dưới chân Cộng sản để cầu cạnh một ân huệ thừa thãi nào đó, như chúng đã bỏ lê bên để giày Mỹ.

Nhân dân miền Nam đã biết rõ hai bộ mặt của chúng nó rồi. Hòa bình mà chúng nó cũng bắt chước kêu oang oác lên, chỉ là một trò kuí Sơn-đông để lừa bịp cả đồng bào miền Nam, lẫn miền Bắc, cả Quốc Gia lẫn Cộng Sản đó

thời. «Chính phủ hòa giải», «Chính phủ hòa bình» theo kiểu chúng, với những lời nói láo lếu ngớ ngẩn của chúng, đã lộ ra cái bộ mặt thật ghê tởm của chúng mà Nhân Dân Miền Nam đã coi như một lũ hề. Quốc gia cũng như Cộng Sản nên lánh xa lũ «bạn già mạo» đó, chính chúng nó tìm cách phá hoại Hoà-Bình chọn chính mà Nhân Dân Miền Nam và Miền Bắc đang mong muốn xây dựng, trong thiện-chí và thông-cảm hồ-tương».

Nhân Dân Miền Nam mong muốn Hoà bình tự do, Hoà bình an cư lạc nghiệp, Hòa bình để giết giặc Đói, giặc Dốt, giặc Tham Nhũng, đang là thù-địch chính của Dân-Tộc Việt Nam, cả Nam lẫn Bắc.

Hà Nội nên có thiện chí nói chuyện với Sài Gòn và Hòa bình tươi sáng đó mới thật sự chấm dứt chiến tranh một-mù hiện tại.



Những sự thật về

của A.DUMAS FILS

● PHẠM-VĂN-SƠN

TRÀ HOA-NỮ

(La Dame aux Camélias)

LỜI TÒA SOẠN — Vào giữa thế kỷ trước, trào lưu tư tưởng và văn chương lãng mạn Pháp đang bột phát, cuốn *La Dame aux Camélias* ra đời được độc giả toàn quốc rất hoan nghênh. Tác phẩm này nêu ra một tình sử giữa một nhà văn trẻ tuổi và một kiều nữ có danh thuở đó. Và chính nhà văn trẻ tuổi đó không ai khác hơn là Alexandre Dumas con (ông này là con nhà văn Alexandre Dumas già cũng nổi tiếng lâu năm vào thời đó).

Cuốn *La Dame aux Camélias* đã được dịch ra Việt văn mấy chục năm trước đây cũng được đọc rất nhiều ở nước ta, gây ảnh hưởng khá sâu rộng trong giới thanh niên về phương diện lãng mạn và cũng trong giai đoạn này cuốn *Tổ Tâm* của Song an Hoàng ngọc Phách ra mắt đã làm đồ khá nhiều nước mắt của nam nữ thanh niên chúng ta. Dịch ra quốc ngữ, *La Dame aux Camélias* tức «Trà hoa nữ» chứng minh hơn một lần rằng những ánh văn chương tình cảm từ Đông qua Tây bao giờ cũng làm cho con người xúc động mạnh nhất chẳng khác chi các cuốn *Hồng lâu mộng*, *Tình sử*, *Tây sương ký*, *Kim vân Kiều*, *Tổ Tâm* đã từng làm rung cảm và thổn thức bao nhiêu con tim của những người trẻ tuổi đang xây nhiều giấc mộng ái ân.

Hôm nay chúng tôi không lược thuật chuyện Trà hoa nữ theo nội dung sách này đã được phổ biến mà chỉ kể lại những tình tiết u ầu bi thiết đã do tác giả tiết lộ với một số thân hữu bên ngoài nghĩa là những gì thật nhất trong sự liên lạc giữa nhà văn và kiều nữ Duplessis.

Bài khảo dưới đây được viết theo Maurice Rat dưới đề tài *Le Mélancolique roman de la Dame aux Camélias* trong tập san *Historia* số 164.



Vào năm 1844 nhà văn Alexandre Dumas con, tuổi mới 20 đã gặp nàng Marie Duplessis lúc này cũng vào lứa tuổi đó. Chàng thuộc loại thanh niên hào hoa phong nhã thuở bấy giờ rất sở trường về khoa múa gươm, bắn súng, ăn nói và nhảy nhót. Người chàng cao ráo, đẹp đẽ, mặt được điểm thêm bộ râu con khiến càng thêm xinh trai; tóc chàng hung hung bằng cao, cặp môi đầy tỏ ra có nhiều đam mê tình dục, cặp mắt lo đượm vẻ mơ màng càng tăng thêm vẻ đặc biệt.

Một chiều tháng 9 năm ấy chàng tới đường St Germain thăm cha tại biệt thự Medicis.

Lúc này cha chàng, ông Alexandre Dumas bố, tác giả cuốn *Hoàng đế Henri đệ tam* và *Ba người ngự lâm pháo thủ* đang để tay vào trang cuối cùng của cuốn *Onle Cristo*.

Tiền đường đi chàng gặp anh bạn thân Eugène Déjazet, con một nhà nữ kịch vì nổi danh đời bấy giờ. Hai người thuê một chiếc xe ngựa đi thong dong, chuyện vãn rất là vui vẻ rồi cùng trở lại Ba Lê dùng cơm tối và quyết định tối hôm đó sẽ đi coi hát ở rạp Variétés. Hai chàng lấy chỗ trên tầng lầu gần dàn nhạc.

Rạp Variétés so với La Comédie Française, l'Opéra và Palais royal cũng là một hý

trường rất lịch sự ở đất Ba Lê.

Eugène Déjazet trước phút kéo màn đã cùng Dumas cầm ống nhòm ngó khắp rạp và bất thành linh bai chàng đã bắt gặp một phụ nữ trẻ tuổi xinh đẹp đang ngồi một mình tại hàng ghế trước sân khấu về phía tay phải. Đằng trước nàng có túi kẹo và một dóa hoa trà. Lúc này người ta cảm thấy cái đẹp của thiếu phụ như tràn ngập khắp rạp. Đó là Marie Duplessis. Nàng đang nhìn ngó bên này bên kia, trao đổi nụ cười với các người quen thuộc.

Alexandre Dumas chiều hôm đó như bị choáng váng trước hình ảnh lộng lẫy của giai nhân, Sau này chàng viết :

«Nàng mặc một chiếc áo mỏng có điểm bay phất phới chung quanh, nàng quàng một chiếc khăn lụa Ấn độ vuông thêu chỉ kim tuyến và đính hoa, trên đầu mang chiếc mũ rơm Ý và ngón tay đeo một chiếc nhẫn kim cương sáng chói. Chàng tưởng chừng như đã được gặp nàng một ngày

nào rồi ở hý viện La Bourse nhưng lần này chàng được chiêm ngưỡng nàng thỏa thích hơn dưới ánh đèn của rạp hát và đứng như Saint Victor đã tả, khuôn mặt nàng hình trái xoan trắng trẻo, nét nghiêng rất gọn gẽ, miệng nàng nhỏ như miệng trẻ thơ và cặp lông mày nhỏ và cong như được vẽ phơn phớt trên giấy lụa, cặp mắt thì long lanh, tinh tú nhưng đượm vẻ mơ màng, tư lự.

Dumas hỏi : «Ai đấy Déjazet ?

Déjazet trả lời :

— Không biết à : Cô Duplessis đấy !

— Cậu quen không ? Giới thiệu tôi nhé !

— Được, nhưng thông thả

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẮM CỨM

NHỮNG SỰ THẬT...

chút, nàng đang ngồi bên cạnh Bá tước Stackelberg là người bảo bọc nàng và cô bạn thân Clémence Prat... Để tới giờ nghỉ tôi sẽ qua gặp Clémence và coi xem tối nay Marie có rảnh không hoặc Bá tước có ở lại với nàng không.

Tan hát, Stackelberg đưa Marie về nhà thì Clémence đã đến Déjazet và Dumas tới. Duplessis vừa thay xong quần áo và đã ra ngồi trước chiếc đàn dương cầm.

Bọn Dumas được nàng tiếp rất niềm nở rồi mời cả ba ở lại dùng bữa ăn nhẹ buổi tối.

Bữa ăn thật vui vẻ, nhưng vào cuối bữa thì Marie lên cơn ho vội đứng dậy bước vào nhà trong. Déjazet hỏi Clémence :

— Marie làm sao thế, chị Clémence ?

Clémence đáp :

— Chị ấy cười nhiều quá phát ho rồi khái huyết, với chị ấy

chuyện này rất thường từ lâu mà !

Dumas hoảng hốt vội vào tìm Marie trong phòng rửa mặt thấy nàng đang nằm tựa trên chiếc ghế trường, ngậm chiếc khăn mũi trong miệng.

Ở đoạn này Dumas ghi như sau :

«Tôi tiến đến gần nàng, nàng không cự quấy. Tôi ngồi xuống bên nàng và cầm tay nàng. Nàng mỉm cười nói với tôi : Anh à ! anh cũng đau chẳng ?

— Không, tôi có việc gì đâu nhưng Marie còn đau nhiều lắm không ?

— Xoàng thôi ! Với tôi, tôi đã quen thế rồi,

Tôi run giọng vì cảm động nói :

— Tôi muốn là bạn, là người thân thích nhất của Marie để chăm lo sức khỏe cho Marie, được không ?

NHỮNG SỰ THẬT...

— Sao anh lại muốn lo cho tôi nhiều thế ?

— Thì bởi tôi cảm mến Marie nhiều mà !

— Vậy anh mà tôi chẳng ? Nói thực luôn đi cho rồi.

— Giờ có lẽ chưa tiện nói, nhưng một ngày nào đó tôi sẽ nói như vậy với Marie.

— Nay đừng nhé ! Đừng bao giờ nói yêu em thì hơn,

— Tại sao ?

— Bởi vì nếu yêu em thì sẽ có hai điều phiền phức cho anh.

— Hai điều thế nào ?

— Một là em phải khước từ tình yêu của anh rồi anh sẽ giận hờn. Hai là em chấp nhận tình yêu của anh thì cũng cực cho anh. Anh sẽ có một người yêu hay nóng nảy, ốm đau, sầu não hoặc khi vui vẻ thì cái vui vẻ đó lại bị thảm thì cũng quá tội. Người yêu của anh là người đàn bà bị bệnh khái huyết tiêu

tổn trăm ngàn quan mỗi năm, anh chịu sao nổi. Với một ông già giàu có bao em thì số tiền này có nghĩa gì nhưng một thanh niên như anh thì là cả một vấn đề...

Tôi im lặng nghe nàng nói, thấy lòng tôi xúc động vô cùng. Tôi hiểu nàng là một cô gái rất đáng thương, đang đau yếu và đi đến chỗ thất vọng nên đã trốn tránh cái thực trạng bi đát của sức khỏe trong những cuộc ăn chơi, trong chè rượu, ca nhạc

Rồi nàng vùng dậy dợ tay nói lớn :

— Đỡ em dậy, bỏ câu chuyện vớ vẩn này đi nghe !

Chúng ta trở lại phòng ăn đi anh !

Cả hai cùng bước ra ngoài Marie vừa đi vừa hát, còn Dumas lòng xốn xang như muốn điên. Qua phòng khách, Marie đi chậm bước và nói nhỏ vào tai Dumas.

— Anh lấy làm lạ lắm nhì,

nếu em có vẻ muốn ưng thuận yêu anh ngay. Anh biết tại sao không?

Rồi nàng đặt tay chàng lên ngực, nơi tim nàng đang đánh nhịp nhện. Nàng thở hổn hển vì xúc cảm.

— Vì em chắc chẳng sống được bao lâu nữa, muốn sống vội vã, gấp rút, anh thấy chưa?

Dumas rên lên:

— Anh xin em đừng nói thế... anh sợ quá!

— Anh hãy an ủi lấy mình đi, Marie vừa nói vừa cười, thì em cũng cố mà sống cho thỏa tấm tình của anh đối với em, anh ơi.

Nàng vào phòng ăn, vừa đi vừa nhảy nhót. Trong lúc này chị

TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

hầu gái Clotilde đã đi ngủ. Thế là từ đó Dumas và Plessis đã thành đôi tình nhân thật sự.

Chàng thì vô cùng sung sướng được nàng yêu còn tưởng như trong giấc chiêm bao vì nhan sắc của nàng đã làm chàng mê mẩn. Còn nàng đã nhìn Dumas như một khách phong lưu mà thượng bầy lâu năm trong lý tưởng của mình. Nếu bảo rằng trong mỗi tình của Dumas đối với nàng còn có sự xót thương nàng về tật bệnh nàng cũng không lấy làm bất mãn. Đó là sự việc đã xảy ra ngay buổi đầu của sự gặp gỡ.

Để tỏ mười phần, ta đã thương nhau cả mười, Marie trao cho chàng tất cả chùm chìa khóa trong nhà và đã thỏa hiệp cả với nhau về những giờ phút hai người cần gần gũi nhau. Tuy nhiên có khi đã hẹn rồi nàng không cho chàng gặp được, chàng cũng không khởi bất như ý, do đó có lần nàng viết cho chàng:

«Anh yêu,

«Hôm nay em đau, thầy thuốc

bảo em phải nghỉ—ngoi. Chiều nay em sẽ đi ngủ sớm và sẽ không gặp anh. Nhưng để đền bù, em sẽ chờ anh vào trưa mai, được không anh? Yêu anh nhiều. Marie».

Nàng có nói thật không? Dumas băn khoăn rồi suốt ngày đi đi lại lại những nơi nàng hay lui tới, nhưng không thấy bóng nàng, buổi chiều chàng đến các rạp hát cũng chẳng tìm ra. Mười một giờ đêm, chàng trở lại đường Madellie vì sốt ruột không chịu được. Chàng toan mở khóa thì người gác cổng là:

— Ông đi đâu đấy?

— Tôi đến thăm cô Duplessis.

— Cô chưa về.

— Tôi lên chờ cô được không?

— Cô đã về đâu!

Dumas trở ra nhưng không yên tâm, chàng chờ đợi trên hè Đại lộ.

Vào khoảng nửa đêm, một chiếc xe ngựa chạy đến rồi

ngừng trước nhà Duplessis. Một người có vẻ là khách quen bước vào sau khi trả tiền xe. Bốn giờ sáng vẫn không thấy khách ra, Dumas trở về nhà nhưng vào buổi trưa hôm sau đã có mặt ở nhà Duplessis. Nàng giải thích chàng chịu mà sao lại không chịu khi mà nàng bằng lòng đi ăn cơm chiều và đi coi hát với chàng? Đôi trai tài gái sắc xuất hiện ở hý trường làm nhiều người chú mục. Dumas lấy làm bấn loạn như muốn điên lên. Đó là những giờ phút du dương nhất êm ái nhất trong cuộc tình duyên của hai người. Và liên tiếp những ngày sau Dumas và Duplessis cặp nhau ở khắp các trà đình, tửu quán, các công viên, các đại lộ công khai như vợ chồng, như là vào các giờ trước hoàng hôn khi không có mưa gió. Có nhiều lần người ta thấy cặp tình nhân xuất hiện cả ở nơi Khải hoàn môn quanh điện Elysées, rừng Boulogne bằng xe ngựa và trở về nhà vào lúc êm ái nhất của buổi chiều, khi sắp lên đèn trong thành phố... Trong các cuộc xum họp

này, nàng cố làm vui với chàng và chàng rất lấy làm sung sướng được ngắm cái đầu tròn, cái mặt hoa thanh tú của nàng lộ ra như chiếc hoa trong cái khăn quàng cachemire...

Năm ấy vào cuối mùa Đông, nàng ho dữ dội phải nằm bệnh hai tháng liền. Bác sĩ Koreff, hàng ngày đến chăm sóc nàng, cho nàng uống thuốc men rất chu đáo và nàng khỏe trở lại vào mùa Xuân tới.

Dumas sau này trong cuốn *Péchés de jeunesse* — *Tội lỗi của tuổi trẻ* đã gợi ý rằng nàng Duplessis của chàng đã chóng bình phục là do tình yêu đậm thắm của chàng.

Marie nói:

— Khi nào em khỏe, chúng mình sẽ đến nhà thờ. Em sẽ cầu xin với Chúa tha tội lỗi cho em. Em sẽ mang hoa đến đặt dưới chân tượng đá của Đức Mẹ. Anh có tin Chúa sẽ tha tội cho em chăng? Chúa đã từng tha cho bà thánh Madeline (Madeleine xưa kia là một cô gái giang hồ sau ăn năn trở lại rồi thành thánh). Đôi khi nàng còn thủ thỉ với Dumas:

— Anh ơi, em sợ chết quá.

Dumas khuyến giải nàng, gợi các chuyện vui để đánh tan những ý nghĩ buồn thảm trong đầu óc người yêu và đôi nàng nhắc những kỷ niệm trong tuổi thơ ấu của nàng trước kia để khuây khỏa tâm hồn nàng. Về mục này, nàng nói rất nhiều, nào chuyện hái hoa, hái táo, chạy theo các đàn chim rừng, tắm nước suối và leo lên cây tìm các tổ oanh oanh. Chàng đề nghị với nàng sẽ cùng đi du hành ở Andalousie và qua xứ Maroc Theo chàng, mặt trời ở các miền này sẽ giúp nàng đỡ đau nơi hai bảnh phổi... Cũng trong mùa Đông này Bác sĩ Koreff cấm nàng dùng hoa thơm quá ngát thường bắt lợi cho các người đang đau yếu, do đó Marie chỉ dùng hoa trà trong phòng và cả trên người nàng nữa. Nàng rất say mê các loại hoa, đó là một thích thú rất đặc biệt của nàng từ trước đến giờ. Rồi hoa trà sau này đã thành một biệt danh của Marie trong tác phẩm của Dumas khi nàng không còn nữa...

(Còn tiếp)

Những câu hò miền Nam.

Bà ÁI-LAN

MIỀN hậu giang ruộng đất phì nhiêu, «cò bay thẳng cánh» đã đành, mà sông rạch cũng vô số, chằng chịt chảy trên những cánh đồng mênh mông, bát ngát, chẳng khác những mạch máu to, nhỏ, li ti trong thân thể con người.

Trên những dòng sông lớn như Tiền giang, hậu giang, cho đến những con sông nhỏ, con Kinh lớn và các rạch thiên tạo, nhân tạo, đều có ghe thuyền của người dân quê mộc mạc trải qua. Cũng như ở thị thành có những con đường trần nhựa dọc ngang chằng chịt để làm phương tiện xe dịch, thì ở thôn quê là sông rạch vậy.

Những chiếc ghe thương hồ cũng như những chiếc xuồng chuyên chở, đi lại suốt đêm ngày trước đây, đều nhờ những bản

tay nông dân, thôn nữ điều khiển

Có những đêm trời trong trăng tỏ, gió mát, nước đầy, trên các dòng sông đứng đỉnh những chiếc thuyền xuôi dòng êm ả, bỗng tiếng hò ơ... cất lên trong trẻo, ngân dài, lan theo làn gió thoảng, lướt trên mặt nước phẳng lặng, buồn mơ của những anh, những chị, những cô, vừa chèo ghe vừa hò lên cho đỡ buồn ngủ;

Hò ơ... Bờ chiều thuyền loan!

Khoan khoan, bứt mái để đây
tổ đôi lời, phải trái nghe chơi.

Cô chèo lái của chiếc ghe đang lướt xuôi ở phía trước, bỗng nghe tiếng hò của anh thanh niên đang chèo ở chiếc ghe đằng sau, cô liền lời mái chèo, hò đáp:

Bỏ chiếc ghe sau !
Cèo mau, em đợi.
Kẻo khỏi khúc vịnh này, bờ
bụi tối tăm.

Nhưng cái anh thanh niên kia
mới biết làm sao ! Anh đã trút
hết sức mình vào hai cánh tay,
nhấn mạnh mái chèo chặt từng
dòng nước, và ngã khỏi nặng
của thân mình trên tay chèo, đẩy
mau và mạnh cho chiếc thuyền
vọt tới. Nhưng cũng đuổi không
kịp chiếc thuyền trước vừa nhẹ
vừa thon. Anh không tự ái, hò
lên :

Thuyền em đã nhẹ,
Cèo lẹ khó theo.
Xin em bớt mái, khoan lèo
đợi anh !

Cô thôn nữ ở thuyền trước
mỉm cười, tội nghiệp :

Đầy đã chèo lời,
Đặng chờ người tri kỷ.
Để gộp mặt, chuyện trò cho
phủ ước mơ.

Thanh niên chèo rút theo đã
mệt. Nhưng anh vừa cảm thấy
như uống được một chén sâm :

đó là giọng thanh tao của cô gái
đã hò lên, chứa chan bao tình
cảm. Anh lắng lắng rồi cao
giọng :

Bâng khuâng bát ngát,
Nghe em hát hữu tình.
Căng duyên tiền định, khiến
đôi lứa mình gặp nhau ?

Tâm lý tình cảm của con gái
thường hay mâu thuẫn : Muốn
được yêu, thả mối mong như cá.
Nhưng khi cá toan cắn câu, thì
cô nường lại thẹn thườn e lệ,
không dám đề cho cá mắc câu.
Vì thế, cô lái thuyền lặng thinh,
không hò đáp nữa. Có phải chăng
cô xúc động bởi hồi lần sung
sướng, e thẹn vì lời tình tứ của
thanh niên kia ?

Chờ mãi không nghe hò đáp,
thanh niên ở ghe sau lên tiếng :

Canh hãy còn khuya,
Đường về thăm thẳm.
Đôi ta xứng lắm,
Như kếp với đào,
Hát chơi cho giải muộn, để
nào bầu làm nợ ?

Cô ta ý chừng «tình trong

như đã, mặt ngời còn e» nên
cô cất tiếng hò đề đề xét :
Cũng như anh thợ mộc, liêu
vừa «rập khuôn»

Đời phải đời thanh trị ?
Cuộc phải cuộc văn minh ?
Kìa là gió mát trăng thanh,
Biết đâu non đạo mà lữ
tình, ai ơi !

Thanh niên kia liền trả lời,
có vẻ trào lộng dễ ướm tình và
cũng đề thử tài đối đáp của
nàng :

Thùng thùng ! ..
Đó nói một câu,
Đáy anh châu nửa chực.
Hề là gan đục,
Thì phải lỏng trong.
E cho miệng chẳng in lòng,
Chớ thuyền quyền sánh với
anh hùng mới xuê,

Cô gái bắt đầu gọi lên một
cuộc chơi chữ, cô dùng những
tiếng của thợ mộc đề thử tài
ứng đối của anh chàng :

«Chàng» đừng có lỏng trong
gan «đục»,
Thiếp giao tình bằng thừng
như «cưa»
Giữ cho tròn nghĩa sau xưa,

Anh chàng nghĩ thầm : Chà !
cô này là một tay tú khẩu cầm
tâm đây ! Minh cũng phải đua
chữ với cô ta mới được. Anh
liền hò :

— Anh dốc «kén» cho đặng
một người «kim chi»
Nên gắng chí làm cho phỉ
«tóc tơ»
Được vậy anh mới ước mơ,
Cũng như người dệt lụa giữ
lời «mối manh»

Cô gái khôn lanh, lái anh
chàng qua địa hạt hoa quả đề tí
dụ đức hạnh, kiêu đạo của mình.

— Phận em như trái hạnh,
Rành rành đang tròn,
Dầu sương dầm nắng dãi,
Cũng không mòn tiết xuân.

Anh kia liền ranh mãnh, ví
mình như con chim, đối lại :

— Thân anh như con én,
lên lên trên cánh.
Muốn kẻ rai hạnh, chẳng
đánh bay xa !

Cô gái mượn một giống hoa
để tượng trưng cho sự tinh khiết
của mình :

— Thân em như bông bướm
trắng rỗng,
Hương thơm thì nức mũi,
mà lòng lại sạch trong.

Cậu thanh niên bao giờ cũng
không để tỏ ra mình xò, và luôn
luôn muốn gác cửa trên, không
chịu lép vế :

— Qua tử như cây chùm gửi
đáp nhờ,
Gá vó cánh bướm nọ, đừng
nhờ hưởng hơi.

Cô kia cũng chẳng vừa, cô lại
ví mình như bông hoa hương, cô
gái để gạt cái ý muốn «xâm
chiếm» của anh chàng :

— Thiếp như một cụm hoa
hương
Thấy xinh rờ đến, mắc
đường chông gai.

Anh nọ vẫn không thua, đáp :

— Anh ví như hạt sương,
Rưới hoa hương cho tươi
tắn,

Vì tiếc đóa hoa lành.
Bị nắng héo khô.

Cứ bị chàng trai lúc nào cũng
ăn qua, cô gái cũng không chịu
thua: Cô lại nâng mình lên cao, cả
như vật bất khả xâm phạm ;
xem anh ta có còn «gác cửa trên»
mình nữa chẳng ? Cô xoay chiều
hướng khác :

— Thiếp ví như trái phật
thủ khác gì,

Đẹp thì thấy đẹp,
Mà ăn thì khó ăn.

Chàng trai thật là tay lạnh lợi,
luôn thủ thắng :

Anh như đĩa quả tử trên bàn,
Để chưng phật thủ vững
vàng xem chơi,

Cô gái bây giờ đã phục tài
đối đáp của anh chàng. Đã văn
chương tao nhã, ý nhị lại tình
cảm cũng đậm đà, lòng cô cũng
cảm thấy rung động. Nhưng cuộc
hò đối đáp cũng đã lâu rồi, đêm
đã hầu tàn, con trăng chênh chênh
treo ngọn tre ven sông, sao mai
đã nhấp nháy. Cô băng khuâng,
chỉa tay người bạn đường tình



cô gặp nhau lần đầu tiên trong
chốc lát, và cũng là lần cuối cùng,
vì không biết có còn tình cờ nào
gặp lại nữa chẳng ? Cô cất giọng
ai hoài giả biệt :

Đêm lụng, canh tàn,
Giã chàng ở lại !
Đây ra về hoàn hoạt.
Luống những đau thương.
Chào nhau, cách mặt! đôi
đường,
Dứt cầu hò hát,
Lo lường bán buồn.

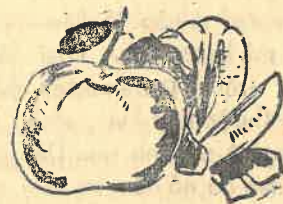
Chàng trai đa tình cũng cảm thấy

nao nao buồn vì phải xa nhau,
chưa biết bao giờ gặp gỡ :

Gió thổi hiu hiu,
Chín chiều ruột thắt !
Nhìn sao bên bắc,
Nước mắt chảy bên đông !
Ai xui chi cho vợ vợ chồng
chờng ?

Không biết đây với đó.
Giây tơ hồng có xe ?

Thế rồi họ chia tay, không
biết có còn gặp gỡ ? Nhưng mỗi
tình thoáng qua đó, có lẽ đôi
lòng còn nhớ mãi không quên,
nhất là khi đêm khuya trên sông
nước, vắng đây tiếng hò đối đáp
của đôi bạn đường nào đó cất
lên.





Kiếp sinh tử

Các loài vật

Tại sao con vật chết ?

NHƯ đã nói trong bài trước, có một số con vật không bao giờ chết. Trước đây, nói thế người ta bảo là diên khùng, nay thì khác hẳn. Loại Thảo phúc trùng (paramécie) chẳng hạn, thuộc loại vi sinh vật không có sự sinh sản. Đến một lúc nào đó nó nằm im xem như không còn sống nữa nhưng cách một thời gian ngắn nó

lại nảy nở sinh sống như trước

Đối với các loài vật khác, sự chết chóc là chuyện dĩ nhiên, không khác gì con người.

Nhưng chúng chết bằng cách nào ? Vì lý do gì ?

Đại đa số thú vật chết theo lối «bất đắc kỳ tử». Chết vì bị con khác giết hay ăn thịt. Chết vì tai nạn do chúng tự gây ra hay trong những biến cố của trời đất. Tạo hóa đã đưa ra

qui luật : Sự sống sinh sống bằng cái sống hay nói một cách khác cái sống của con vật này cần cái chết của con vật khác. Một chú thỏ ngây thơ đang dớn trắng thành linh bị con cáo vỗ gãy xương sống. Một con chim bé nhỏ rĩa lông trên cành vui thú thoải mái, bỗng giật mình vụt bay đi rồi té nhào xuống đất vì bị con ắt là rượt đuổi, mổ chết và ăn thịt. Cái chết nó dễ dàng như thế đấy...

Lại còn một vạn thứ chết khác, vì thời tiết, lụt lội, lạnh lẽo, vì lửa hay nước, chết vì loài người, vì quân thù, và hơn thế nữa, vì bệnh hoạn.

Loài vật chết về bệnh cũng khá nhiều. Trong người chúng thường có nhiều ký sinh trùng hay chung quanh chúng không biết bao nhiêu vi trùng sẵn sàng hại chúng, làm cho gây ốm chết lẫn hồi như các loại vi khuẩn, tinh độc, các thứ meo mốc sinh sống ngay trong người chúng.

Con Hoa mi thường bị v trùng coccidie nằm trong đại trường và gây tương tự như bệnh ruột thừa của ta. Con chim sâu bị bệnh sốt rét ngã nước cũng như cóc hay rắn vậy, vì bị muỗi chích. Thú vật cũng thường bị bệnh ung thư, sung phù, bướng, và cả đau răng nữa.

Bệnh đau ngoài da hay về tuần hoàn cũng không thiếu. Các giống chim bay đi di trú thường mắc chứng phó thương hàn truyền nhiễm. Nói về bệnh



hoạn của loài vật, nếu muốn đi sâu tường phải nhiều sách vở như đối với người nhưng nếu nói về cái chết, thì con vật



khác xa người. Con người lớn lên biết vui buồn, sợ bệnh sợ chết, con vật không khi nào quan niệm cái đau cái chết là sao.

Con chó đang ăn cỏ rồi có con chó vồ đến uy hiếp, nó cũng giật mình sủa bộ ra vẻ thù thế thật nhưng nó không biết cái chết sắp đến, và cũng không biết cái chết là gì. Nó không nhớ cái đã qua, cũng không quan niệm hậu quả của hiện tại, nghĩa là nó không có tính giúp nó biết lo âu sợ sệt, mà cho đến cái chết sẽ đến trong giây lát, nó cũng không biết. Một con chó lợi trong

rừng sâu với chủ. Rồi bị gai cào rách thịt dề cả mảnh da lẫn lông lại trên bụi cây, nó cũng chẳng biết đau đớn gì mấy, về mặt vẫn vui, lưỡi vẫn thè lè quây quần bên chủ, trong lúc đó, nếu người mà bị như thế sẽ la trời than đất, làm loạn cả lên không ít.

Con vật có trí thông minh như người không?

Vấn đề này rất mơ hồ, không biết bao nhiêu sách đã nói đến. Đây chúng ta chỉ đi vào đại cương thôi rồi tùy theo đó mà suy luận. Từ lâu

nhiều nhà bác học, tự nhiên học, tâm lý học và cả đến các nhà thần học cũng đã nghiên cứu cặn kẽ vấn đề này. Nhiều lập luận được đưa ra, nhiều giả thiết bị bắt bẻ, nhiều cuộc tranh luận kéo dài thế kỷ này sang thế kỷ nọ vẫn chưa giải tỏa được một số thắc mắc chung.

Vào đầu thế kỷ này, có một câu chuyện, kể ra vớ vẩn nhưng lại gây sôi nổi một thời gian khá lâu. Nguyên Bác sĩ William J. Long, một nhà tự nhiên học nổi tiếng ở Hoa Kỳ, một hôm kể chuyện trí thông minh của một con oanh và con mồi nhác thế nào đó mà ông đã thấy tận mắt... liền bị Tổng Thống Hoa kỳ Roosevelt khèn trách lung tung lên là đã đánh lừa bằng cách «thần thánh hóa» tạo vật quá cỡ... vì theo Tổng thống, hai con này làm gì có trí thông minh và hành động kia của nhà Bác học chỉ là một hành động ip bọm, nhằm để cao cá nhân mình thôi.

Vậy trong hai người, ai đúng? Nhà bác học J. Long nói đúng. Có thể quả quyết trí thông minh con vật không kém người bao nhiêu. Và sau đây là dẫn chứng.

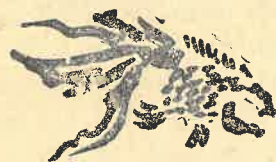
Một con nòng nọc vừa nở mấy ngày đã biết sợ và chạy trốn khi thấy chú bói cá bò xuống toan gắp mình. Chuyện này tất nhiên không thể xảy ra ở một đứa bé sơ sinh dù bên tai nó. bom có nổ, lửa cháy rực trời.



Tục ngữ Tây phương có nói: «Con mèo không khi nào ngồi lần thứ hai trên một lò lửa nóng». Vì trí khôn cũng có, tức là nó có trí nhớ, trí khôn vậy.

Hãy nhìn con mèo hay con chó bắt con mồi. Chúng nó

thứ đủ cách vờ cách nào thất bại là không bao giờ chúng áp dụng nữa. Kế hoạch nào «chắc ăn», không đau đớn, dễ dàng hơn, thì chúng cứ theo đó mà làm. Và cũng vì thế mà chúng ta mới gài bẫy bắt được chúng. Các nhà bác học gọi đây là trí thông minh nhưng là thứ thông minh thực dụng. Cái biết của



chúng không phải cái biết của trí thức. chúng cũng không nhằm hiểu lặn cùng vấn đề, hay tự hỏi: Tại sao và thế nào?

Con sâu chẳng hạn, có thể tìm đường thoát nếu ta bỏ nó vào trong một mê hồn trận với vạn nẻo đi. Con đường nó chọn sẽ tương đối ngắn hơn hết.

Con cá lóc đẻ, năm già chết trên bờ mương để kiến tưởng là chết thật rú nhau đến bu đặc.

Đợi cho kiến bu phủ đầy cả người cá ta bắt thỉnh linh nhẩy xuống nước đem về cho bầy con hàng ngàn vạn con mồi. Một loại chồn nọ câu cá bằng cách thông đuôi xuống nước để cá tưởng mồi ngon cắn vào. Thế là thỉnh linh chú ta quật đuôi lên, cá nằm gọn trên đất liền, giúp cho chú bữa ăn ngon lành.

Con cóc trước khi «đạp má» hai bàn tay trước tự nhiên lớn



lên nhất là hai ngón tay cái phồng lớn, không ngoài mục đích nắm chặt lấy bạn lòng trong khi hành sự.

Một con rùa con vừa lọt khỏi trứng đã biết ngay hướng nào có nước để bò đến tìm sự sống. Đây là tính chất «hướng động» của đa số loài vật. Con bướm thích bay đến chỗ có ánh sáng,

hay trực chỉ đến nơi có hog tươi vừa chín nở; con ong chúa luôn luôn ở trong bóng tối cho ong thợ cung phụng; ruồi mới nở đã tìm ngay đến chỗ ẩm thấp để sinh sống. Con rắn nằm trên cây lúc nào cũng như nhau vì chỗ nằm và cách nằm ấy thích hợp với nó khi nghỉ ngơi hay dòn mồi v.v..

Ở một số con vật, ngoài bản năng vừa nói trên còn có trí thông minh thật sự.

Con raton laveur, một loại chồn nhỏ ở Mỹ thường ngâm đồ ăn dưới nước trước khi ăn — có cách dụ chó xuống nước rồi nhận chìm cho chó chết để ăn thịt. Hoặc bắt sò tha lên bờ đặt trên mỏm đá có ánh nắng để sò hả miệng. Con con khi tinh ranh khôn khéo thế nào tưởng ai cũng từng biết.



Cái khôn của loài vật kể ra không hết nhưng cái khôn ấy nhất định không phải như con người. Ông John Burroughs, một nhà bác học miệt mài suốt 50 năm trong lĩnh vực động vật học đã kết luận về đoạn này như sau:

«Thú vật cũng hiểu biết, nhưng chúng hiểu mà không biết cái mà chúng hiểu biết».

Thú vật mang thai bao nhiêu lâu?

Nói chung, mỗi loại có một thời gian mang thai riêng, không phải vì hình vóc bằng nhau mà thời gian ấy như nhau. Con vật lớn chừng nào, mang thai lâu chừng ấy.

Thời gian đẻ rồi ấp của chim không có gì lý thú, chúng ta



chỉ cần biết đến một số loài có vú để thấy sự cách biệt giữa thời gian mang thai của một số vật từ nhỏ đến lớn.

— Chuột	: 21 ngày	— Hải ly	: (94-128 ngày)
— Chuột cống	: từ 21 đến 25 ngày.	— Báo	: 100 ngày
— Chuột chũi	: 30 ngày	— Cừu, dê	: 5 tháng
— Thỏ nuôi	: độ 1 tháng	— Nai	: trung bình 7 tháng
— Sóc	: 40-45 ngày	— Bò	: 280 ngày
— Mèo rừng	: 50 —	— Gấu đen	: độ 7 tháng
— Chồn hương	: 51 —	— Ngựa	: 11 tháng
— Chồn	: 51 —	— Cá voi	: từ 9 tháng đến 1 năm
— Mèo nhà	: 53-63 —	— Hà mã	: 8 tháng
— Rái cá	: 61 —	— Hươu cao cổ	: 15-16 tháng
— Chó	: 63 —	— Và đứng đầu trong các loài :	
— Chó sói	: 62 —		con voi với 20 tháng cưu mang.
— Sư tử	: 105 110 ngày		
— Nhím	: độ 4 tháng		

Về vấn đề này, xưa nay ở các nước có nhiều truyền thuyết không mấy đúng đắn. Có nơi cho rằng voi chửa mãi đến mấy năm mới sinh. Ở nông thôn

ta thường nói rần rông (một loại rần vô hại ở trong nhà, bắt chuột) hay giao hoan với mèo và sau đó mèo sinh ra mèo con lông có vằn. Điều này có thể rất phản khoa học, và nếu có con mèo nào sinh mèo vằn thì lông vằn ấy theo từng sọc ngang chó không dọc như vằn dọc theo mình của con rần.

Lại có nơi cho rằng con nhím mình đầy lông rất sắc nhọn nên khi lọt lòng mẹ lúc nào cũng lọt xuôi, nghĩa là đầu ra trước để

lông không đâm lủng dạ con của mẹ. Hoặc cũng có nơi nói, vì lông nó nhọn nên lúc sinh ra không có lông. Cả hai điều đều sai cả. Tất cả thú vật có dạ con ngày mang thai, bên trong dạ con có một màn mỏng bao quanh rất nhẵn, nhờ đó mà bào thai tụt ra không gây đau đớn gì cả. Con nhím ngày tượng hình xong mình đã đầy lông nhưng nhờ chất nhờn này mà lông nhọn mất tác dụng. Nó lọt ra ngược hay xuôi đều vô hại.



LỚP NHẠC FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
— Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.
do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.
Ghi tên : 205/1 Cô Giang -- Phú Nhuận

Một trời nhớ thương

Ở miền nam viết thơ về xứ Quảng
Cởi niềm thương ngay thảng ở xa vời :
Sông Thu Bồn giòng nước có đầy vơi ?
Chiều Vĩnh Điện ngựa xe còn lấp nấp ?
Tôi nhớ lắm, chiều Duy Xuyên nắng ấm !
Trường Sào Nam là áo trắng tung bay,
Sông Cầu Chìm giòng nước châu thật mau,
Hòn Non Trục liếng chuông buồn dịu vơi.
Tôi muốn về Mỹ Khê thăm mùa lúa mới,
Nghe giọng hò trong trẻo giữa đêm trăng.
Và Hội An đêm thấp sáng hoa đèn,
Thành phố nhỏ mang nỗi buồn hoài cổ.
Từ đèo Le tôi mơ về đèo Ai.
Từ Đà Thành cho đến dốc Nam giao.
Thương về mô, nhớ về mô.,
Tình sông Hương từ thuở nào không vơi.
Nhớ về Hà Mật quê tôi,
Tháng tư mưa mít rã rời liếng ve,
Đẹp vườn thơm, mát bóng tre,
Giòng sông xanh nước chảy về cầu lâu
Ngọt ngào vì sữa chùa Lầu.
Thương bán bò Nam Phước, nhớ con Tàu trà Tây
Lần đi cũng bến ga này..
Một con tàu sắt chở đầy nhớ thương.

TÔN-HOÀI-MỘNG
(Quảng Nam)

BỨC THƯ PARIS

Một thiếu nữ 22 tuổi

cô Bernardette DELVIN

đã làm xao động Quốc-Hội ANH.

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN

CÔ là cô gái Ái Nhĩ Lan (Irlande), năm nay vừa 22 tuổi, người bé nhỏ 1m52, khuôn mặt tròn, trán cao, đôi mắt thông minh.

Ái Nhĩ Lan là một hải đảo lớn ở về phía Tây Anh quốc.

Đảo này chia làm hai phần :

— Phần Nam, gọi là EIRE diện tích 68.895 ki lô mét vuông, số dân 2.898.000 người, độc lập từ năm 1921, và từ năm 1919 thành một nước Cộng Hòa (République d'Irlande), kinh đô Dublin, phần Bắc, gọi là Ulster,



diện tích 13.564 ki lô mét vuông số dân 1.370.000 người, kinh đô Belfast, còn thuộc về Anh quốc.

Ta nên nhớ là thuở sơ khai, Ái Nhĩ Lan là một nước tự chủ, mặc dầu chia ra nhiều nước chư hầu (giống như ở nước mình thời «thập nhị sứ quân»). Đến thế kỷ thứ 5, đạo Gia Tô được truyền vào nước, và mấy thế kỷ sau, cho đến ngày nay, người Ái Nhĩ Lan, đa số là tín đồ của Chúa Jésus.

Nhưng đến thế kỷ 12 bị người Anh xâm chiếm, Ái Nhĩ Lan đã thành một thuộc địa của Anh quốc, và đến năm 1800, quốc hội Anh ban bố đạo luật «Liên Nhập» (Union Act) thì Ái Nhĩ Lan mất hẳn quốc gia, và đã thành một lãnh thổ của Đế quốc Anh (United Kingdom).

Người Anh, ngoài binh lính, còn đưa qua Ái Nhĩ Lan những người cai trị, những bọn khần đần thực dân (Colon). Họ xem dân Ái Nhĩ Lan không những như một dân bị trị, mà còn là kẻ

ngịch về tôn giáo, vì lẽ người Anh theo đạo Tin Lành mà người Ái Nhĩ Lan vẫn kháng kháng giữ Gia Tô Giáo.

Người Anh thiết lập tại đây một chế độ thực dân hà khắc: họ chiếm hết đất đai, điền ruộng các công nghệ, hải cảng, quyền cao chức trọng và người Ái Nhĩ Lan chỉ còn lại đói rét, và nước mắt để khóc (theo lời nhà sử học Parnell).

Từ đồng ruộng, cho đến bãi cảng và thành thị, người Ái Nhĩ Lan chỉ còn là kẻ tội lỗi, đói rét, bị khinh bạc. Và theo chánh sách của người Anh thì phải dìm dân Ái Nhĩ Lan trong sự cơ hàn để cho họ hết cất đầu nổi. Cho đến nỗi vì quá đói, quá rét, không công ăn việc làm, không nhà cửa, dân

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

Ái Nhĩ Lan đã phải bỏ xứ ra đi, và từ năm 1814 cho đến năm 1900, họ kéo nhau sang Lục địa Âu châu, sang Gia nã đại, sang Mỹ quốc, sang Nam Mỹ, sang Úc châu, và trong nước chỉ còn lại phần đông là người già cả. Chính ông nội của cố Tổng thống John Kennedy đã phải dẫn dắt nhau, với gói quần áo rách rưới và vài củ khoai độ nhật xin qua làm ăn bên Mỹ (Khi đã trúng cử Tổng Thống Mỹ năm 1961, John Kennedy trở về thăm quê cha đất tổ. Khi nhìn các xưởng máy, ông đã nói: «\u00c9u ông nội tôi không di cư, thì ngày nay, tôi chỉ là một người thợ nghèo của một ông chủ Anh).

Lẽ tự nhiên trước sự tàn bạo và bóc lột ấy, người Ái Nhĩ Lan chỉ còn một cách là chiến đấu; nhưng mỗi lần họ đòi hỏi, biểu tình, thì Cảnh sát và binh lính của chính phủ Anh đàn áp một cách ác liệt, và thường thường các cuộc biểu tình đã bị chìm trong máu. Các đảng Ái quốc như «Fenians» hay «Sinn-feiners» liền nghĩ đến cuộc võ trang chiến đấu.

Sau khi quân đội «Sinn-feiners» đã làm cho quân Anh điêu đứng, thì Quốc hội Anh phải một phần nào nhượng bộ. Họ phải trả lại độc lập cho Ái Nhĩ Lan miền Nam (Eire) năm 1921, nhưng vẫn còn chiếm cứ Ái Nhĩ Lan phần Bắc, Ulster.

Thế rồi, chế độ thuộc địa trước kia vẫn duy trì, và dân Ái Nhĩ Lan không điền ruộng, không xường thợ, không thuyền bè, không địa vị vẫn là kẻ tội tở, đói rét cho đến ngày nay.

Đề che mặt thể gian, Chính phủ Anh chế ra một thứ «dân chủ giả tạo»; họ ban bố ra một đạo luật tuyên cử rất là buồn cười và thật là mỉa mai cho «nguyên tắc dân chủ thật sự».

Nói sơ lược, thì đạo luật ấy như sau đây :

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

Một người công dân muốn được quyền đi bỏ phiếu thì :

— Phải có một số lợi tức hàng năm tối thiểu,

— Phải là điền chủ,

— Phải là chủ nhà máy,

— Phải có bằng cấp cao,

— Phải là công chức, hay cán bộ cao cấp.

Chỉ có những người thực dân Anh mới có đủ các «thứ ấy», chứ còn mấy «chú» Ái Nhĩ Lan khổ rách áo ôm, thì làm sao cạnh tranh lại với họ được. Thế là số cử tri hầu hết là bọn thực dân, và người Ái Nhĩ Lan luôn luôn bị thiểu số.

Như thế mà người Anh vẫn chưa được vừa lòng, và muốn «ăn chắc» họ lại ban thêm trong đạo luật ấy điều này : Mỗi người Anh có địa vị và có đạo Tin Lành thì được bỏ 2 phiếu, vợ hắn cũng được 2 phiếu.

Kết quả : tại quốc hội địa phương ở Belfast, thì đa số nghị

sĩ là người Anh, và khi cử các nghị sĩ thay mặt Ái Nhĩ Lan tại Quốc hội toàn quốc (Houses of Parliament) tại Luân đôn, thì số nghị sĩ đó phần đông là người Anh, và như thế, người Ái Nhĩ Lan làm sao mà bày tỏ được những nỗi bất công, những điều kiện sống khổ cực của mình.

Các nhà ái quốc Ái Nhĩ Lan liền nghĩ đến bài học xưa kia của đoàn quân cầm tử «Sinn-feiners», nhưng dân số họ ít, làm sao mà quét cường nôi. Thế thì chỉ còn cách phá hoại, hay biểu tình. Nhưng mỗi lần, sự đàn áp rất là hung dữ, và số người đi biểu tình bị đổ máu, hay bị thương có thể kể được là quan trọng.

Chính giữa tình trạng ấy, một thiếu nữ 22 tuổi vùng đứng lên, đó là Bernardette Delvin.

Trong một cuộc biểu tình, lính Cảnh sát, nào gậy matraque, nào gươm, nào lựu đạn xông tới đàn áp : đàn bà, con nít, ông già, bà cả bị đánh đập tứ tung ; kẻ thì bị thương, người thì ngã gục, kẻ

thì bỏ chạy, người thì đứng lại nhưng cô vẫn kiên trung, chống cự.

Cô Bernardette thấy hàng ngũ đồng đội xung quanh mình thưa thớt dần dần, nhưng với vài người, cô vẫn đứng lại đương đầu với bọn lính, rồi thỉnh thoảng cô và một người lính đụng đầu nhau. Cô lạnh lùng nhìn tên lính, hấn hung tợn dơ cao cây gậy đập mạnh xuống đầu cô. Nhưng ẹ như chớp, một người thanh niên Ái Nhĩ Lan vọt chạy đến, che chở cô. Cây gậy của tên lính đánh mạnh vào mặt người kia, máu tuôn như suối. Người thanh niên kia ngã gục dưới chân cô. Cô diễm tĩnh, rút khăn «mùi xoa» lau mặt người thanh niên đồng bào... rồi một ý tưởng bừng sáng trong óc cô : Cô sẽ trọn đời chiến đấu cho đồng bào bị hà hiếp, ngoài ý tưởng ấy, cô không nghĩ gì đến thân thể của cô nữa !

Lẽ tự nhiên cô đi diễn thuyết cô đi biểu tình, cô bị đánh đập bị bỏ tù nhưng ở tù ra, cô lại biểu tình, lại bị đánh, lại bị tù,

Ngoài giờ học ra (cô đang theo khoa học kinh tế) cô đi thăm các gia đình Ái Nhĩ Lan bị túng đói, bị hiếp đáp ; và chính cô cũng là con nhà nghèo, cha mẹ cô chết sớm, cô được «cơ quan mồ côi» nuôi nấng. Vì vậy cô luôn luôn tự mình có bổn phận đối với các gia đình Ái Nhĩ Lan nghèo khổ.

Thế rồi, đến cuộc tuyển cử nghị sĩ toàn quốc, cô ra ứng cử. Nhưng phần đông người đi bỏ phiếu là người Anh theo tin lành giàu có, thù hằn dân Ái Nhĩ Lan, thì làm sao cô thắng được. Mặc dầu thế cô không nản chí, cô vẫn đi diễn thuyết, vận động.

Liền đó, bọn thực dân Anh theo đạo Tin Lành kéo đến buổi hội họp phá đám, rồi nào đá, nào trượng thú, nào cà tồ mát liệng vào cô. Trong bọn Anh hung dữ này, bọn người ác liệt, khát máu hơn hết, mĩa mai thay, đó là các tín đồ Tin Lành, và trong đó, tu sĩ Paisley (le Pasteur Paisley) là hung hăng hơn hết. Đến nỗi chính phủ Belfast, phần đông là

phe của ông cũng phải bắt ông bỏ tù.

Nhưng cô Bernardette vẫn can đảm đi tới, và lời giảng giải bày tỏ của cô đã làm cho nhiều người thông cảm, luôn cả người Anh theo đạo Tin Lành, vì thế cô đã trúng tuyển nghị sĩ toàn quốc, hơn người đối phương hơn 4 nghìn lá thăm !

Rồi cô đến Quốc hội Anh ở Luân đôn, một quốc hội mà chế độ đại nghị đã sáng lập lâu hơn hết trong thế giới.

Khi ông Viện trưởng long trọng tuyên bố cô Bernardette sẽ đọc diễn văn đầu tiên tại Quốc Hội, thì bọn nghị sĩ thuộc về phái trưởng giả và quý tộc thấy một cô gái bé nhỏ, ăn mặc xoàng xĩnh, thì họ có ý kiêu ngạo, (trước khi lên máy bay đi Luân đôn, cô mua một cái Manteau, một cái áo dài, một đôi giày, một cái «sắc», tất cả chỉ tốn có 300 quan mới, để thay thế bộ đồ cũ của cô).

Khi bọn nghị sĩ kia nghe cô nói mấy câu đầu hơi ngập ngừng, thì

họ khúc khích cười. Nhưng với những tài liệu xác định, với một luận điệu chặt chẽ, tiếng nói của cô gái Ái Nhĩ Lan mỗi lúc một mạnh dạn, đông đặc, hùng hồn hơn, khi thì tha thiết như nỗi lòng đau khổ, khi thì hùng dũng như ngọn sóng ngoài khơi, văng vẳng dưới vòm lâu Quốc Hội. Một sự lặng lẽ nghiêm trang bao trùm cảnh vật, và ai nấy đều nghiêm thấy chân giá trị của lời biện luận của cô. Đó là việc chưa từng thấy từ bốn trăm năm nay tại Quốc Hội : một cô gái Ái Nhĩ Lan bé nhỏ đã làm rung động Quốc Hội, nơi mà những bức tường, những cột đá còn vang vọng những lời hùng biện của William Pitt, của Disraeli, Lloyd George, Winston Churchill.

Cô Bernardette lên án chế độ thực dân ở Ái Nhĩ Lan, và tố

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

cáo hành động vô nhân đạo của chính phủ địa phương Belfast, Khi bày tỏ những sự đau khổ của đồng bào cô, người ta nghiêm thấy cô đã cố nén nước mắt. Nhưng trong lúc biện luận cô không hề phàn nàn, không hề cầu xin. Cô chỉ nói : «Trước những bất công và tàn bạo ấy, dân Ái Nhĩ Lan chỉ còn một cách hành động, tức là chiến đấu, chiến đấu như người Ái Nhĩ Lan miền Nam đề dành tự do, độc lập.

Dư luận thế giới và cả đến dư luận tại Anh quốc đã đón chào nơi cô «một người thiếu nữ hy sinh vì nước».

Sau đó, chính phủ Anh, và chính phủ Belfast đã nhượng bộ một phần : họ cải cách việc bầu cử, và đã tuyên bố mỗi người hoặc Anh, hoặc Ái Nhĩ Lan chỉ được bỏ một lá thăm mà thôi. Nhưng thế đâu đã thỏa mãn được lòng khao khát tự do, công lý của người Ái Nhĩ Lan.

Một hội «bảo trợ quyền công dân» tại Ái Nhĩ Lan đã đòi hỏi việc cải cách xã hội,

bằng không họ sẽ biểu tình khắp nước.

Cô Bernardette sau khi bày giải tại Quốc Hội Luân đôn đã trở về Belfast, nhập vào hàng ngũ đám người biểu tình. Nhưng lần này họ không giám bắt cô, chỉ dọa đưa ra trước tòa án.

Mặc dầu có tiếng hoan hô vang động, mặc dầu có lời ca tụng khắp Âu châu, cô Bernasdette vẫn bình tĩnh, vẫn khiêm tốn, không tự đề cao việc làm của mình, mà chỉ coi đó là một bổn phận.

Người ta đã gọi cô là «Jeanne d'Arc» Ái Nhĩ Lan, nhưng cô đã nói cô chỉ là một người công dân tầm thường, đem cuộc đời phụng sự dân và nước Ái Nhĩ Lan :



TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

những lời điều tra thuở xưa của BAO-CÔNG

★ LÝ-MINH-THẮNG sưu tầm

Tình ngay bị lụy

(Tiếp theo P.T. số 223)

Sau khi từ biệt gia đình họ Đinh ra đi, một hôm Viễn Chiêu gặp một ông già đang hối hả chạy, miệng kêu la cầu cứu. Đằng sau ông có một tên cùn đồ đang vác gậy đánh đuổi ông.

Viễn Chiêu liền can thiệp, đánh đuổi tên cùn đồ dè dặt ông già. Ông lão cảm ơn Viễn Chiêu rồi rút, tự xưng tên là Ngang Phúc, người nhà công tử Ngang Tra Tang.

Nguyên gia đình họ Ngang hồi trước rất giàu có. Ông thân

Ngang tra Tang trước có làm quan trong triều, nay đã khuất núi.

Công tử Ngang tra Tang tánh tình phóng khoáng, ưa giúp đỡ người nghèo túng, nên chẳng bao lâu cảnh nhà sa sút. Giờ đây ở nhà không có đủ tiền để họ Ngang tới kinh đô dự thi.

Ông lão Ngang Phúc phải đi vay mượn khắp nơi nhưng không được. Khi trở về, vô cớ ông bị tên cùn đồ rượt theo đánh nên ông phải bỏ chạy.

Về tới nhà, ông già Ngang

BAO CÔNG

Phúc kể lại cho chủ nghe những chuyện không may mới xảy ra.

Hai mẹ con Ngang công tử lắc đầu thở dài. Chợt có tiếng gõ cửa. Một người bước vào tự xưng Lưu Mực, gia nhân nhà họ Kim cùng thôn được chủ nhân sai mang tiền tới giúp Ngang tra Tang để đi thi cùng là đi theo hầu hạ công tử.

Hai mẹ con công tử Ngang Tra Tang vui mừng khôn xiết kể và mọi người sửa soạn đủ thứ cho công tử lên đường lập công danh.

Một buổi hai thầy trò Ngang Tra Tang và Lưu Mực tới quán trọ ăn uống nghỉ ngơi. Nghe có tiếng ồn ào bên ngoài, Ngang tra Tang vội gọi tửu bảo hỏi chuyện thì được hay có một người ăn mặc rách rưới uống rượu xong rồi không có tiền trả. Ngang tra Tang vội bước ra coi, thấy người khách uống chịu khuôn mặt khô ngô, đôi mắt sáng, có tư cách con người gia thế, chỉ phiên mặc quần áo rách rưới thôi, vội thăm hỏi:

«Chắc người này cũng bị cảnh xa xứ như gia đình mình, ta phải giúp họ».

Ngang tra Tang kêu tửu bảo tính tiền thiếu của người đó về mình rồi luôn tiện mời người khách sang bàn mình dùng thêm rượu. Khách xưng tên Kim Tương, cảm ơn Ngang tra Tang rồi ngồi ăn uống tự nhiên không câu nệ. Kim Tương ăn xong, kêu tửu bảo dọn phòng ngủ sáng dậy cảm ơn họ Ngang lần nữa rồi từ biệt.

Gia nhân Lưu Mực có ý khuyên Ngang tra Tang đừng tin họ Kim, và cũng đừng nên mời ai ăn uống cả, vì số tiền mang theo chỉ đủ chỉ dùng cho hai thầy trò tới Kinh thôi.

Mấy hôm sau, tới quán khác hai thầy trò đang dùng cơm lại thấy Kim Tương tới. Ngang công tử vui vẻ mời người bạn mới ngồi uống rượu. Kim Tương cũng nhận lời ngay. Ăn xong, họ Kim lại đứng dậy đi thẳng. Lưu Mực lại phiên trách

Ngàng công tử vì số tiền đã cạn, lại mời khách dùng toàn đồ sang nên giờ đây bị thiếu tiền.

Ngàng công tử đành sai Lưu Mực mang một ít quần áo tốt đi bán để trả thêm tiền.

Hôm sau, tới quán trọ khác, hai người lại gặp Kim Tương. Lần này người khách quý ăn mặc chỉnh tề ra giáng một công tử nhà giàu. Kim Tương lại cùng ăn uống với Ngàng tra Tang rồi lại từ biệt bỏ đi khi bữa tiệc đã tàn. Lưu Mực dậm chân than trời, trách Ngàng công tử không hết lời. Nhưng ngay lúc đó, có một gia nhân bước vào, cung kính dâng Ngàng công tử một bọc khá lớn :

— Kính thưa công tử, công tử họ Kim chúng tôi sai chúng tôi mang dâng công tử gói bạc này để công tử dùng khi tới kinh và ở ngoài tàu ngựa đã có sẵn một con ngựa dành cho công tử đi đường khỏi mệt.

Hai thầy trò Ngàng công tử ngạc nhiên khôn tả. Thì ra Kim

Tương muốn thử lòng người bạn mới của mình nên mấy lần qua mới xử sự như vậy. Chỉ riêng Lưu Mực là tự trách mình đã vội oán ghét Kim Tương.

Khi tới kinh đô, Ngàng công tử tới thăm ông Lưu Hùng, nguyên là bạn song thân và cũng là cha vợ chưa cưới của mình. Gia đình họ Lưu tiếp đãi Ngàng tra Tang rất hậu. Nhưng sau khi nghe Ngàng công tử nói cảnh nhà đã sa sút thì Lưu Hùng sa xầm nét mặt, tỏ ý không vui. Lưu Hùng bàn với vợ lẽ (vợ lớn, mẹ của Lưu kim Tuyền tiểu thư đã khuất núi) tìm cách chối từ mối nhân duyên con gái mình với họ Ngàng.

Bà Phùng thị có đứa cháu trai tên Phùng quan Hành, tính tình lêu lổng chơi bời lại thăm thương tiểu thư họ Lưu nên thường nhờ di cố ý tác thành cho. Phùng thị mới lập mưu xúi chồng tìm cách để đuổi khéo Ngàng công tử.

Không may câu chuyện của

ai người bị vú nuôi của Lưu tiểu thư là Điền thị nghe được vội chạy về phòng kể cho Lưu tiểu thư hay.

Lưu kim Tuyền thương cho tình cảnh người chồng chưa cưới của mình nên thảo một lá thư sai con thị tỷ tìm cách lên trao cho Ngàng công tử.

Phùng quan Hành tới nhà họ Lưu thăm dì, thấy có ngựa buộc ở tàu vội hỏi thăm, được biết người chồng chưa cưới của tiểu thư đến liền lấy làm khó chịu. Hắn xun xoe hỏi thăm Ngàng tra Tang mọi chuyện cùng dò xét kẻ tình địch của mình.

Hàn huyền ít chuyện. Phùng quan Hành cáo từ ra về. Quan quân lượn trong vườn hoa, họ Phùng chợt thấy có đứa thị tỷ ở trong phòng của Ngàng tra Tang bước vội ra, dáng điệu không được tự nhiên. Hắn liền tới, nhìn vào trong phòng không thấy ai, nhưng ở trên bàn có một lá thư. Biết ngay thư đó của đứa thị tỷ mới để. Phùng quan Hành

vội lên lấy mang về nhà coi.

Khi xem xong, Phùng quan Hành toát mồ hôi, sự hân học hiện trên nét mặt. Đó là thư của Lưu tiểu thư gửi cho Ngàng tra Tang khuyên Ngàng công tử đừng buồn vì chuyện gia đình cùng hẹn công tử tới chỗ hẹn buổi tối. Lưu tiểu thư sẽ sai thị tỷ trao tiền cho Ngàng công tử để chàng chi dụng.

Một ý nghĩ trả thù lóe nhanh trong óc. Phùng quan Hành nở nụ cười nham hiểm. Khi màn đêm buông xuống, họ Phùng tới chỗ hẹn chờ đợi. Khi đứa thị tỷ mang bạc tới, từ trong bụi cây họ Phùng nhảy ra xiết chặt cổ đứa ở gái cho tới chết. Xong y quăng lá thư của Lưu tiểu thư gửi cho Ngàng tra Tang xuống cạnh xác chết rồi bỏ trốn.

Một gia nhân họ Lưu đi qua vấp phải xác chết, bất hoảng la lên. Mọi người đổ tới. Lưu Hùng thấy có thư của con gái mình gửi cho họ Ngàng cùng bọc tiền lớn liền cho Ngàng tra Tang

là thủ phạm, sai gia nhân trối lại rồi giải lên quan. Ngang tra Tang liền bị giam vào ngục.

Ở nhà, Lưu Hùng mắng con gái đã tự tiện viết thư cùng gửi tiền cho trai. Quá uất ức, Lưu kim Tuyền bèn xé lụa treo cổ lên xà nhà tự vẫn.

Khi hay tin thì đã muộn, Lưu Hùng chỉ còn than khóc và sai người khâm liệm đưa con gái bạc phước.

Ngưu Tam, hồi trẻ có làm cho gia đình họ Lưu, khi trở về già chẳng may bị mù nên cho con trai là Ngưu tử đến làm thay. Khi Ngưu Tử nghe Lưu tiểu thư treo cổ chết, xác còn quần tại căn phòng cuối vườn, nên bàn tính với vợ là Mã thị, đợi đêm tối sẽ tới cây nắp hòm để vợ vét vàng ngọc ở trong đó.

Đêm xuống, Ngưu Tử mò mẫm tới nơi quần xác Lưu tiểu thư. Trước khi hành động, hắn thấp hương khấn vái oan hồn người chết xá tội cho hắn.

Khi này được nắp ván hòm ra hắn hoảng hốt giật lùi trở lại khi thấy xác chết thở dài rồi mờ mắt. Hắn tưởng là quỷ nhập tràng, đã định bỏ trốn nhưng khi nghe thấy Lưu tiểu thư kêu : «Nơi đây là đâu» ?, Y biết ngay người chết đã hồi tỉnh, y bèn tính kế khác. Sự tham lam đã làm y mờ mắt, y định quay lại giết chết Lưu tiểu thư để lấy trọn số vàng ngọc. Nhưng chẳng may cho y, vừa lúc đó, cửa buồng bật mở rồi có một bóng người nhay vụt vào.

Đó là tráng sĩ Bạch ngọc Đường. Thấy người lạ, hoa kiếm loang loáng, Lưu Tử sợ hết hồn vội quỳ xuống xin tha mạng nhưng... pháp, đầu Ngưu Tử lăn ra góc nhà. Giết xong kẻ tham bạo, Bạch tráng sĩ nhảy ra ngoài gọi to : «Lưu tiểu thư đã tỉnh ! Lưu tiểu thư đã tỉnh ! rồi nhảy ra ngoài tường biến dạng.

Mấy gia đình nghe tiếng, vội chạy tới coi thì thấy Lưu tiểu thư đã ngồi dậy trong hòm, nhưng chúng cũng hết hồn khi

thấy có một xác chết trong nhà. Cúi chạy lên báo cho chủ nhân hay. Mọi người đổ xuống coi. Khi nhận ra xác chết là Ngưu Tử không ai hiểu tại sao hắn lại bị giết và bị chết ở chỗ này.

Một mặt Lưu chủ nhân sai gia nhân mang xác Ngưu Tử đi chôn, một mặt kêu thị tỷ đưa Lưu tiểu thư về phòng an nghỉ.

Lưu chủ nhân căn dặn mọi người không được bép xép câu chuyện đã xảy ra. Riêng có người hàng xóm cũng có mặt tại đó, Lưu Hùng vội lấy tiền cho để y giữ kín chuyện.

Khi về tới nhà, Lưu Hùng đi tìm vợ lẽ là Phùng thị để kể lại chuyện lạ lùng trên, chợt ông nhận thấy két tiền của mình bị mở toang, một số tiền lớn bị mất. Đang buồn phiền vì bị mất tiền thì Phùng thị tới. Bà an ủi :

— Thôi dù có mất tiền nhưng con nó còn sống, ông cũng đừng tiếc nữa làm chi.

Mấy hôm sau Mã thị đang lo sợ khi không thấy chồng về. Mã thị đang lo ngại thì người hàng xóm nhà họ Lưu sang chơi và kể lại cho nàng nghe. Lúc đó Ngưu Tam cũng ngồi đó. Hai cha con khóc lóc, lo sợ ngày mai đen tối vì có Ngưu Tử đi làm kiếm tiền thì đã chết rồi.

Cuối cùng, ông già Ngưu Tam sai con dâu dẫn mình tới nhà họ Lưu để kêu nài sự giúp đỡ. Lưu chủ nhân cũng bằng lòng nuôi cả hai cha con ông Ngưu Tam.

Nói về Ngang công Tử bị giam trong ngục buồn rầu vô hạn. nhất là kỳ thi sắp tới ngày. Lưu Mặc đã nhiều lần tới nhà giam xin bọn ngục tối cho vào thăm nhưng không được chỉ vì

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

y không có tiền để dứt lốt.

Một buổi, Lưu Mực lại lò dò tới cổng ngục kêu nài. Tên chủ ngục khó chịu, sai ngục tốt ra đuổi đánh thì Bạch ngọc Đường tới. Lưu Mực la to :

— Kia Kim công tử ! Công tử cứu cậu tôi với ! (Bạch ngọc Đường khi gặp thấy trò Ngang tra Tang tự xưng tên Kim Trương).

Khi được Lưu Mực kể lại, Bạch ngọc Đường vội lấy bạc dứt lốt cho bọn ngục tốt để xin phép vào thăm Ngang công tử. Bọn ngục tốt thấy vàng hí mắt lại vội mở cửa ngục mời hai người vào ngay.

Thấy Bạch ngọc Đường cùng Lưu Mực tới, Ngang Tra Tang vui mừng vô hạn. Chàng kể nỗi oan uổng của mình cho bạn hay. Bạch ngọc Đường an ủi Ngang công tử rồi hứa sẽ giúp bạn

thoát khỏi tù tội oan uổng này.

Trước khi ra về, Bạch tráng sĩ căn dặn bọn ngục tốt phải đối xử tử tế với Ngang công tử cùng là cho thêm chúng một số bạc nữa. Bọn ngục tốt dạ dạ vâng vâng luôn miệng.

Sau khi căn dặn Lưu Mực cứ dùng kế thi hành, Bạch tráng sĩ đi ngay tới dinh của Bao Công, thảo một bức thư, găm lưỡi dao vào mặt bàn rồi lên bỏ đi.

Bao Hùng đi qua thấy vội nhổ lưỡi dao ra. Xem xong thư, Bao Hùng vội đưa trình cho Bao Công hay. Bao Công lập tức sai quân sửa kiệu để ông tới thăm viên quan tỉnh. Giữa đường gặp Lưu Mực, dù bị lính đuổi vẫn cứ lẫn xả vào sát kiệu để kêu oan cho chủ.

Bao Công sai lính giải Lưu Mực về dinh để hỏi.

Lưu Mực cứ thực mà khai nỗi oan uổng của chủ mình. Bao Công liền sai lính đi gọi Lưu Hùng cùng Điền thị tới. Thấy Lưu Hùng lại, Bao Công đập bàn trách :

— Chính ông đã giết con ông, tại sao ông lại đổ tội cho Ngang Tra Tang ?

Phùng thị vội khai rõ sự tình. Bao Công kêu Lưu Mực ra hỏi :

— Người có nghi ngờ ai giết tên thị nữ không ?

— Bẩm thượng quan, con không dám nghi cho ai cả. Con chỉ thấy công tử quan Hành, cháu của bà Phùng thị tới chơi và hình như có ý khó chịu cậu chủ con.

Bao Công liền sai bắt Phùng quan Hành tới cùng giải cả Ngang Tra Tang tới công đường.

Bao Công hỏi Ngang tra Tang :

— Người có đọc lá thư của Lưu kim Tuyên gửi cho người không ?

— Bẩm thượng quan, tiện sinh không hề được nhìn thấy lá thư đó.

Quay hỏi Phùng quan Hành, y cũng từ chối không biết. Nhìn bộ mặt béo phì, đôi mắt chuột, môi mỏng dính của Phùng quan Hành, Bao Công biết ngay y không phải là người lương thiện. Bao Công đập bàn la hét, dọa dẫm nhưng Phùng quan Hành cũng không nhận tội. Bao Công liền sai lính đem đồ cực hình ra để định tra tấn, Phùng quan Hành hoảng sợ vội nhận ngay tội và khai rành mạch câu chuyện giết người.

Bao Công sai đao phủ giết ngay Phùng quan Hành tại

chỗ. Lưu Hùng nhìn thấy xanh mặt, chỉ sợ đến lượt mình phải đền tội.

Sau khi giết họ Phùng xong Bao Công tuyên bố ;

— Bây giờ tới lượt Lưu Hùng.

Lưu Hùng run rẩy lay lắt xin tha tội. Bao Công liền xử :

— Thôi được, ta tha tội cho ông. Còn câu chuyện hôn phối giữa họ Ngang với con gái ông, ông không được chối từ cũng là phải nuôi con trai họ Ngang tới ngày ứng thí. Có thể ta mới sẵn lòng tha cho tội chết.

Lưu Hùng dập đầu xin nhận. Điền thị chạy về trước báo cho Lưu tiểu thư hay tin mừng. Riêng Phùng thị thì khóc lóc than thở vì đứa cháu bị xử trảm.

Lưu tiểu thư cũng sai thị

nữ chuyển lời của mình tới khuyên Ngang công tử rằng học để giải giáp không nguyên.

Một buổi Ngang tra Tang than thở với Lưu Mực là muốn thăm Bạch ngọc Đường mà không biết địa chỉ của bạn. Lại lòng thay, ngay lúc đó, Bạch trảng sĩ từ ngoài nhảy qua cửa sổ vào phòng của họ Ngang.

Hai người vui vẻ tay bắt mặt mừng, hàn huyên không hết chuyện. Sau đó Bạch trảng sĩ từ biệt ra đi không hẹn ngày tái ngộ.

Một hôm Ngang tra Tang xin tới thăm Bao Công và được ngài tiếp đãi niềm nở cũng khuyên nhủ nên chịu khó học hành cho thành tài.

Khi Ngang tra Tang về rồi, Bao Công sai Bao Hưng mang một gói bạc tới tặng Ngang công tử để ăn học.



Lưu Hùng thấy Bao Hưng tới tìm Ngang tra Tang lại tưởng Bao Công cho người tới dò la mình nên vội gọi Lưu Mực tới dò hỏi.

Lưu Mực vội dấu chuyện giúp đỡ của Bao Công rồi nói tránh ngụ ý dọa chủ nhân họ Lưu :

— Bẩm ông, Bao Công sai người tới hỏi cậu con xem ông có dối dãi từ tế với cậu con không đấy thôi ạ.

Lưu Hùng vội nói :

— Nếu vậy người khả nói là ta vẫn dối xử với công tử đẹp lắm nhé !

Tới ngày thi, Ngang tra Tang đậu thủ khoa. Lưu Mực vội chạy về báo tin cho gia đình họ Lưu hay. Mọi người vui mừng hể hả, nhất là Lưu kim Tuyên tiểu thư.

Kỳ sau : Vụ án Lý Hoàng Hậu

tìm hiểu

tỉnh BÌNH-THUẬN

LÊ-HƯƠNG

Bình Thuận là một tỉnh ở cực Nam Trung phần, Đông giáp biển Nam Hải, Tây giáp giải Trường Sơn và tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, Nam giáp tỉnh Bình Tuy, dài 140 cây số, diện tích 4.400 cây số vuông. Dân số toàn tỉnh là 267.308 người chia ra 239.462 Việt, 2637 Việt gốc Hoa, 4 Việt gốc Miên, 12.178 Việt gốc Chăm, 8.965 Việt gốc Nùng, 4.004 Việt gốc Thượng và 38 ngoại kiều (32 Hoa kiều, 5 Pháp, 1 Ấn). Trung bình mỗi cây số vuông có chừng 60 người.

Tỉnh lỵ Bình Thuận được đặt tại xã châu thành Phan Thiết, địa danh của người Chăm Măn

Thít dọc trại ra. Phan Thiết trước là một thị xã do một Thị Trưởng điều khiển nhưng từ năm 1957, qui chế thị xã bị bãi bỏ, Phan Thiết trở thành xã Châu thành thuộc quận Hàm Thuận. Với một diện tích 680 mẫu tây, tỉnh lỵ Phan Thiết có 77.818 người sống trong 9 ấp: Vĩnh Phú, Vĩnh Thủy, Đức Thắng, Đức Nghĩa, Đức Long, Hưng Long, Lạc Đạo, Phú Trinh và Bình Hưng. Ngoài tỉnh lỵ Phan Thiết, Bình Thuận còn có 4 thị trấn: Phan Rí cửa 20.664 người, Sông Mao 10.901 người, Mũi Né 27.147 người và Liên Hương 12.944 người. Trong thời kháng chiến, người Pháp dồn dân các xã trong quận Tuy

TÌM HIỂU TỈNH...

Phong và Liên Hương nên hiện thời thị trấn Liên Hương chiếm hai phần ba dân số trong quận. Tỉnh Bình Thuận hiện có 7 quận: Hàm Thuận, Thiện Giáo Hải Long, Hòa Đa, Hải Ninh, Phan lý Chăm, Tuy Phong và một Nha Phái viên Hành chánh Phú Quý, có 55 xã gồm 45 xã Kinh, 5 xã Chăm, 5 xã Thượng. Từ năm 1966 đến nay (1968) hai xã Nhơn Thiện thuộc quận Hòa đa và xã Tân Lâm thuộc quận Thiện giáo mất an ninh, chánh quyền địa phương Kiểm soát 53 xã. Trong số 187 ấp của toàn tỉnh có 2 ấp thuộc xã Tân Lâm và 4 ấp thuộc xã Nhơn Thiện không an ninh.

Nguồn gốc theo lịch sử

Đất Bình Thuận xưa kia là xứ Chiêm Thành Năm Quý Dậu (1693) dưới thời chúa Nguyễn, Nữ Vương Chiêm Thành là Bà Tranh kéo quân gây chiến. Chúa Nguyễn phúc Chu sai quân Chương cơ Nguyễn hữu Chung đem binh đánh dẹp, bắt được Bà

Tranh và các cận thần là Bà Ân, Tả thần Viên và Kế Bá Từ giải về Phú Xuân. Quân ta chiếm đất Bình Thuận mở thêm bờ cõi đến giáp giới nước Cao Miên, bấy giờ còn gọi là Thủy chân Lạp. Từ phía Nam sông Phan Rang đến tỉnh Đồng Nai (bây giờ là Biên Hòa). Chúa Nguyễn đặt tên là Thuận Phủ, rồi sau đó đổi thành Thuận Thành trấn.

Năm Đinh Sửu (1697), Thuận Thành trấn được đổi là Bình Thuận phủ, lấy đất Phan Rang làm huyện Hòa đa.

Năm 1786, nhà Tây sơn chiếm giữ Bình Thuận Phủ, mãi đến năm 1790 Nguyễn Vương là Nguyễn phúc Ánh lấy lại và 10 năm sau, 1800 mới đặt quan Lưu Thù sắp đặt việc cai trị.

Năm Gia Long thứ bảy (1809), Bình Thuận phủ được đổi ra Bình Thuận trấn; năm 1811, chức Lưu Thù đổi ra chức Trấn Thủ. Năm 1827, chức Trấn

TÌM HIỂU TỈNH...

Thủ lại dời ra Hiệp Trấn Tam Hiệp. Phủ Ninh Thuận, huyện Tuy Phong và huyện Tuy Dinh (bây giờ là Hàm Yên) được thiết lập. Trấn Bình Thuận phía Bắc giáp Khánh hòa, phía Nam giáp Biên Hòa được chia làm 2 Phủ.

— Phủ Ninh Thuận gồm huyện An Phước và huyện Tuy Phong, từ Khánh Hòa đến Sông Duồng (thuộc Phan Ri).

— Phủ Hàm Thuận gồm huyện Hòa Đa, từ Sông Duồng đến Phú Hải và huyện Tuy Dinh, từ Sông Phú Hải đến ranh giới tỉnh Biên Hòa.

Bình Thuận trấn có quan Thuận Khánh Tuấn Vũ làm Thủ Hiến kiêm Bố chánh và có quan An sát giúp việc.

Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), sau khi Hiệp ước Paenôtre ra đời, Bắc Kỳ và Trung Kỳ bị đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp thì phủ Ninh Thuận và năm làng thuộc huyện Tuy Phong cũ là Từ sơn, Sơn hải, Nhô lâm,

Thanh Đức, Lang nghiệp và hai tổng Từ Tra, Ninh Giải thuộc huyện Hòa Đa cũ đều sáp nhập vào tỉnh Khánh Hòa.

Năm Thành Thái thứ 12 (1900), huyện Tánh Linh và phủ Di Linh được sáp nhập vào tỉnh Bình Thuận.

Năm 1910, quận Hòa Đa dời ra phủ Hòa Đa và Hòa Đa trở thành huyện đổi làm huyện Phan lý Chăm.

Năm 1913, tỉnh Đồng Nai thượng được thành lập nên tỉnh Bình Thuận giao hoàn phủ Di Linh (người Pháp viết là Dji Rling) về cho tỉnh ấy. Bây giờ, tỉnh Bình Thuận gồm có 2 phủ là Hàm Thuận Hòa Đa và 4 huyện là Tuy Phong, Phan lý Chăm, Tuy Dinh (sau đổi là Hàm Tân) và Tánh Linh.

Năm 1955, chánh phủ đệ nhất Cộng Hòa thiết lập quận Hải Ninh, dân số gồm người Nùng, Mán, Thổ ở Bắc phần di cư vào.

Năm 1957, hai quận Hàm Tân

TÌM HIỂU TỈNH...

và Tánh Linh của tỉnh Bình Thuận được sáp nhập vào tỉnh Bình Tuy mới thành lập.

Năm 1958, chánh phủ lấy tổng Thăng An của quận Hàm Thuận lập thành quận Hải Long. Năm 1961, quận Hàm Thuận chia làm hai quận: Hàm Thuận và Thiện Giác.

Trước năm 1954, hòn đảo Phú Quý là một Tổng thuộc quận Tuy Phong, rồi thuộc phủ Hàm Thuận. Đảo này có tên Pháp là Poulo-Cécir de Mer, ở cách xa bờ biển 120 cây số có 9.354 người. Từ năm 1954 đến 1958, tại đảo có một Nha Đại diện Hành chánh và được dời thành một quận Hành chánh gọi là quận Phú Quý. Năm 1961, chánh phủ bãi bỏ Quận; các xã sở tại được sáp nhập vào quận Tuy Phong. Năm 1966, lại tách rời Quận Tuy Phong và sáp nhập vào quận Hàm Thuận.

Tỉnh lỵ của Bình Thuận cũng bị dời nhiều lượt. Dưới triều Vua Gia Long, thành Bình Thuận lập tại làng Thanh Tu gần Phan

Rí năm 1837, dời về làng Đông An, năm 1859 dời về làng Xuân Yên, năm 1893 dời về làng Hòa An (thuộc phủ Hòa Đa), năm 1898 dời về làng Phú Tài (thuộc quận Hàm Thuận). Tại đây thành Bình Thuận được xây cất bằng gạch khá kiên cố với chu vi 300 thước. Năm 1945, Việt Minh tàn phá tất cả di tích này chỉ còn đồng với và gạch vụn. Dưới thời Cộng Hòa, tòa Hành Chánh Bình Thuận đặt tại tòa Công sứ Pháp cũ và tỉnh lỵ ở trong xã châu thành Phan Thiết.

Dấu vết người xưa

Những di tích lịch sử của Bình Thuận hầu hết đều do người Chiêm Thành xây cất từ ngàn xưa, hiện thời còn lại những ngôi tháp, miếu thờ dưới đây:

— Tháp Phú Hải là hai ngôi tháp, bằng gạch dựng trên một ngọn đồi gần bờ biển tại xã An Hải, thuộc quận Hải Long.

— Tháp ông Gù ở ấp Phú Điền thuộc quận Tuy Phong

TÌM HIỀU TỈNH...



Một điệu múa quạt cổ truyền của người Chăm

- Tháp ông Gầm ở Núi Ông xã Vĩnh Hào quận Tuy Phong
- Miếu Ngài Ponugar ở xã Lạc trị, quận Phan lý Chăm.
- Miếu Ngài Podam ở xã Ma lâm, quận Phan lý Chăm
- Miếu Ngài Po Ông ở xã Nhơn Thuận, quận Hòa Đa.
- Miếu Ngài Po Klong Ka Veik ở xã Hậu Quách, quận Phan lý Chăm,
- Miếu Ngài Po Paak ở xã Hậu Quách,
- Miếu Ngài Po Nion ở xã Hựu An, quận Phan lý Chăm
- Miếu Ngài PoKlaung — Klur ở động Ngọc Sơn thuộc quận Phan lý Chăm.
- Miếu Ngài Paa Klar ở xã Hựu An, quận Phan lý Chăm.
- Miếu Chiêm Thành ở ấp Xuân hội, xã Chợ lều, quận Hòa

TÌM HIỀU TỈNH...

đa được các quan Nam triều, các quan Tỉnh hiến và huyện sở tại từ đời vua Gia Long đến các đời vua sau, đến chiêm bái vào ngày đầu năm.

Cách thị trấn Sông Mao lối 17 cây số về phía Tây có núi Yan Yin là một di tích của chiêm thành gồm một bực đá to tròn tru, đồ sộ phía dưới là một thác nước, có những tảng đá hình bầu rượu, yên ngựa, xung quanh có nhiều hoa phong lan bay mùi thơm ngát quanh năm.

Tương truyền núi này là nơi tiêu khiển của vị Thần Yan Yin ở trên trời thỉnh thoảng bay xuống câu cá, đánh cờ.

Tại quận Phan lý Chăm, người ta đã khám phá được một kho tàng của Vua Chúa Chiêm Thành chôn dấu trong làng đồng bào Thượng, tại Kà lan, cách quận lý 48 cây số về phía Bắc.

Hiện thời các báu vật ấy do bà chúa Nguyễn thị Thềm là vị truyền tôn chót của giòng Vua Chiêm cất giữ tại xã tỉnh Mỹ cách quận lý khoảng 3 cây số về hướng

Tây.

Tại quận Hòa Đa, xã Phan Rí Thành ấp Liêm Bình có miếu thờ Đức Khổng Tử do Triều đình Huế xây cất, được chánh quyền địa phương tu bổ và gìn giữ. Hằng năm đến ngày lễ kỷ niệm, chức Kiêm học và giáo viên; học sinh đều đến chiêm bái

Cảnh đẹp núi sông

Du khách viếng tỉnh Bình Thuận có thể thưởng thức vẻ đẹp của non sông qua những thắng cảnh dưới đây :

— Núi đất Ngọc Lâm ở xã An hải, quận Hải Long có 5 ngọn đồi sát bờ biển, ngọn cao nhất là núi Cổ, hình dáng rất đẹp, xưa kia người Pháp có xây cất nhiều ngôi nhà thanh lịch,

— Lầu ông Hoàng (Duc de Montpensier) cất vào năm 1921 trên ngọn đồi phía trên chợ Phú Hải, quận Hải Long.

— Khách sạn Ngọc Lâm ở

trên dãy núi đất Ngọc Lâm.

Tiểu thay, những công trình kiến trúc này đều bị phá hoại trong thời kháng chiến chỉ còn trơ lại cảnh trí Thiên nhiên.

Từ xã An Hải đi t eo bờ biển vài cây số đến một bãi cát dài 5 cây số trông toàn dứa gọi là Rạng. cảnh đẹp không thua ở Hạ uy di.

— Gần đồi Ngọc Lâm, dưới bãi biển có nhiều hòn đá hình thù kỳ dị trong ấy có một hòn giống hệt hình một người thật mập với cái bụng phệ, nên gọi là đá Ông Địa hay là Mũi đá. Bãi cát trắng tinh nước biển trong xanh, nơi tắm lội lý tưởng của du khách.

Ở xã Thạch Long, quận Hải Long cách đất liền hơn ngàn thước có nhiều gộp đá hình dáng kỳ dị gọi là Hòn lao. Tại đây không có cây cối, nhà cửa, nhưng vào mấy tháng nắng gắt, nhiều người thích ra đó cắm trại để câu các loại cá đủ màu.

— Về phía Đông xã Duồng quận Hòa Đa, có những mô đá nằm sát bờ biển với những dáng đẹp mắt, giữa những mô đá ấy lúc nào cũng có nước ngọt. Người ta gọi đó là Ghềnh Sơn.

— Cách đây non một cây số về phía Bắc có Giếng Tiên, phong cảnh nên thơ, du khách tha hồ tắm lội và thưởng thức nhiều món hải vị ngon lành.

— Trong vùng Hòa Đa, Hải Long, Thiên Giáo có hai cái Bàu (dầm) thật lớn gọi là bàu Ông, bàu Bà. Hai bàu dính liền nhau bằng một cái eo nhỏ. Bề dài của hai bàu độ một cây số và bề ngang chừng 300 thước, nước trong vắt, quanh năm có bông sen. Xung quanh bàu có động các tảng phau nên còn gọi là ba động.

— Tại ấp Vĩnh Hào, xã Vĩnh Hòa, quận Tuy phong có suối nước gọi là suối Vĩnh Hào, xưa kia có tên gọi là Suối Tiên. Nước suối có nhiều muối khoáng, giống như nước Suối Vichy của

Pháp, luôn luôn nóng khoảng 37 độ, rất thích hợp cho những người mắc bệnh đau gan, bao tử. thật. Một công ty khai thác với 51% số vốn của Chánh phủ đặt máy móc vô chạy nước suối, mở những phòng tắm và hồ tắm riêng cho trẻ em. Hiện nay vì tình hình an ninh, mọi hoạt động của nhà máy phải tạm ngưng.

Cách chợ Phan Thiết hơn 3 cây số về phía Đông Nam có một ngọn đồi cao sát bờ biển, trước kia là Trung tâm huấn luyện thanh niên (ÉSÉPIC) bây giờ là phi trường. Đứng trên đồi nhìn bao quát châu thành Phan Thiết đến tận chân dãy Trường Sơn.

— Bãi biển Phan Thiết ở ấp Bình Hưng, gọi là bãi Thương chánh, vì cơ quan Thương chánh trên vệ đường sát bãi, là nơi hóng gió, tắm lội của đồng bào. Trên mặt cát trắng phau có một đập đá dài độ 400 thước đập thẳng ra biển vào năm 1962. Mỗi ngày lúc mặt trời vừa mọc và buổi chiều, sau giờ làm việc bãi biển nhộn nhịp đầy người. Tiếc

thay từ ngày có xóm đồng bào Bắc Việt di cư ở phía trên thì một phần lớn bãi biển hóa thành nơi phóng uế công cộng khiến cho diện tích bị thu hẹp lại không đầy một phần năm của bãi biển chánh thức. Đã vậy, ngay chỗ tắm được vẫn có kẻ cao hứng «tương» ra nhiều bãi tú ụ, mỗi lần sóng tràn lên đẩy chúng trôi rập rình, làm mất hứng bà con. Tình trạng này đã kéo dài hàng chục năm mà chưa được chánh quyền địa phương sửa sai cho nhân dân nhờ, nhất là đỡ thẹn với người ngoại quốc.

Sinh hoạt

Muốn đến Phan Thiết, đồng bào ở Saigon ngồi xe dò theo quốc lộ số 1, hằng ngày có 4 chuyến đi về trên khoảng đường 197 cây số. Trước đây vài năm, các cây cầu dọc đường bị phá hư nên đồng bào phải đi mấy bay hoặc ghe biển. Đường xe lửa đi suốt ra Bắc cũng bị phá nhiều đoạn và tạm ngưng mấy năm liền. Tuy nhiên, theo đường bộ

thỉnh thoảng có điều lo ngại về mặt an ninh, nên nhiều người thích dùng đường hàng không hơn. Từ Phan Thiết đi Phan Rí, Phan Rang, Nha Trang phải dùng đường biển có phần yên ổn hơn là đường bộ.

Bình Thuận là một tỉnh chuyên về ngư nghiệp và nông nghiệp nên phần lớn các phẩm vật xuất tỉnh đều do 2 ngành này cung cấp, đại khái như cá mực, tôm, cua, ghẹ, ốc, dưa bầu, đậu xanh, đậu trắng, mè, hạt dưa, bông vải, muối, cá hộp, cá hấp, cá khô, cá muối mặn, cá muối tươi, bong bóng cá, vi cá, mực tươi, mực khô, cá ướp nước đá và quan trọng nhất là nước mắm.

Tại tỉnh lỵ không có xí nghiệp lớn chỉ có một cơ sở kỹ nghệ hạng nhỏ liên hệ mật thiết với nền ngư nghiệp và nông nghiệp của tỉnh. Nhờ nền ngư nghiệp phồn thịnh, tỉnh Bình Thuận có một số lớn cơ sở chế tạo nước mắm, một xưởng làm cá hộp, một số cơ sở muối cá và xưởng làm nước đá. Phan Thiết là trung tâm sản

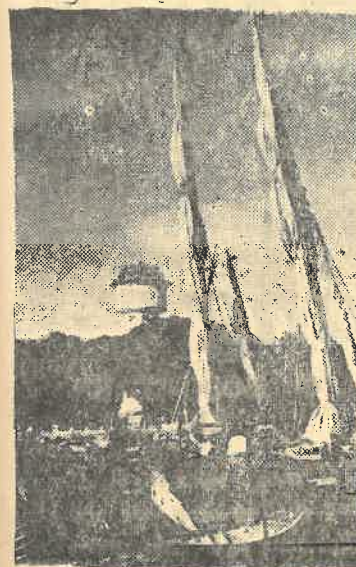
xuất nước mắm quan trọng nhất của Việt Nam, đã cung cấp cho 3 phần 4 nhu cầu của toàn quốc. Dưới thời Pháp thuộc, nước mắm Phan Thiết bán ra khắp miền Trung Bắc, miền Nam và Cao Miên. Từ năm 1942, 1943 đồng bào miền Nam và Việt Kiều ở Cao Miên dùng cá sông, cá đồng nhất là cá lình làm nước mắm Phan Thiết giảm sút khá nhiều.

Trong tỉnh có 4 ruộng muối Thượng Văn ở quận Tuy Phong, Trinh Trường ở quận Hàm Thuận, Tân phú Xuân ở quận Thiện Giáo và An Hải ở quận Hải Long. Diện tích muối đã được thực sự khai thác trong năm 1964 là 1.703 483 thước vuông.

Diện tích lâm phần ước chừng 259.558 Mẫu tây, chia ra : rừng Vĩnh Viễn 9 558 mẫu, rừng bảo vệ 250.000 mẫu. Về lâm sản có nhiều loại gỗ quý như trắc, cẩm lai, gỗ, cẩm xè, các loại gỗ tạo tác và gỗ kỹ nghệ như sến, bằng lăng, dầu, vên vên, lâm sản phụ như : tre, lồ ô, mây, dầu rái, dầu cát, vỏ sừng, chai cộc. Đồng bào

đốn củi, hầm than, cắt lá buong, cung cấp dư dã trong tỉnh.

Hải phận Bình Thuận dài 140 cây số, phía Bắc giáp hải phận tỉnh Ninh Thuận, phía Nam giáp hải phận tỉnh Bình Tuy, là một vùng biển có nhiều cá nhất ở miền Trung. Số ngư dân ước chừng 21.818 người, tổng số



Bến ghe đánh cá tại Phan Thiết (ảnh của Ngô đình Cường)

ngư thuyền hành nghề là 4850 chiếc, gồm 2812 chiếc không động cơ, 2038 chiếc gắn động cơ.

Một loại sản phẩm xuất tỉnh khá đặc biệt là hạt dưa—Dưa hầu loại tỉnh bầu dục, trồng trên đồi cát ở tỉnh Bình Thuận, có trái vào tháng 7 trong năm, khác hẳn loại dưa tròn ở Miền Nam có trái vào dịp Tết. Dưa Phan Thiết ăn không ngọt lắm, người trồng chỉ mong lấy hạt để bán cho Hoa Kiều xuất cảng sang Hồng Kông.

So với các tỉnh ở miền Trung người ta có thể cho rằng tỉnh Bình Thuận được liệt vào hạng trù phú nhất, nhì. Đồng bào trong toàn tỉnh sống sung sướng với nghề nghiệp, ruộng đất, cơ sở của mình. Ngày nào Hòa bình vẫn hội, các ngành sinh hoạt không bị ngưng trệ, cản trở thì tương lai của tỉnh sẽ tươi sáng gấp nhiều lần hơn hiện nay.





Chà lạng

● NGỌC-TUYỀN
KBC 4277

Ngày vừa thức giấc. Ánh sáng nhợt nhạt tràn vào khe cửa và dùng lại e ấp trên khuôn mặt trẻ ham ngủ. Vài cái khẽ cựa mình chưa đủ sức làm nhún nhảy mấy thanh giường sắt. Quân trường còn nuôi dài giấc điệp.

Tôi tung chân ngồi dậy và xuống giường từng bậc một. Hai thằng bạn ngủ phía dưới tôi trông có vẻ còn say sưa, thoải mái như hai khuôn mặt tỉnh êm đẹp.

5 giờ. Một hồi còi thúc giục

NHẬT KÝ

vang lên. Suốt phòng, bọn lính lổm nhổm, quờ quạng, khua động bầu không khí yên tĩnh ban mai bằng dư âm thanh hỗn độn, kỳ thú.

Vặn chiếc nắp nhựa bị dưng: tôi hớp một ngụm nước nhỏ để tẩy cái miệng hôi hám buổi sáng.

Cùng với mọi người, tôi móc chiếc gà mèn nhảy xuống giao thông hào và bắt đầu chà lạng.

Đã hai tuần bỏ quên rồi. Giờ tôi bắt đầu thực hiện lại cái nghệ thuật làm dáng cho nàng quân trường và duy trì cho đến lúc rời khỏi trung tâm.

Nàng phần dưới cái gà mèn. Tôi đánh ập chiếc cán vào rồi nắm lấy một cách chắc chắn để bành động. Mặc dù đây chỉ là một động tác đơn thuần, độc điệu nhưng tôi đang thực hiện với tất cả sự say mê của tôi. Tôi nói không quá rằng người nghiện hút mê à phù dung chừng nào, cây cọ của chàng họa sĩ đã cảm bị thu hút trước vẻ đẹp của một «Hàng Nga» xuống trần bao

hiều thì tôi triệu mồn giao thông hào này bấy nhiêu.

«Nhớ ai như nhớ thuốc Lào...» chắc hẳn ngày mai đây, ra đơn vị, có những phút dư tay dư chân, không có chút dặt dưng vô thì tôi lại ray rứt cái thú chà lạng này lắm!

Cái gà mèn của tôi bây giờ chạy lên chạy xuống nhịp nhàng và uốn chuyển lạ thường. Mặt đất vàng phẳng phiu và mịn bóng như một tấm thân ngà ngọc. Bên trái, bên phải, sau lưng tôi và đằng xa kia, trong cái giờ phút khả ái buổi sáng trong làn gió đưa hương trinh nguyên của bình minh dịu vợi này, chúng tôi cùng nô nức nghề đất. Nhìn đám lính làm việc, bạn sẽ nghĩ ngay đến một né tằm nhả tơ, một bầy ong làm tổ hoặc một tập thể thợ nề đang hăng say trải vách.

Tôi giữ một quãng giao thông hào 2 mét. Những dấu chân chim đêm đã xóa sạch. Tôi nghiêng chiếc gà mèn mức đất từ lòng giao thông hào đắp lên



chỗ lở. Đất chảy xuống. Tôi kéo lên. Đất vụn ra. Tôi lún xuống.

Những ngày ở Quang trung, thay vì chà lán giao thông hào, tiểu đội tôi được giao phó coi sóc một con lộ nối Tiểu đoàn Gia Long và Nguyễn Huệ. Chức cai của tôi lúc đó cũng khá oai đấy chứ nhưng thực tế năng suất chỉ huy thì quá khiêm

nhường ! Lính cả lán mà ! Quá nhiều con gà chết trong tiểu đội. Bọn hán lặn khá nhiều nên cuối cùng tôi phải gia tăng quét lượm những chiếc lá quai quỉ cứ đêm đêm lún xuống nằm trần truồng, vung vãi trên mặt lộ. Xin nói thêm rằng tôi đã lượm thật sự chứ không phải làm con nai ngơ ngác đứng nhìn lá vàng rơi đâu ! Hít đất, nhảy xồm cả

lũ nếu tôi cũng cà chớn như mọi người. Công việc lúc ấy rõ chán ngán !

Chỉ có năm phút chà lán. Cái gà mèn tiếp tục chạy đều đều, xoay chiều và dật dấn ý thức tôi đến chiều cao của nghệ thuật tô điểm cuộc sống. Từng ô đất xinh xinh hiện ra. Tôi vui sướng như một cậu bé lên năm ngắm tác phẩm bằng đất của mình vừa hoàn thành.

Thằng Thanh chia cho tôi nửa ổ mì nguội có rắc bột đường. Phần ăn này đã tăng thêm cái tròn đưa đẩy chiếc gà mèn. Khúc mì nhỏ chui gần vào chiếc bao tử xẹp lép của tôi và 2 mét giao thông hào cũng bắt đầu mặc chiếc áo lụa bóng.

Chiếc gà mèn của tôi xát vào lòng đất ẩm trở nên một vật trắng trẻo hấp dẫn. Những vầng mỡ thịt bò, những bợn cơm đóng nơi vành đã biến mất như một phép lạ. Xong việc, đem rửa sạch, tôi sẽ có một chiếc gà mèn thơm, ngon hơn bao giờ hết. Bữa cơm trưa nay tôi sẽ ngon

miệng nhờ nó.

Ấy đồ lính có khác phải không các bạn ? Trong khi chiến tranh leo thang và mang đủ sắc thái, vật giá gia tăng khủng khiếp vì mọi lý do thì bất cứ cái gì của nhà Banh cũng đều trở nên đa dụng. Các bạn thử xem cái nón sắt kia, nào bới cơm ngoài bãi, chia nước trà nơi sân bắn, khuôn đất đắp giao thông hào, mang đá cuội làm mô hình, lấy nước tắm trong những đêm nóng bức và nấu gà liên hoan, vân vân và vân vân. Ấy là chưa kể đến mấy cái nón sắt biến hình biến thể cả gan chui vào bụng mấy em tí tẹo hậu phương nữa đấy ! Theo cái đà đó, chiếc gà mèn cũng chạy đua để lãnh biết bao công việc.

Tụi thằng Ái, Thư, Trật... cũng chà lia lịa, cũng mãi mê công việc như điên. Không biết có cái động cơ nào thúc đẩy ngấm bên trong như hít đất, nhảy xồm, nhào lộn không chứ thực sự mọi người đều vui vẻ làm cả.

Phút chốc, đôi bờ đất chữ chỉ ngoằn ngoèo, xinh xắn trườn mình lên cao và khoe khoang cái hào nhoáng của mình. Nó có vẻ kèn kiệu của một cô gái lữ thì làm dáng !

Càng làm nhiều mỗi sáng, nghệ thuật chà lảng của tôi càng điêu luyện, tinh vi. Dù đây chỉ là một sinh hoạt tầm thường nhưng biết đâu đây là khởi điểm hướng ta đến yêu say mê một công trình mỹ thuật to lớn, hoa lệ sau này.

Đoàn quân cà mèn về nhà bàn

Đặt cây ga răng «ôm mà mệ» đã xiết cò chết vào giá súng, mở túi quần trang, tôi quơ vọi cái gà mèn nhét vào bụng, cài chiếc ca vào thắt lưng và chạy ra nhập hàng.

Anh Đại đội trưởng Khóa sinh vừa hét vừa la như dê vờ : «Vào hàng, vào hàng nhanh lên» ! Một hồi chuông đổ dài

như xua đuổi bọn gà lò cò loạng choạng trong phòng ngủ.

Thằng T. hồi thúc : «Ra nhanh kẻo hết đất bây giờ !» Cậu M. lớn lối hơn : «Năm vòng võ trường đây, bọn gà chết kia»

Trong khi đó, tiếng đếm lạnh lạnh của Đại đội phó Khóa sinh bên ngoài nhắc nhở : «Một... Hai... Ba... Bốn...» Tôi vẫn còn đủ thư thả tâm hồn để liếc tường đến những tiếng đếm thực lùi vào giờ phút chót để khai hỏa chiếc Saturn IB có gắn Phi thuyền Apollo 7 từ mũi Kennedy.

Tiếng đếm chấm dứt. Mọi người hàng ngũ chỉnh tề. Một vài cậu từ trong phòng nhỏ đầu ra lập tức lãnh 100 cái nhảy xôm tại chỗ. Thế là thiên hạ có dịp há hốc miệng để thở chứ hai lỗ mũi bé tí kia không xuể. Lệnh di chuyển đến Nhà Bàn ban ra. Lại một cậu nhập bọn trẻ ! Trung sĩ X. lôi cổ cậu ta ra khỏi hàng, bắt ngồi xuống, chống tay vào hông và nhảy lệch bệch theo sau như một chú cóc con ! Anh

em được một trận cười ra nước mắt.

196 cái gà mèn thủ trong áo xám. 196 cái ca móc vào hông phải. Nhìn cảnh tượng này bạn sẽ dễ dàng hình dung 196 thiếu phụ ngày xưa trang bị đầy đủ những chiếc trầu tròn ten bên bụng chứa vậy !

«Đâu phù hiệu trường Hạ sĩ quan. Lò luyện thép tân tiến nhất Việt Nam...» Họ vừa hát vừa rập ràng bước. Tiếng đếm nhanh dần. Nhịp chân mau hơn. Đoàn quân gà mèn bắt đầu chạy đều Tiếng ca đập vào hông lóc cóc hòa nhịp bước chân rầm rập trên lối đi lát đá thành một điệu nhạc chói tai, nóng bức. Trung sĩ X : vừa chạy vừa nhìn anh em vờ khen : «Hôm nay hát hay lắm, không ồn nữa. tôi sẽ cho ăn 5 phút» Khóa sinh nghe đỡ khổ lắm.

Nhìn cái vui nở trợn vện trên nét mặt bờ trai của Trung sĩ hôm nay, tôi thấy dễ thương lạ ! Có lẽ còn đẹp hơn khuôn mặt người tình bé nhỏ của tôi !

Cũng cái vẻ mặt non choét ấy mà hôm qua trung sĩ X. đã cho anh em ngâm muống chạy ba vòng võ trường và ăn chớp nháng 3 phút theo chiến thuật Quang trung. Đại đội nghe âm ức trong lòng nhưng cũng phải miệng hén.

Sau khi kiểm soát bàn ăn, Đại đội tiến chiếm nhà bàn từng hai hàng một và dừng lại từng ô vuông bốn người.

Trên các dãy bàn bọc kẽm sạch sẽ đã dọn sẵn từng mâm cơm bốn món. Tuy chẳng cao lương mỹ vị nhưng nấu nướng có vẻ kỹ lưỡng nên trông hấp dẫn đối với chiếc bao tử đói meo, hờm sẵn của tôi hiện tại. Những thau cơm trắng hiện từ và đầy ắp áp như tấm lòng mẹ quê !

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

Khóa sinh trưởng đưa từng hiệu lệnh một, thực khách đáp lại rập ràng :

- Khóa sinh kéo !
- Ghế.
- Khóa sinh bước !
- Vô.
- Khóa sinh ngồi !
- Xướng.
- Aoh em sẵn sàng chưa ?
- Sẵn sàng.
- Mời anh em dùng !

Một trận lốc nhỏ xảy ra đây rồi ! Những chiếc gà mèn bung mạnh và mọi người vào bữa một cách ngon miệng. Bữa cơm trưa này không có khai vị bằng những vòng võ trường nên ai nấy có vẻ hào hứng lắm. Những đĩa cá mồi voi dần. Những vương rau muống luộc giảm lượng ngoạn mục. Những rá cơm xuống thang nhanh chóng. Vài tâm sự vụn tuông raben lẽ bàn kềm. Đợi giai thoại làng binh (ở đây không có làng Nho lẫn vào) trong các đêm Hà ra, Xóm Bóng dậm vào bữa



cơm như những chất liệu tươi mát Nào chiếc cổ cô bán chè vườn xoài trắng hếu, nào bàn tay con bé xóm dừa mềm như nhung... thằng T. toan cho con nhỏ Ba làng mượn nón sắt !

Kính thưa quý vị thân hào nhân sĩ nhà bản Đ. «Bình phương» ! Chúng tôi những con nhà võ, được vũ trang toàn những bao tử bọc sắt có hạng nên bất cứ món ăn gì mà quý Ngài cổ nhĩ ý gợi gắm vào bụng dạ chúng tôi cũng tiêu thụ được hết. Với món cá mỗi pày, trời ơi ! nó có giá trị như một món ăn thượng hạng ở các đại tửu

gia Sài gòn. Ý kiến các bạn như thế nào không biết, phần tôi, xin đem hết cái danh dự nhà binh nói phét ra rằng món cá này đã kích thích chiếc dạ dày tôi đến mức tối đa.

Những chiếc sọ cá lóc cứng hơn đá ở Quan trung làm tôi



nghe ơn ớn chừng nào thì món cá chiến này dụ dỗ bữa cơm tôi bấy nhiêu. Thật tình tôi đã mê nó như điều đồ.

Chỉ trong chốc lát, cơm, cá, canh, rau đã bị quét sạch. Đĩa bát được anh em xếp lại ngay ngắn. Cơm rơi được lược sạch sẽ trước khi rời bên.

Gà mèn rửa xong bọc vào áo. Uống nước xong, ca giặt vào thất lưng. Hàng ngũ chỉnh tề. Nhịp hát vang, Đại đội chạy đều hàng về trại theo nhịp còi của Trung sĩ X.

Bữa ăn ở Quang trung hỗn độn và ồn ào như phiên chợ Tết. Bàn ghế và sàn nhà ngổn ngang những đồ thừa, giấy vụn. Trái lại ở đây thì sạch sẽ, ngăn nắp, trật tự, rập ràng dễ coi. Tôi ưa Đồng để dễ điểm này.

Nếu mọi sinh hoạt xã hội được rập khuôn theo kiểu nhà bản Đồng để thì làm gì có rối loạn, xuống đường và biểu tình đòi sửa đổi một chế độ nhà bản bạn nhĩ ?



TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT



Nhớ cố hương

I.— Thưa nhân chạnh nhớ cố hương ta
Thất thê) từng cơn lệ nhỏ sa !
Nghĩa địa ông bà, nào thấp thoáng
Mộ phần cha mẹ lại lìa xa
Vườn cây, liếp đậu, xưa sung túc
Thửa ruộng, giồng khoai, hiện xóa nhòa
Hận bấy chiến tranh xơ xác cả !
Chung nào hát khúc «Khải Hoàn Ca ? »

II.—Chừng nào hát khúc Khải hoàn ca ?
Cứu vãn cơ đồ một quốc gia
Hàn gấm vết thương lòng đất mẹ
Tò bồi nứt rạn cảnh quê cha
Phì nhiêu điền địa, nguồn sinh !hiếu
Sung mậu viên lang, lợi tức đa.
Đoàn tụ Lạc Long trong tổ ấm
Thanh bình vĩnh viễn, dứt phong ba.

PHAN-NHU-Ý
(Phù-Nhuận)

Thư Gửi Một người

● THANH-VIỆT-THANH

KÍNH gửi bà Thùy
Linh liệt thư Tùng Vân
Châu Phú (An Giang).

Thưa bà,

Không cần đọc vội, cứ
nhìn tên người gửi và địa
chỉ ngoài bì, với xấp thư
dầy cộm này, hẳn bà không
khỏi ngạc nhiên và sẽ tự
hỏi : Giữa tôi và bà, từ bao
giờ cho đến bây giờ, tuyệt
nhiên vẫn chưa hề có một
sự liên lạc cộm con nào, thế
tại sao tôi dám đường đột
mà viết cho bà dài gióng
đến mười lăm trang ? Tôi
sẽ nói gì với bà trong thư

này ? Xin thưa rằng : Tôi sẽ
không nói gì nhiều với bà
cả ngoài những đoạn cần
thiết và bắt buộc ở đây tôi
chỉ xin kể hầu bà một câu
chuyện nhỏ thôi, câu chuyện
cha con người mù thời sáo
trên đời mai, gần bãi bẽ
Nha thành mà ngày xưa có
một người...

Thưa bà,

Trước khi vào đề, tôi
tưởng cũng cần nói để bà
biết và thông cảm cho rằng :
Câu chuyện này cũng như
muôn ngàn câu chuyện
không vui khác nó vẫn
mang tính chất u buồn và

mai nữa. Vậy xin, nếu có thể, bà hãy an lòng dành lại đến lúc nào nhận thấy tâm hồn thoải mái, cần một đổi thay, bấy giờ bà hẳn đọc cũng không muộn.

Thưa bà,

Thời gian câu chuyện bắt đầu vào một chiều thu, có nắng hoe vàng, có liềm trăng sớm dưới chân mây và có cả tiếng rì rào qua nhạc sống lẳng tăng vắng từ ngoài khơi xa ven bờ.

Chiều ấy, cũng như mấy chiều qua, Hoàng, tên người trong truyện cứ thần thờ đi trên cát ướt, mắt mờ hồ nhìn vào khoảng không, chẳng để ý gì đến triều nước đang lên gần liếm sát chân chàng.

Bãi hôm đã vắng bóng người chỉ còn sót lại năm ba bác chài về muộn đang vội vã thu lưới vào bờ.

Mãi đi, bỗng nhiên Hoàng thấy lạnh ở đôi chân, chàng

cúi xuống nhìn, rồi vẫn im lặng ưu tư, thờ dài trở gót.

Hoàng hôn nhuộm màu vạn vật. Cát vàng lấp lánh trăng đêm. Hàng đá xám lơ nhơ từng hòn chạy dài ven bãi trở thành một dãy băng đen cũ kỹ, nhoẹt nhoẹt.

Hoàng lại đánh diêm châm thuốc, rồi tiếp tục đi, đầu óc vẫn miên man nghĩ ngợi, niềm đau vẫn ray rứt trong lòng...

Nhưng khi đến gần dãy đá, Hoàng bỗng giật mình lùi lại. Trước mặt chàng từ trong hốc, ba bóng người bỗng nhảy vọt ra bao lấy chàng. Không nói gì họ liền nhau đánh mạnh vào người chàng bằng những thanh gỗ ngắn cầm sẵn nơi tay. Hoàng chống cự mãnh liệt, nhưng sức Hoàng có hạn nên chỉ vài phút sau là chàng ngã quỵ trước những thanh gỗ cứng như đồng của ba người đánh trộm la mặt. Hoàng ngã dài trên cát,

đuối dần... Thế mà bọn người kia lại còn hùng hổ xông đến bồi thêm vào đầu vào mặt Hoàng mấy cái nữa rất nặng.

Từ lâu, nấp sau tảng đá lớn, chứng kiến cảnh giết người diễn ra một cách độc ác, một thanh niên vận âu phục rất lấy làm khoan khoái và luôn sâu hiềm gật đầu cười. Khi thấy Hoàng không còn cự quây, bấy giờ hắn mới bước ra hỏi khẽ :

— Nó đã chết hẳn chưa anh Bảy ?

Qua ánh tối lơ mờ của ánh liềm trăng, một người trong ba, khẽ cúi xuống đưa tay sờ vội vào mũi Hoàng, rồi cung kính đáp :

— Thưa cậu nó chết thật rồi !

— Ừ, thế là xong ! Khá lắm ! bỏ mặc xác nó đấy, ta về thôi, anh em !..

Sự kiện xảy ra như là một pha tiểu thuyết kiếm hiệp của Phú Đức hay hơn thế, như là một bi kịch tuyên truyền hạ cấp... Nhưng dù sao khi đọc đến đây, chẳng biết tâm hồn bà có xao động chút nào không, riêng tôi, lúc chép lại những giòng này, tôi thấy lòng chua xót lắm. Nước mắt tôi cứ hồ muốn chảy ra, ngòi bút tôi như đang lướt trên sỏi đá gập gềnh... Thưa bà, hẳn bà cho rằng Hoàng đã chết thật. Thưa không, Hoàng vẫn sống và còn nhận biết kẻ đã nhẫn tâm mưu người giết mình để cướp vợ mình nữa kia ! Kẻ đó là Vũ, vàng là Vũ, bạn Hoàng ! Chắc bà không ngạc nhiên ? vì rừng trên thế gian này, những

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

thằng bạn phản bạn, giết bạn qua một lý do đơn hèn nào đó, như ái tình chẳng hạn, hẳn là không hiếm, mà trong đời bà, ít ra một lần bà cũng được gặp..

Và bây giờ xin mời bà nghe tiếp câu chuyện, dĩ nhiên là câu chuyện hết sức «cải lương», nhưng có thật trăm phần trăm.

Như đã nói với bà ở đoạn trên, Hoàng vẫn sống và còn nhận ra được Vũ đã chủ mưu giết mình là nhờ trong giây phút chót của tấn kịch, Hoàng tỉnh lại kịp thời để được nghe thấy tiếng nói quen thuộc cùng lệnh truyền rất ư là hiếm ác và oai vệ của Vũ... Sau hơn mười năm phút quẩn quại một mình trên cát lạnh, Hoàng may mắn được nhờ mấy người chày cá tình cờ đi ngang qua đây mang về nhà săn sóc, tìm thuốc băng bó các vết thương cho. Suốt hai tháng dài đôn đau hành

hạ, với sự tận tâm và lòng nhân ái của những người chài cá tốt bụng ấy, các vết thương của Hoàng đều lành hẳn, chỉ trừ có đôi mắt là không chữa được vì mấy thanh gỗ đánh vào, sau cùng trúng nhẩm quá nặng.

Mọi việc mất mát dù to hay nhỏ, đối với Hoàng bây giờ không còn có nghĩa lý gì nữa. Chẳng chỉ tiếc rẻ và ân hận, buồn rầu khi biết mắt mình không còn được trong thấy ánh sáng để có thể tìm quên niềm tâm sự nào nề qua nghệ thuật pha màu, sáng tạo. Hoàng là họa sĩ nghèo, nghèo cho đến nỗi không làm thỏa mãn được những đòi hỏi của vợ là: thoi son, chiếc áo. Thế cho nên, Liên, vợ chàng trong những ngày chàng đi xa vắng nhà, đã vội quên lời thề chung thủy cũ thuở mới yêu nhau mà đành tâm vụng trộm ái ân với Vũ người bạn rất giàu của Hoàng.

Rồi để được sống yên thân và sang trọng hơn bên cạnh Vũ, sau ba ngày bị bắt chột bắt gặp mình tư dâm với Vũ Liên bên bàn với tình nhân mười người giết Hoàng trong lúc Hoàng đang buồn rầu đi vợ vẫn để tìm cách đối phó với bạn với vợ trên bãi biển chiều hôm như lời đã tả tỉ mỉ ở đoạn đầu. Ngờ Hoàng chết thật, không do dự và chẳng chút xót thương Liên liền xem đứa con trai đầu lòng gửi vào cô nhi viện mà cách đó không lâu, sau khi lành bệnh. Hoàng đã cố dò đến nơi xin lại — để được thông thả đi xây mộng vàng với Vũ!... Thế là xong, một nghĩa tình chồng vợ, mẹ con. Chao ôi! còn mai mả nào hơn?

Hoàng từ khi mù mắt, qua bao nhiêu cố gắng lảng quên và đè nén những ề chế, đã trở thành một nghệ sĩ rày đây mai đó với đứa con còn đeo bẻ trên tay...

Dòng đời năm tháng trôi qua, trên khắp ngã đường đô thị, thôn quê, nhờ trời đưa con của người mù thối sảo kia được may mắn và lớn dần qua tình thương sâu đậm của bà.

Thế rồi thời gian cứ tuần tự luân lưu một cách nặng nề, chậm chạp và tẻ buồn trên mái đầu lấm tấm bạc của Tiểu Lang; một danh từ mà nhân thế muôn phương cảm tụng cho Hoàng, và trên bờ tóc xanh bông rớt, sớm banh nắng phong sương, thiếu bàn tay mẹ hiền ve vuốt của Giang, con Hoàng!

Nhưng than ôi! chuỗi ngày tha hương buồn tẻ mà hợp sum, trời nổi có nhau đó, đã không còn về với cha con Tiểu Lang nữa! chàng đã vội lìa biệt đứa con thơ yêu quý vừa mới hai mươi tuổi đời khôn lớn để tìm sang cõi khác trong một đêm sâu không có trăng

sao bên vĩa hè đô thị.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Tiểu Lang đã kể lại tất cả nỗi niềm tâm sự chua chát của mình cùng quãng đời tội lỗi của vợ cho Giang nghe, và không quên dặn bảo Giang đừng nên làm buồn mẹ dưới bất cứ hình thức nào : « Con hãy tha thứ cho mẹ như cha đã tha thứ cho nàng từ bấy lâu nay ! »

Thưa bà,

Câu chuyện thương tâm và bi đát này, đến đây thì bắt đầu chuyển sang một giai đoạn khác, một giai đoạn rất là éo le và chua chát hơn nhiều. Với tâm hồn đang xao động và nổi lòng đang xáo trộn của bà hiện tại tôi đoán chừng như vậy—Không biết rằng bà có còn đủ can đảm mà đọc tiếp nữa không ? Vì thế giúp bà tránh bớt phần nào giao động đó, tôi xin lược bỏ hẳn

đi những chi tiết có thể làm cho bà hoặc vì xúc cảm, hoặc vì xót thương hay hoặc vì một lý do đặc biệt nào khác mà phải rơi lệ trong khi chưa đọc hết trang chữ cuối cùng. .

Thưa bà,

Đây là phần kết câu chuyện mà tôi sẽ kể lại rất vắn tắt như đã hứa với bà ở trên. Vậy xin mời bà bình tĩnh đọc tiếp...



Nhờ một nhóm người hảo tâm giúp đỡ Giang được an táng cha trong «Xã hội nghĩa trang», cách ngoại ô thành phố một khoản đường dài. Từ đó Giang làm lễu tranh ở hẳn bên mộ cha, sớm chiều hương khói.

Rồi, cứ vào đêm khuya vắng, từ trong lòng bãi tha ma tiếng tiêu sầu não của Tiểu Lang ngày nọ, luôn được lặp lại qua giọng ti ôi u buồn và mủi đầu ngón

tay gầy dẹt của Giang.

Âm vang tiếng tiêu sầu nhất khoan, trầm bổng giữa đêm khuya ấy vô tình đã làm cho người nghe ngậm ngùi thương cảm, lòng nặng một niềm băng khuâng vô cớ... Thế cho nên đúng một trăm ngày sau, người trong vùng đã tìm cách đưa Giang ra khỏi nghĩa trang, không cho chàng ở đấy nữa, mặc dầu chàng đã hết sức van cầu. Biết không làm gì khác hơn, Giang đành buồn rầu nhìn mộ cha lần cuối, rồi ngậm ngùi cắp sách ra đi, đi hút sâu vào ngã đường vô định.

Qua bao nhiêu là đoạn đường cay đắng, dày dạn phong sương, thui thủi độ hành, Giang ngày này đã trở thành một con người rắn rỏi, hết tru tư và hiện đang làm nghĩa tử cho một nhà điêu khắc kiêm họa sĩ.

Giang cố học vẽ qua sự

tận tâm của người cha nuôi này. Chàng muốn nối tiếp đoạn đường dang dở của cha xưa.

Nhờ có chút trí thông minh, nhờ có chút tài sáng tạo khá sâu xa và mới lạ, mới đây Giang được cha nuôi gửi sang Pháp để theo thụ giáo với một nhà danh họa, trứ tượng. Bạn của cha nuôi chàng.

Cũng như muôn ngàn lần nghỉ ngơi đã qua, một lần nữa trước khi lên phi cơ lia quê hương, những ý niệm về lời dặn bảo trấn trời cao thương của cha, cùng những sự kiện tội lỗi dè hèn của mẹ lại làm Giang thêm tủi buồn nức nở...

Niềm nhớ thương cha càng trĩu nặng bao nhiêu, thì nỗi trách hờn khinh bỉ mẹ lại càng dâng lên trong lòng Giang bấy nhiêu. Thế rồi, trong một giây tâm hồn căng thẳng, Giang đã làm

trái lời dặn của cha. Chẳng vut đến ngay bàn viết viết về cho mẹ một lá thư dài mà trong đó, có lồng câu chuyện cũ của hơn hai mươi năm về trước...



Thưa bà,

Đọc đến đây chắc bà đã hiểu, hiểu kẻ đang hầu chuyện đây là ai? 1. Tâm con bà? Vâng, tôi là Tâm ngày trước và là Giang ngày nay của bà đây...

Đang sống trên nhưng lựa bên cạnh chồng con, lòng không hề bận chút tư tư bé nhỏ nào, bỗng dưng có người đem kể cho bà nghe một câu chuyện tình dĩ vãng không hay mà từ lâu bà tưởng nó đã chìm hẳn trong lớp bụi thời gian, không còn ai có thể biết được, hẳn bà không bằng lòng;

Thưa bà,

Viết cho bà câu chuyện cũ này, không phải là tôi cố ý hải tội bà để trả thù cho cha mà chỉ xin nhắc lại cho bà biết rõ một sự thật rất đời chua cay và náo lòng hơn những điều mà bà tưởng bấy lâu nay, thế thôi.

Còn lương tâm bà, sau khi bà đọc xong, có cần rút bà không, đó lại là một chuyện khác ngoài ý muốn của tôi.

Trước khi ngừng bút, sau cùng, xin bà vui lòng đại xá cho những lời lẽ không được nhã và cách xưng hô không được êm dịu mà tôi đã dùng trong suốt bức thư. Vì danh từ MẸ, khá ái và thiêng liêng, đối với bà bây giờ tôi chưa dám gọi, dù là rất muốn...

Một lần nữa xin bà tha thứ cho.

Kính chào bà
(Đứa con chưa bao giờ được gọi bà bằng mẹ)
GIANG

Năm bản Tuyên dương

● T. A. T. N

(Viết theo lời kể chuyện của một y sĩ Bắc Việt hồi chánh)



THIẾT ra nguyên nhân tại sao tôi hồi chánh không phải mãi tới những ngày gần đây khi gặp phải một họa nạn éo le nào đó mới nảy ra ý nghĩ, mà thực ra ý nghĩ đó đã có từ lâu khi còn học ở trường y khoa Hà nội.

Bởi vậy, khi mới ra trường được vài năm thì hôm đó tôi «được» chỉ định đi thực vụ tại tiền tuyến ở Miền Nam, trong khi các Y sĩ khác nhiều người có vẻ hoảng hốt lo âu vì phải xa gia đình và sợ bom đạn Mỹ, thì ngược lại tôi lại mở cờ trong bụng khi tôi tự nhủ trong bụng tôi rằng :

«Các anh lợi dụng tôi để làm được việc cho các anh, thì tôi cũng lợi dụng các anh để đi cho khỏi các anh. Đúng như câu nhà văn Hoàng Đạo đã viết : Ngựa truy phong anh cột liền ngoài cửa, thì bài cuốn chiếu em cũng đã sắp sẵn trong nhà, Vào tới Nam tôi sẽ liệu cho các anh»

Nhưng bây giờ đây tôi biết nói gì với các bạn, vì nói đúng sự thật trăm phần trăm thì lại sợ các bạn không tin và cho rằng, lời nói của một kẻ phản bội đặt điều nói xấu. và tôi có thể bị người ta khép vào thiếu căn bản đạo đức.

Nhưng không lẽ các bạn hỏi

mãi mà tôi cứ không nói. Mà nói về tôi một thành phần trí thức lẽ dĩ nhiên đã bị bạc đãi trong chế độ Cộng Sản. Còn những thành phần mà Cộng sản cho là bản độ: công Nông vô sản thì nhất định sẽ được ưu đãi. Đó là một sự hiểu lầm Cộng Sản rất sai lầm, đối với một số người chưa từng bị ở với Cộng sản, cho nên chưa biết được bộ mặt thực của chế độ Cộng Sản. Thì câu chuyện sống động mà bản thân tôi được chứng kiến sau đây sẽ giải thích với những ông bạn đang hiểu lầm Cộng Sản như thế.

Tôi nay tôi còn nhớ rõ. Ngày đó là ngày mừng 6 tháng giêng, ngày kỷ niệm thành lập đảng cộng sản Đông dương. Nhằm vào năm cuối cùng thực tập của tôi để tốt nghiệp trường Y khoa Hà nội, và hôm đó cũng là hôm đứng phiên trực của tôi ở bệnh viện Bạch Mai Hà nội. Qua một đêm thực thao thức với những giấy lát ngủ chớp mắt đứt quãng, tôi đang giờ thức giờ Ngủ bàng hoàng, bỗng nghe những hồi

chuông dồn dập của máy điện thoại, tôi choàng dậy năm ống nghe:

Đầu kia giây nói là một bác Công an cho biết một tai nạn vừa xảy ra gần bến tàu điện K. M. Và yêu cầu sự có mặt của một Y sĩ.

Tôi nhìn đồng hồ tay chưa đến 6 giờ sáng. Chưa có một Y sĩ nào có mặt tại bệnh viện giờ này. Tôi khoác chiếc áo «Bờ-Lu», sắp đặt lại thùng thuốc và dụng cụ trong khi người y công đi báo cho viên tài xế đem lại chiếc xe mà bên hông có mang chữ thập đỏ. Xe lướt mạnh trên các đường phố hiu quạnh, phóng qua một vài ngã ba, ngã tư rồi dừng lại bên cạnh một đám đông người đang xúm lại như bao quanh một người thầy mù đàn hát, hay một người bán thuốc quảng cáo đang cho con khỉ diễn tuồng. Tôi đoán ngay trong đám đông người đó là nơi xảy ra tai nạn.

Người Công An chạy tới khi

tôi bước từ trên xe xuống, Đám đông rẽ ra nhường lối cho tôi và người Công an đi vào. Nhưng ngay tích tắc ấy tâm linh tôi như bị một xúc cảm gì rất đặc biệt, người ta nhìn tôi với những cặp mắt lạnh đậm, khinh khỉnh, một vài người quay mặt đi, miệng lầm bầm, nhưng chúng tôi không nghe rõ họ nói gì, nhưng cũng nhận được những âm ba hằn học.

Vì lý do nghề nghiệp, tôi đã từng chứng kiến rất nhiều tai nạn. Với tư cách một người đem lại sự cứu cấp đầu tiên cho nạn nhân, đem lại sự an tâm cho thân nhân, bao giờ cũng được tiếp đón trong niềm nở, nồng nhiệt. Ngay cả trong khung cảnh bi thảm của tai nạn có người đã bày tỏ sự vui mừng khi thấy mình tới với chiếc áo «bờ - lu» trắng, với thùng thuốc men và dụng cụ, nhưng bây giờ sao lại thế?

Tôi cố gạt bỏ mọi phản ứng, chỉ nghĩ tới một mạng con người đang đợi mình trong cơn nguy kịch, tôi đi thẳng vào trong đám đông. Khi tôi đi lọt vào giữa

đám đông, thì vẫn cái cảnh quen thuộc ấy đang chờ đợi tôi như đã bao lần trước. Một người đàn ông nằm sòng soai, máu me trên áo quần và trên mặt đất. Tôi đặt thùng thuốc xuống đất, nhưng một cái nhìn phớt qua đã cho biết ngay rằng lần này sẽ không dùng tới thùng thuốc nữa. Cánh tay trái của nạn nhân đã bị xén đứt từ cổ xuống nách, xương sọ phía sau bên trái bị đập nát, não tủy vọt ra ngoài. Nạn nhân mặc một bộ quần áo xanh công nhân. Anh ta bị xe điện cán và hất văng ra chỗ ấy. Người qua đường đã nhặt cánh tay trái ở bên kia đường đem lấp lại bên mình anh để chờ sự khám nghiệm của nhà chức trách. Tay phải nạn nhân giờ lên như bộ điệu một người hô khẩu hiệu, trong nắm tay có mớ giấy cuộn tròn.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Tôi nhẹ nhẽo nhấc tấm khăn tay nhàu nát đang phủ trên mặt người xấu số. Tim tôi nhói lên trong khi bàn tay thả rơi mảnh vải nhàu nát rơi xuống như bị điện giật. Mắt tôi mờ đi trong giây lát, nhưng rồi cũng cố gắng tìm hiểu. Tôi cố rút những cuộn giấy vo tròn theo chiều dài đang còn trong bàn tay của nạn nhân nhưng bàn tay xiết chặt quá, vì lạnh cóng và cũng vì xác chết đang cứng lại tôi tự nhủ như thế. Sợ rách giấy nên tôi cứ đề yên, chỉ nhẹ nhàng phanh từ từ ra xem ở hai đầu giấy nằm thò ra ngoài bàn tay. Đây là những tờ giấy dày và tốt. Phía trên mang những tiêu đề :

«Việt Nam Dân Chủ Cộng»

«Độc Lập Tự do Hạnh phúc»

Dưới đó là những hàng chữ lớn đẹp để hoa hòe :

«Bằng tuyên dương công trạng :

«Giấy khen thưởng»

Cấp bằng danh dự vân vân

và vân vân. 5 bản chữ đầu phải một. Tôi không cần đọc thêm nữa xuống những hàng chữ d. rồi vì đã hiểu được vấn đề tất cả rồi. Hiểu luôn cả thái độ lạ lùng của đám người bằng quan khi thấy tôi hồi này, cũng như đã hiểu nguyên nhân và ý nghĩa của cái chết thê thảm xót xa này.

Vì trước đó ba tháng, tại phòng khám bệnh của tôi ở nhà thương Bạch Mai, tôi đã gặp người công nhân ấy 2 lần, lần chót thì mới cách đây 2 hôm. Tôi đau đớn nhớ lại hình ảnh anh ta khi đến cho tôi khám bệnh lần đầu tiên. Việc chẩn đoán bệnh tình cho anh ta rất dễ dàng, vì những triệu chứng đã quá rõ rệt. Lá lách sưng cao một bên, bán thân của bệnh nhân đã bắt đầu vào trạng thái bại liệt. Nguyên nhân ? Vì lao động quá sức. Thiếu nghỉ ngơi, điều dưỡng. Nhìn vóc dáng người anh tôi thấy rõ rằng anh, không phải là một người thể cách yếu đuối. Muốn hiểu rõ vì những hoàn cảnh nào đưa con người lao động cường tráng như

anh đến độ suy nhược cùng cực ấy ? Vô tình tôi đã khơi nguồn cho một sự kể lể dài dòng xót xa :

Anh xuất thân vốn dĩ là thành phần công nhân, bố anh là một thợ mỏ ở Hòn gay, vì tham đấu tranh cho cách mạng vô sản vào năm 1930, nên đã bị sở mật thám Pháp ở Hải phòng bắt và tra tấn năm đó, lại gia đình anh trong cảnh mẹ góa con côi.

Năm 1946, trong khi anh đang là một công nhân của nhà máy Lớn Hà Nội thì kháng chiến toàn quốc bùng nổ, anh cũng như bao người khác ở Hà Nội phải tản cư ra ngoài thành để tiếp tục sự nghiệp chiến đấu. Người thanh niên đầy nhiệt huyết lại được nung nấu cả hai mối thù nhà nợ nước, cả thù thù quốc và giai cấp nên anh đã vào sinh ra tử trong hàng ngũ Du kích bí mật ở địch ở hậu, đã làm công tác giao thông lên lạc vào ra những vùng xung yếu đã nuôi dưỡng, dấu dẫm cán bộ khi đi về công tác. Do những thành tích đó anh được

nhiều lần tuyên dương công trạng và được kết nạp vào đảng.

Định chiến rồi về tiếp thu Hà Nội, anh đem vợ con về thành phố để sống lại cuộc đời công nhân dưới một chế độ, cha con anh đã góp mồ hôi, xương máu vào xây dựng. Anh lại vào làm việc cho nhà máy điện Hà Nội. Ngoài công việc chuyên môn ở nhà máy, anh đã phấn khởi lãnh bao nhiêu công việc khác, một mình anh đứng đầu nhiều tổ, nhiều ban nơi đường phố và trong khu vực anh ở : Tổ điều tra hộ khẩu, ban bình dân học vụ, Tổ học tập chính trị... Chi bộ khu phố đề cao rồi đến Thành Ủy Hà Nội tuyên dương công trạng.

Đến lúc một công trường quan trọng được thiết lập ở một vùng rừng núi lam sơn chướng khí, làm hao mòn nhân số một cách nghiêm trọng.

Những người được Đảng chỉ định tới phục vụ nơi đây đâm ra e dè, tìm đủ mọi cách, mọi cớ để thoái thác.

Anh lại xung phong đi, bàn tay lao động của người công nhân thuần khiến phải làm thế nào cho xứng đáng với cái danh hiệu giải cấp tiên phong và giải cấp lãnh đạo, anh còn biết từ chối cái gì trước những cần thiết của đảng của cách mạng xã hội chủ nghĩa (?)

Anh đã quần quật suốt ngày nơi công trường, ngày đêm không quản giờ giấc, anh đã xung phong gương mẫu làm thêm những công việc phụ bếp nước cho anh chị em công nhân canh gác ban đêm, đề phòng phá hoại... lại bao nhiêu cấp bằng chiến sẽ đến với anh, bao giải thi đua anh đã đoạt được trong nhịp sống lao động cần cù sáng tạo, buộc bụng thắt lưng... Cho đến buổi sáng hôm ấy anh khắp khềnh bước chân vào phòng khám bệnh của tôi với thân hình xác xơ tiêu tụy. Con người công nhân đầy khí lực ấy đã còm cõi ngay đi trong độ tuổi tráng niên. Khám xong tôi ký ngay giấy nhận anh vào điều trị.

Nhưng các bạn có biết rồi sao

không? Chỉ 5 hôm sau, khi tôi vừa ở Giảng đường Đại học Y khoa về đang hấp tấp khoác vội áo «bô-lu» để đi thăm các phòng bệnh một vòng theo vòng theo thường lệ buổi chiều, thì viên phụ trách công tác chính trị của bệnh viện ghé lại. Vừa trông thấy mặt tôi hắn nói: «Tôi thấy cần tin lại cho đồng chí Y sĩ hay rằng tôi đã đề nghị cho ban giám đốc bệnh viện cho Hiệt — tên người công nhân — đi trại điều dưỡng...»

Tôi ngạc nhiên hết sức, nhất là khi nghe 3 tiếng «trại điều dưỡng» vì đã biết đó chỉ là một nơi hầu như an trí trá hình dành cho những anh em cán bộ già miền Nam tập kết chống lại Đảng, đòi trở về quê hương, những cán bộ già nua, cạn năng xuất, những cán bộ đau yếu bất mãn, mà đảng tạm giam lỏng, vì hoàn cảnh hay chính sách chiều cố miền Nam chưa tiện dùng những biện pháp mạnh.

Tôi phản ứng ngay: Chứng bệnh của Đồng chí Hiệt trong

độ suy ngược của cơ thể như thế phải chữa ít nhất là 6 tháng.

Nhưng hắn ta đã phản ứng lại tôi như không cần suy nghĩ:

— Ấy! chính vì thế, một con bệnh chưa để độ nguy kịch lắm như trường hợp Hiệt không nên đề choán dưỡng lâu trong bệnh viện chúng ta: nguyên tắc là các giường bệnh nên được «trả cho sản xuất» càng sớm càng hay.

Các bạn có mặt ở đây thử nghĩ coi: Truyền thống của bao thế hệ thầy thuốc không bao giờ cho phép một cán bộ y tế dù ở cấp bậc nào nhìn vào tính mạng và sức khỏe bệnh nhân dưới một khía cạnh kinh tế kỳ quái như thế. Nhưng lúc ấy tôi tự nghĩ rằng cái và với cái lão đảng viên phụ trách bệnh viện này về khương diễn nguyên tắc của Đảng sẽ không đi tới đâu, nên cố dần xuống nỗi phần uất ngao ngán trong lòng, rồi tôi liền thay đổi chiến thuật: dùng tình cảm để đánh với hắn ta: Tôi

nói:

— Đồng chí nghĩ xem, anh ta một cán bộ thuộc thành phần Trung kiên, đã được đảng và chính phủ tuyên dương công trạng những năm lần do những thành tích trong kháng chiến và trong mấy năm xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc. Anh ta mắc bệnh hoạn như thế chính là vì lao động quá sức ở một công trường vùng nước độc mà anh ta đã xung phong xin đi để phục vụ kế hoạch của đảng và nhà nước Xã hội chủ nghĩa đã hoạch định.

Viên cán bộ chính trị của bệnh viện quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, rồi hắn nói như truyền lệnh:

— Nguyên tắc người làm Cách Mạng vô sản không bao giờ được phép kẻ công, và đồng chí? chúng ta không thể làm ngoài đường lối của Đảng đã vạch ra cho bệnh viện chúng ta như thế. Nói đến hắn coi như là đã thuyết phục được tôi rồi, nên đứng phắt dậy bắt tay tôi và mang «xác cốt» đồng thẳng, không quên ngoái

lại thêm một câu «Bây giờ thì có lẽ đồng chí thông cảm rồi chứ?»

Vâng ! tôi đã thông cảm rồi, nhưng câu nói của tôi có hơi rung rung vì tức giận.

Thưa các bạn ? tôi định nêu ra chính sách cán bộ của đảng cũng như bản năng tình cảm của con người, tưởng đề làm hân động lòng, nhưng cái phản ứng đột ngột và trái ngược của hẳn ta đã cho tôi thấy sự thực, sự thực bội bạc và vội vàng của con người Cộng sản khi một quả chanh đã vắt hết nước.



Thời gian trôi mau chóng, công việc túi bụi trong việc chống dịch cúm lan tràn đầu mùa «Xuân mặt hạ cơ», rồi bài vở thì tốt nghiệp dồn dập làm phai lạt trong ký ức tôi hình ảnh người công nhân bệnh hoạn bị phản bội hất bụi ấy.

Cho tới cách đây 3 hôm, nghĩa là sau khi anh ta rời khỏi bệnh viện Bạch mai độ 3 tháng, anh

ta lại đến phòng khám bệnh của tôi. Thoạt tiên tôi nhìn không ra, vì anh ta đã trở thành một phé nhân hẳn, tay phải chống một chiếc gậy, tay trái nứ lên vai người vợ, đề lết đi từng bước một chậm chạp. Anh ngồi xuống trước mặt tôi, chốc chốc lại liếc nhìn về phía người vợ ngồi đằng cuối phòng như tưởng chính bản thân anh cũng thấy tủi hổ với vợ về những điều anh đang kể lể van lơn trước một người thầy thuốc, một người thầy thuốc của một chế độ mà bố con anh đã từng đổ mồ hôi xương máu ra để đấu tranh xây dựng.

— Thưa Bác sĩ ! em bỏ đường đường về đã hơn nửa tháng nay, anh ta nói :

— Vì em nghĩ nếu ở lại cũng đi tới một cái chết dần mòn, không phương cứu chữa. Nhưng về nhà cũng chẳng được gì hơn, Vợ em với 2 mụn con thơ, sinh kế nhờ trên gánh bún ốc, cũng chỉ lo cho em được vài tấm lá do hàng xóm chỉ vẽ. Nhà không còn gì để bán nữa. Em đến đây tìm

Bác sĩ là một hy vọng cuối cùng để cứu vớt cho đời em, cứu vớt cho gia đình vợ con em !

Không cần phải để ai thúc dục tôi vội vã chạy sang phòng hội đồng quản đốc bệnh viện, định một lần nữa tích cực đấu tranh để cứu vớt anh ta. Không ngờ vừa đẩy cửa phòng bước vào, thì lại cứ thấy tên chánh trị viên ấy :

Gã không cần nghe hết lời tôi trình bày đã vội cắt ngang :

— Lại cái lão Hiệt ấy ! Tôi vừa nhận được báo cáo về việc hẳn ta tự động bỏ trại dưỡng đường, vô nguyên tắc, vô kỷ luật đến thế là hết ! Hẳn ta đã trót lỡ đến đây, đồng chí cũng nên ra Ơn khám bệnh cho nó một lần cuối cùng, rồi cho nó một phát thuốc đề nó tự chạy chữa lấy, vì nó không chịu nhận sự săn sóc của Đảng, của nhân dân thì biết làm sao... ?

Các bạn thử nghĩ xem, tôi còn biết làm gì hơn ! Anh công nhân thờ thần nhận tấm đơn thuốc, lạnh lùng trao cho vợ.

Mắt người vợ rưng rưng, mấy ngón tay gầy guộc bần thiêu mân mê tờ giấy, như không biết còn cần giữ nó để làm gì, tôi cũng cảm thấy tủi hổ cho cái tên của mình đã vô duyên ký vào miếng giấy ấy.

Tôi hình dung một căn nhà tiền tụy, hai đứa trẻ thơ, đôi cơm khát sửa cạnh người cha bệnh hoạn tàn phế, gánh bún ốc ở trên vai gầy của người vợ nghèo yếu ; rách trần lè la suốt ngày đầu đường cuối phố. Những món thuốc kê trên mảnh giấy kia, tuy rất thông dụng tầm thường nhưng thiệt đã trở nên quý báu xa vời như những vì sao trên trời. Lúc đó tôi cố nghĩ một câu gì để an ủi anh ta, nhưng nghĩ không ra, rồi cũng phải nói một câu kết thúc cũ sáo :

— «Anh cứ yên tâm, anh sẽ cố gắng ?»

— «Thôi ; tôi hiểu rồi tôi hiểu cả. Bác sĩ bắt tất phải động viên nhiều. Anh cắt ngang lời tôi bằng giọng hơi gay gắt, hẳn

học. Rồi anh vớ chiếc gậy nặng nhọc đứng lên, vịn vào vai vợ lếch thếch bước ra.

Tôi nhìn theo hình bóng hai kẻ của hai chiếc người đau khổ đi xa dần ra phía cổng, và tự hỏi : không hiểu rồi họ sẽ ra sao ?

Lúc đó tôi đã biết rằng anh ta không còn sống được bao lâu nữa, nhưng tôi không ngờ cái chết của anh lại đột ngột với vàng như thế ; một cái chết bất đắc kỳ tử mà chính tôi sáng hôm nay, lại phải đến để chứng kiến và khám nghiệm.

Trạm tàu điện vẫn rộn rịp với những chuyến xe qua lại, đi về. Đám người tò mò đã được phân tán dần đi khắp các nẻo đường phố phường.

Còn lại tại chỗ, chỉ có người Trưởng đồn công an, tôi và bên cạnh xác chết, chị vợ và 2 đứa con nhỏ.

Từ lúc tôi tới, chị ta đã ngừng những lời kêu gào kẻ lẽ, chị ngồi khóc âm ức. Chị sợ

minh, hay khinh minh ?

Tôi rời xác chết, bước lại gần, chị rút rè ngàng lên. Như đã đọc được phần nào thông cảm trong đôi mắt buồn và hoe đỏ của tôi, chị ngập ngừng kể :

— «Hôm kia ở nhà thương về, nhà em buồn bã, chán ngán gặt gồng, vợ con. Nhưng hôm qua, nhà em trở nên bình tĩnh, em đã hơi mừng. Sáng nay sau một hồi đùa chơi và bế các cháu nhà em lấy bộ áo mới nhất ra mặc và mở trap lấy những tấm bằng tuyên khen thưởng bỏ vào túi. Nhà em bảo hôm nay ngày mồng 6 tháng giêng, là ngày kỷ niệm ngày thành lập đảng, nhà em ra trụ sở khu phố dự lễ, em chợt nhớ lại thông cáo của Ủy ban lấy cờ ra treo trước nhà, nhà em mỉm cười rồi quay lưng chống gậy lưng thưng đi... Trời ơi! Em có ngờ đâu?... Lờn người đàn bà lại ngập chìm trong nước mắt, nghẹn ngào tức tởi.

Các điều mà người đàn bà không ngờ đến đã hiện ra trong

tâm trí tôi như một đoạn phim bi thảm.

Người công nhân tuyệt vọng đã lê bước tìm đến con đường tàu điện gần nhất. Đợi một chuyến xe đi qua anh đã vo tròn và nắm chặt những bản tuyên dương, bằng khen thưởng trong tay và lao đầu vào đường sắt.

Tôi ra lệnh cho 2 người y công đưa thi thể nạn nhân lên xe đưa về nhà xác. Trên băng ca, đôi mắt sâu loãn vẫn trừng trừng, cánh tay phải của xác chết vẫn cứ nắm chặt lấy cuốn giấy tờ kia cùng đo lại trong cái cử chỉ cuối cùng mặc dù người y công muốn xếp nó xuống cho ngay ngắn với thi thể. Viên y công thất sắc lui lại, nhìn tôi và hỏi... tôi bước lại gần tìm hiểu. Lạ lùng thay, cánh tay đã và lạnh. Theo kinh nghiệm thực tế và sách vở y khoa đã dạy, một xác chết không thể cứng lại như thế sau mới có mấy tiếng đồng hồ. Có lẽ sáng nay trời lạnh quá chẳng tôi không kịp tìm hiểu suy nghiệm vì một ấn tượng hải hùng đã choán hết tâm tư.

Cánh tay lạnh cứng ấy, tôi cảm thấy sao nó vẫn «sống» quá ? Nó vẫn khăng khăng giơ ra như thét lên một lời gì trước khi mục nát dưới đáy mồ. Trong bàn tay xiết chặt, mấy bản Tuyên dương công trạng, mấy tấm bằng khen thưởng vẫn máu làm lù, rung rinh theo nhịp bước của 2 người y công khiêng băng ca, nào nùng như một bản chúc thư tuyệt mệnh, những lời dõ dăng căn dặn cho những người sau.

Có lẽ đã đến giờ làm kỷ niệm ngày thành lập đảng, từ một trụ sở đoàn thể nào đó vang vọng lại điệu hát «quốc ca».

«Thề phan thay uống máu quân thù...

« »

Nhưng oái oăm thay ? Đây lại không phải là máu quân thù, mà là máu của bạn «đồng chí» thành phần «nông cốt» của «Nhân dân» !



Bão Trời

● CAO NGUYỄN LANG

★ Trên cao độ 15.000 thước — Phi cơ lâm nạn —
Một phi công phản lực thoát ra khỏi phi cơ, giữa
trận bão khủng khiếp...

★

TRONG một chuyến bay thực nghiệm trên cao độ không gian. Hai chiếc khu trục phản lực Crusader F.8.U — Một do tôi lái. Một do Trung uý Herbert, một người bạn, thuộc không lực Hải quân Hoa Kỳ.

Phi cơ tôi vượt lên cao độ 14.300 thước trên không phận Norfolk (Virginie). Bất ngờ trận bão ào ào đổ tới, thật dữ dội.

Tôi nhìn đồng hồ. Vừa đúng 18 giờ. Ngay lúc ấy, một tiếng nổ khá mạnh. Tiếp theo, là những tiếp rung chuyển ở phần cuối phi cơ.

Tôi nhìn vội sang bảng lái. Kim vận tốc chỉ 0,82 (bằng 82% tốc độ âm thanh).

Tôi vẫn bình tĩnh. Cho đến khi tiếng nổ, và những rung chuyển dội lên lần thứ hai. Đèn báo «phát hỏa» bật đỏ rực.

Trong trường hợp này tôi chỉ còn mấy giây, buộc phải rời phi cơ.

Tôi nhả bớt «ga» — kìa Herbert.

— Báo 1 gọi Báo 2. Phi cơ sắp phát hỏa. Bắt buộc phải «nhảy» l...

Đó là câu nói chốt của tôi với Herbert.

Một tia lửa sét lên phía buồng máy. Kim tốc độ kể bằng tụt xuống một cách đáng sợ — Chỉ trong khoảng 5, tới 6 giây, nó từ 90 tụt xuống 0 — Triệu chứng này có thể coi là... bất thường — Trong số 1000 vụ trục trục máy. Họa hoàn lắm, chỉ có 1 — Tôi đoán là thiếu dầu, tuyệt bin bị nóng, chết bất tử.

Tôi nghiêng về phía trái, đẩy cần chạy tuyệt bin phụ. Vô vọng l... Tôi dành cho phi cơ lao xuống, trước khi nó phát nổ, hoặc cháy bùng — Bởi vì, nhảy ra khỏi phi cơ trên cao độ 15 000 thước, với vận tốc siêu âm, là đều từ trước đến nay, khó ai có thể thực hiện nổi. Hơn nữa, tôi lại chỉ mặc vằn vện mảnh áo giáp, với bộ đồ bay mỏng manh mùa hè... Làm sao tôi chịu đựng nổi cái lạnh 57° của thời tiết bên ngoài?

Tôi dùng hết sức, giật mạnh tấm rideau che ánh sáng cửa,

quấn lên mặt. Luồng lửa bắt đầu phụt lên, ngay dưới chân ghế tự động. Tôi bấm nút. Toàn thân bị đẩy vọt lên, băng ra ngoài. Tôi có cảm giác bị dội vào một bức tường. Người tôi co rúm, và xoay tròn, như khối thịt bị ném giữa không gian, bay vút xuống — ít nhất, cũng phải với tốc độ 800 cây số giờ.

Mặt mũi, chân tay tôi, dường như xém lửa. Cái giá lạnh ở bên ngoài làm da thịt căng rách. Gió ào ào... Hai lỗ tai tôi muốn nổ bùng. Mắt tôi nhức buốt. Phần bụng dưới bị dồn ép, căng lên khó chịu hết sức! Tôi muốn ới vọt ra.

Quả thật, trong đời, chưa bao giờ tôi phải chịu sự đau đớn khủng khiếp đến như thế.

Tuy nhiên, tôi vẫn cố gắng vận dụng sự sáng suốt, lấy lại phần nào bình tĩnh. Tôi tự nhủ: «*Có thể sắp mở dù được rồi!*» — Từ lúc vọt ra phi cơ, tôi vẫn «nhảy buồng»: Tôi tính, ít nhất, phải xuống tới độ cao, khoảng 3000 thước, mới mở dù

được. Có một cái gì lật phật ở bên mặt. Tôi trực nhớ chếc mặt nạ dưỡng khí, lúc trên phi cơ, tôi hít thở không khí ngoài, không dùng đến. Bây giờ thì tôi cần đến nó, để phòng sự hờn mê, và rất có thể những tai nạn xảy ra nguy hại cho trí não. Chiếc mặt nạ được nối liền với một bình chứa đủ cung cấp cho sự hô hấp từ ba, tới năm phút. Tôi cố nâng tay đẩy chiếc mặt nạ lên mũi. Nhưng không nổi, vì tốc độ, và sức gió quá mạnh. Thân thể tôi như sắp sửa bị sé nát ra từng mảnh.

Cho đến lúc, rơi vào lớp mây xám trắng đông đặc, tay tôi đã có thể quờ quạng được... Tôi đẩy chiếc nạ dưỡng khí lên mũi, nối với sợi giây bắt vào bình chứa...

Ở khoảng này, khí hậu có phần đỡ hơn một chút. Tôi tự nhủ: Nếu tôi thoát được cơn hờn mê từ cao độ, khi chiếc phi cơ lâm nạn. Trở về căn cứ, tôi sẽ có đầy đủ chi tiết về những hiện tượng xảy ra cho tôi, và xung quanh tôi, trong cuộc «thí nghiệm» bất đắc

đi này — *Đối với những hoa tiêu, mỗi lần vọt ra khỏi phi cơ, ở một độ càng cao bao nhiêu, không những rất đáng nên hành diện, mà còn phải ghi thật tỉ mỉ trong tờ trình đề phổ biến làm kinh nghiệm chung cho toàn thể.*

Tôi cảm giác, có một cái gì bầy nhầy rỉ rỉ trên mặt. Tôi buồng bàn tay ấp trên mặt nạ dưỡng khí. Bàn tay ướt đầm máu...

Những lớp mây mỗi lúc một xám ngất. Tôi ngó đồng hồ. Vệt sáng thấp thoáng của hai cây kim chỉ 16 giờ 4. Hay năm phút gì đó. Bây giờ, tôi bắt đầu thấy vững bụng đôi chút — Tôi nhớ tôi vọt khỏi phi cơ lúc 18 giờ, với cao độ phỏng định quãng 14.300 thước. Như thế, mỗi phút nhảy buồng «tôi có thể vượt qua 3000 thước. Nhân với 4 phút tức là 12.000 thước. Trừ hao đi, tôi chỉ cách mặt đất độ cao trên dưới 3000 thước — Nếu nó là 5 phút thì tôi chỉ còn cách mặt đất chừng 2, 300 thước —

Đã đến lúc tôi có thể mở dù được rồi ?? Nhưng tôi lại phân vân — Những giọt mưa như những viên đá nhỏ cày nát da thịt tôi — Tôi không mấy tin tưởng vào sự tính toán của tôi đặt giả thuyết. Nếu tôi vẫn còn ở trên cao độ quá 3000 thước, giữa trận mưa lớn này, mở dù cũng vẫn nguy hiểm. Hay là tôi cứ tiếp tục «nhảy buồng»? ...

Bất chợt, ngay lúc ấy, tôi như khựng lại, toàn thân bị giật mạnh — Cây dù tự động bung ra. Bây giờ tôi lại đặt con tính — Tôi đương ở trên cao độ 3000 thước. Vận tốc của cây dù rớt xuống mỗi phút được 300 thước. Và như thế trong khoảng thời gian 10 phút thì chạm đất.

Ý nghĩ làm tôi phấn khởi. Tôi đưa tay tháo mặt nạ dưỡng khí. Giai đoạn nguy hiểm kể như qua được chín phần mười,

Nhưng, khốn nạn! Vào đúng cái giây phút tôi khắp khỏi lạc quan, thì trận gió quá ác ào ào

đổ đến quạt ngược tôi xoay tròn. Cánh dù bị đẩy chệch lần lần lên cao.

Cho đến khi chiếc dù lại từ từ hạ xuống, nó chìm vào biển mây vẩn vù. Gió khá mạnh. Tôi dùng đũa như trái banh, đẩy qua bên này, rồi lại nhồi qua bên kia đủ mọi hướng — Ruột gan tôi lìn tùng phèo. Mồn tôi ói mửa không ngớt.

Lúc này, cánh dù mất sức căng. Lớp múi ni lông co rúm lại. Tôi tưởng, tôi có thể rớt xuống như một cục đá không gặp sức cản. Nhưng, lạ lùng thân hình tôi vẫn bay bổng. Cánh dù kéo lết phía sau.

Những trận gió thật dữ tợn !

Tiếng sét nổ chát chúa ngang tai, như sés rách màng tang. Hai hàm răng tôi đánh vào nhau lập cập.

Giờ thì tôi không còn nghe thấy gì nữa. Không cảm thấy gì nữa. Có lẽ đó là một trạng thái khủng khiếp tột độ.

Những lần chớp ngoằn ngoèo như những đường giây chằng chịt. Trận mưa như biển nước đổ xuống. Hai buồng phổi tôi ngộp không khác nào kẻ bị nhấn chìm xuống nước. Tôi phải khò cực hết sức, đề cử thở, mà không bị tổng cả lít nước vào bụng.

Trận bão vẫn không ngớt. Một đôi lúc tôi nghỉ, tôi có thể chết, nếu tình trạng cứ tiếp tục như thế này. Tất cả những gì trong tôi còn giữ lại trong giờ phút này, chỉ ý nghĩ ?

Một luồng gió khá mạnh xô tôi lao vụt về phía sau. Tôi tưởng như những mảnh ni lông của tấm dù, sắp sửa dính và trùm lên người tôi. Và, tôi cũng tưởng là cây dù không bao giờ có thể mở ra được nữa.

Tôi xoay tròn, rớt tụt xuống như lao, khi trận gió vừa dứt. Đột nhiên vận tốc khựng lại. Người tôi nhẹ bổng. Tôi nhìn lên, cánh dù đã căng lại như cũ. Tôi thở ra... hoàn hồn !

Trận bão đã ngớt. Vuốt qua,

lớp mây tôi nhìn rõ mặt đất, với màu xanh tươi của rừng cây chầy dài.

Vận tốc của cánh dù, đã trở lại thăng bằng khoảng từ 55 tới 80 cây số giờ.

Những ngọn cây, với những cánh nhọn hoắt đâm lên tua tủa. Đây là lần may rủi cuối cùng. Nếu vô phúc, tôi vẫn có thể bị đâm lụng ruột, chỉ cần trong một phần giây, khi cánh dù hạ xuống với vận tốc vừa kể.

Tôi nghiêng chặt hai hàm răng nhắm mắt, co gập hai chân. Hai cánh tay tôi bắt chéo ngang ngực...

Sau một cú rùng thật mạnh. Tôi mở choàng mắt. Cây dù dính vào một ngọn cây. Thân hình tôi treo dùng dũa như quả lắc chiếc đồng hồ. Tôi lấy đà, đu được vào một thân cây, tháo dù tụt xuống.

Toàn thân tôi, dường như không sót một chỗ nào không có thương tích. Nhất là trên mặt và đỉnh đầu. Đau sót, nhức nhối vô cùng !

Tôi nhìn đồng hồ : Đúng 18 giờ 40 phút. Quả sự tính toán của tôi đã vượt ra ngoài dự liệu quá xa. Tôi tính từ lúc mở dù, trên độ cao 3000 thước, đến khi đặt chân xuống đất, mất 10 phút. Giờ đây mất 36 phút — Trừ 4 phút «nhảy buồng không dù».

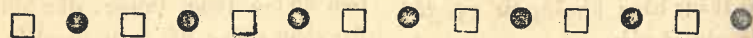
Tôi lần ra khỏi khu rừng, qua một giải ruộng bắp, đến con đường lộ. Tôi vẩy mấy chiếc xe hơi đi ngang qua, không chiếc xe nào dừng lại. Có lẽ, họ không để ý và, cũng có thể họ sợ, khi bắt gặp cái thân hình dị dạng, đầy máu me của tôi. Nhất là bộ mặt của tôi tưởng tượng, nếu nhìn vào gương, lúc ấy, có lẽ còn khủng khiếp hơn bộ của Dracula.

Nhưng cuối cùng, cũng có một ông tài xế gan dạ, giàu lòng nhân từ. Ông ta cho xe vòng lại chỗ tôi đứng. Khi tôi bước lên xe thì người đàn bà và mấy đứa trẻ trên xe đều đưa tay lên sờ, để khỏi rú lên thành tiếng...

☉ (Phỏng theo tài liệu của William Rankin Đại Tá Phi Công thuộc không lực Hải Quân Hoa Kỳ).

ông Hai Lành

● NGUYỄN-VĂN-HẦU



TRONG cuộc dẹp loạn Chân Lạp của ông Quản Thành (1) dưới triều vua Thiệu Trị, Quản Thành có một thuộc tướng rất tài ba và lạ lùng, làm người Chân Lạp phải lăm phen khiếp sợ. Thuộc tướng ấy là ông Hai Lành.

Ông Hai Lành gốc người Việt Nam (2), không rõ họ gì. Ông còn có một tên nữa là cậu hai Cò Sặt. Hai Lành võ nghệ rất cao, có thuật gồng (3), thông bùa thư (4) và thông Nho học.

Khoảng năm Tân Sửu (1811), Hai Lành gặp ông Quản Thành tại An Giang (Châu Đốc) và xin tòng quân. Từ đó, ông và ông Quản Thành là đôi bạn chí thân, thường gần gũi bên nhau để đàm văn, luận võ.

Năm Quý Mão (1843), ông Quản Thành mang binh đi

(1) Ông Quản Thành là một chiến sĩ cách mạng Cần vương đã kháng Pháp quyết liệt vào hậu bán thế kỷ 19. Muốn biết rõ, xin xem cuốn *Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa* hay *Bài Trần văn Thành* của tác giả đăng trên *Bách khoa* số 64 1-9-59.

(2) Có người nói ông Hai Lành là người cha Việt gốc Miên, không rõ thuyết nào đúng hơn.

(3) Một phép thuật của người Cao Miên. Khi luyện được thì da thịt cứng rắn làm cho dao chém hay súng bắn không phúng được.

(4) Một phép thuật khác nữa của người Miên, làm cho những vật to lớn tan ra không thấy được rồi bỏ vào vật ăn. Ai mắc phải thì khi vào bụng, vật ấy trở lại nguyên hình và công phạt bệnh nhân chết một cách đau đớn và ghê sợ.

ÔNG HAI LÀNH

dẹp loạn Chân Lạp ở miền Thất Sơn. Tại trận Láng Cháy, ông Hai Lành giúp ông Quản Thành thành công rực rỡ là ông đã dùng tiếng Cao Miên để giảng dụ hai tướng giặc lợi hại là Bướm và Vôi về hàng.

Cũng trong năm ấy, ông Hai Lành cầm quân dẹp loạn Phủ Kán (1) ở Giang Thành, ông bắt được nhiều tướng giặc bằng cách đi tay không một mình vào trận không sợ gươm đao. Ông bắt giặc và trói giặc bằng một vài miếng dăm, dά xem ra như bìn, nhưng quân giặc phải chịu thúc thủ, quy hàng.

Có khi lương thực tiếp tế thiếu thốn, ông đang đi dọc đường, đói lả, thấy bên trong sóc Thỏ có người nấu bánh tét trong lửa to đang sôi sục gần chín, ông ghé lại, mò tay vào chảo nước sôi để lấy bánh, thế mà không chút phỏng da. Người Thỏ tưởng ông là thần, gọi là Tò Lành.

Tuy vậy, có một bận ông đi đánh giặc bị thua, lạc đường, tưởng chừng mất tích, đã gây cho người thân của ông một cảnh tang tóc đau thương. Chuyện ấy hơi dài, sẽ kể ở sau.



Một ngày vào khoảng năm

Ất Tị (1845), ông Hai Lành (2) thừa lệnh ông Quản Thành dẫn một tốp binh đi tuần sát ở mạn biên thùy Miên-Việt.

Đề nghị bắt sự bằng rừng lướt bụi, tốp binh này được dùng thuyền đưa theo đường kinh Vĩnh Tế đến dưới làng Vĩnh Ngươn. Khi lên bộ đi được một quãng đường, thỉnh thoảng bị một toán Cao Miên rất đông ồ ra tập kích. Bởi vùng này đã được an ổn từ lâu nên quân Việt không có ý đề phòng. Bị đánh bất ngờ, binh sĩ mất tinh thần, lớp chết, lớp bỏ chạy tan vỡ hết. Riêng ông Hai Lành còn kẹt lại một mình, ra sức đánh chém tứ tung, nhưng quân Cao Miên càng lúc càng đông,

(1) Giặc này nổi lên trước tiên ở Kép (Kampet) rồi lần lần lan ra nhiều nơi, cùng chung một khẩu hiệu tranh đấu và cùng chịu một mạng lệnh chỉ huy.

(2) Vì không tìm được đích xác phẩm trật của ông Hai Lành là gì nên chỉ xin chép nguyên danh.

làm cho ông không sao thoát khỏi vòng vây được.

Cầm cự suốt buổi chiều hôm ấy, ông Hai nhờ giỏi võ nghệ, lại có thuật gồng nên mới khỏi bị hại, nhưng cũng không thể kèm hãm được nào đối, nào mệt. Thừa lúc nhá nhem tối, ông chuyển hết sức mạnh đánh quyết về một chỗ rồi vọt đường mà chạy ra.

Màn đêm buông phủ. Tiếng la ó rền vang của quân Cao Miên lùng kiếm ông Hai dội vào mấy khu rừng già rồi tan ra thành một thứ âm thanh kinh khủng. Ông Hai lãnh một mình thất thểu chạy đi.

Sáng ra, ông thấy mình bị lạc rất xa vào lĩnh vực Cao Miên không thể nào theo đường cũ mà trở về được, nên ông giả dạng thường nhân, vào xóm xin ăn rồi lang thang đi mãi (1).

Tốp binh chạy thoát được về đến An Giang báo cho ông Quản Thành hay thì trời đã sáng.

Ông Quản Thành hỏa tốc diêm binh kéo vào cứu viện. Nhưng đến nơi, quân dân Cao Miên đã tan mất tự bao giờ, còn ông Hai Lãnh thì tìm kiếm khắp nơi không thấy. Quản Thành cho lính cắm trại ở đó chờ dò nghe tin tức. Song thất vọng. Vài hôm sau, ông buồn rầu kéo binh trở về.

Bà Hai (vợ ông Hai Lãnh), sau khi hay được tin này, bà cùng với người con gái dẫn lần tận Cao Miên tìm kiếm ông Hai. Ngót mấy tháng vượt rừng lội suối mà tuyệt nhiên không thấy tăm hơi, bèn nghĩ ông Hai đã chết, nên sau rốt, bà trở về chùa Phi Lai (núi Doi), ở đó chờ đợi ít lâu nữa rồi tự thiêu

- (1) Nhiều người nói ông Hai Lãnh sở dĩ có tên «cậu hai Gò Sắt» là do trận chạy lạc này ông lên tận Gò Sắt (Pursat, sử cũ chép là Phú Phúc) ở đó một thời gian khá lâu. Song cũng có người lại nói ông Hai từ nhỏ đã lên ở Gò Sắt. Không rõ thuyết nào đúng?

mình mà chết.

Ngày nay, những lúc đêm thâm canh vắng, khách thập phương vẫn cảnh nơi vùng Thất Sơn, thỉnh thoảng còn nghe trong các chùa am miếu, quán, hoặc dưới những túp lều tranh lụp xụp lưa thưa vắng vẻ g đưa ra những câu về thơ ăn ái như ru :

*Bà Hai am tự thâm tình
Thỏa thiêu thân thể, ẩn hình
Phi Lai...*

khách sẽ ngậm ngùi mà nhớ ngay rằng đồng bào miền Sơn Cước xa xôi này vẫn còn ghi mãi cái chết đau thương của bà Hai.



Nhưng ông Hai lại trở về.

Từ khi chạy lạc lên đất Cao Miên, ông Hai Lãnh phải sống vất vả với chuỗi ngày đe dọa, lâm than. Sau ông chạy lên tận Gò Sắt (Pursat) nương náu với vài người bạn quen ở đây cho đến tháng chạp năm Bính Ngọ

(1846), khi vua Cao Miên dâng biểu tạ tội với nước ta, ông mới được sống tự do và lần dò đường về nước.

Lúc này giặc giả đã yên, lại gặp cảnh vợ con tan tác, ông Hai cảm thấy lòng mình buồn nản vô cùng, ông quyết xin với ông Quản Thành tỏ ra không đành chờ một phút.

Từ đó người ta thấy đôi bạn chí thân kia thỉnh thoảng có gặp nhau ở núi Sam, trước mặt Phật Thầy Tây An (1), cho đến năm Bính Thìn (1856) trở đi, nghĩa là sau ngày Phật Thầy Tây An tịch diệt, thì không còn ai gặp ông Hai Lãnh ở đâu nữa. Người ta bảo nhau rằng ông đã được chứng quả trên non Tiên.

Giờ đây, đọc lại ít văn thơ cũ của ông Hai, ta sẽ hiểu qua trạng thái lẫn tâm hồn ông trong những ngày chót ở chốn núi sâu rừng thẳm.

- (1) Tức cụ Đoàn Minh Huyền, giáo tổ dòng Phật giáo *Bửu Sơn Kỳ Hương*.



ÔNG HAI LÃNH

Thấy những phiền cho cuộc
ở đời,
Xa tầm non nước một
phương trời,
Hoa tươi trước mặt thom
tho nức,
Thú dữ bên mình nhả nhón
chơi,
Nghiêng chén hải lan vui
chốn chốn,
Cụm cây trắng sở đạo nơi
nơi.
Quên năm Giáp Tí năm nào
cả,
Luyện thuốc linh đơn tế độ
người.

Độ người thẳng tới cõi thiên
thai,
Chẳng nhuộm màu đời có
mấy ai ?
Giày có đến lui trời đất rộng,
Áo sen xài xác núi sông dài.
Cánh vui ý hiệp son đời
phấn,
Thú lạ tình ưa đá chẳng
phai.
Nghiêng ngửa cội tùng nghe
tiếng gió,
Dọc ngang mặc thích thể

không hay,

Thế không hay có bậc người
lành,
Trên đánh mình ngâm chữ
thái bình.
Một tấm lòng nhân mây sắc
trắng,
Trăm đường tục lợi nước
màu xanh,
Dạy đời hằng giữ câu vi
thiện,
Tướng đạo vui theo dạ chí
thành.
Cửa Phật trau giồi công đức
lớn,
Ngâm tâm mùi đạo rất tinh
minh.

★

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

PARIS

Dưới mắt một du khách V.N.

Khảo sát viên máy hơi nước

● TRƯƠNG-THẾ-PHIÊU

(Tiếp theo P.T. số 224)

● Xóm Montmartre

Trong chương trình viếng Paris của các hãng du lịch Pháp và ngoại quốc đều có ghi : Montmartre, một xóm ở quận thứ 18.

Dan ngày Montmartre, giống như một cô gái, mắt lim dim, ngồi chờ hồn nhập. Khi trời vừa sụp tối, Montmartre vụt thức dậy. Đèn điện bật lên ; phố phường, nhà cửa đều sáng trưng. những tấm quảng cáo sặc sỡ của các rạp hát, cửa các hộp đêm, của các tửu quán v.v...tranh nhau quyến rũ muôn ngàn du khách tứ phương đương qua lại nhộn nhịp trên các con đường.

Các nhà hàng đều đèn ngời khách ; kẻ ăn người uống ; kẻ đứng người ngồi, ngồi ở phía trước, phía sau, trong kẹt.

Ở Montmartre có nhiều hàng nhà hàng : hàng rẻ tiền như Moulin Rouge Selfservice thì chỉ pha vài trăm quan là no bụng, hàng sang trọng như Le Chantilly

thì phải tốn nhiều tiền.

Bước vào Le Chantilly, khách liền được anh thiện trưởng lễ phép đón chào và, nếu không có đặt bàn trước khách phải chờ lâu lắc mới có ghế trống. Vừa ngồi, khách thấy một đăm đến xin lấy áo tơi, nón cất. Anh thiện trưởng đứng bên cạnh, trình thực đơn cho khách. Trong lúc khách ngó thực đơn anh đề nghị trước hết là sò — ốc, một món ăn mà tất cả các nhà hàng ở Montmartre đều có bán. rồi đến gà nấu rượu v.v... Anh nói với tâm lý nhà nghề, nên rất cuộc, hai phần ba các món ăn đều do anh lựa giùm.

Khách vừa ăn vừa nghe đủ thứ bản đàn, từ Chop n đến J zz qua Tango. Lâu lâu có một nhạc sư tay cầm đàn Violông đến kính cần hỏi khách muốn nghe một bản đàn nào đặc biệt hay không. Nếu có người ta liền đứng lên, và khách gọi kéo vào vài trăm quan cho các nhạc sĩ.

Nhiều khi nhạc vụt ngừng, một

anh hát (Chansonnier) tay cầm máy vi âm, nói vài lời, rồi hát, và tất cả những người trong nhà hàng cũng hát theo anh. Bầu không khí của Chantilly trở nên vui vẻ lạ thường.

Rồi anh ngó khắp cùng, thấy một ông ngồi giữa hai bà, liền nói :

— Trong đời này ít có người đàn ông nào hữu phúc bằng ông, một mình mà «rê» hai bà...

... Quý vị coi tôi nói trúng ý, nên ông ta cười. Ấ là là... Một mà thành ba. Bộ ba. Sướng quá ta :

Mọi người liền ngó ba người ấy và cười rộ lên. Ông và hai bà cũng cười theo.

Nếu đến chơi ở Montmartre, khách bị anh hát chế giễu, kêu ngạo..., khách chớ nên phiền ; ấy là tục lệ của xóm đó.

Rồi anh nói về thời cuộc nước Pháp ; anh châm biếm các Tổng trưởng với những lời khéo

và hay nên cả nhà hàng đều chăm chỉ nghe và cười ngất. Nếu Pháp quốc không phải là một nước tự do dân chủ, chắc anh ấy bị tù rục xương.

Ở một bàn nọ, gần nhạc đội, có một người đàn ông, tóc chỉ vài, thắt nơ đen lòng thòng kiểu nơ thế kỷ 19, vừa ngó một người đàn bà vừa vẽ. Không đầy mười phút, người ấy đã họa xong và đem trình tấm hình cho nàng. Bà ta cầm coi, cười, khen... Người đàn ông ngồi phía tả nàng liền cho chàng họa sĩ một trăm quan. Mỗi đêm hắn thường kiếm được vài trăm quan, thế là hắn đủ tiền sống độc lập, tự do và vô tư lự trong 24 giờ. Vạn tuế anh họa sĩ !

Montmartre là một xóm mà các họa sĩ đều thích ở vì nó có một bầu không khí bình dân, vui vẻ, nhất là một phong cảnh đẹp. Đứng ở nhà thờ Sacré coeur de Montmartre, người ta thấy các nóc nhà lỏ nhô của Paris chạy tới chân trời ; tít mù, phía trái là nhà thờ Notre Dame de Paris. Lãng vi

nhỏ... phía mặt. Khỏi hoàn môn tháp Eiffel... Đây, xe của đường rất treo (Téléphérique) từ từ bò lên; kia, một vườn hoa; xa xa, một hẻm ở dưới đồi...

Ăn xong, một anh chàng phục Phi Châu, mũ đỏ, đến nấu cà phê trước mặt khách.

Từ chị đầm giữ áo, nón đến anh chàng không một ai xin tiền cả, nhưng khách nên «lì xì» cho đúng điệu ăn chơi.

Bây giờ xin mời khách hãy đi một vòng Montmartre.

Ở giữa khoảng đường Place Pigale và Place Blanche có một hiệu giải trí kêu là Automatisation.

Muốn bắn voi, khách trả tiền. Người ta đưa cho khách một cây súng trong lúc nhiều con voi tự động, chạy vòng vòng trên sân khấu. Nếu khách bắn trúng, voi nhảy dựng lên và ngó khách. Muốn bắn tàu bay, khách bỏ tiền vào thùng rồi xây cây súng liên thành theo hướng tàu bay và nó nổ tung loạt... Muốn chụp hình

khách ngồi sửa gương mặt trước một tấm kính, rồi nhận một nút điện, và trong năm phút sau, khách thấy một tấm ảnh chạy ra nằm ở trước mặt.

Trở ra ngoài đường, khách thấy nhiều chữ Théâtre tắt, cháy đây đó; ấy là những tấm quảng cáo của Théâtre de Dixhournes, của Deux Anes v.v... Các rạp hát ấy mở cửa đúng 22 giờ và không hát như các rạp khác. Người ta thấy xuất hiện ở sân khấu, khi thì một đoàn vũ nữ nhảy múa, khi thì anh hát.

Anh này là rường cột của Montmartre. Bất kỳ ở chỗ nào như tửu quán, hộp đêm v.v... đều có mặt anh. Không anh, có lẽ Montmartre chẳng được nổi tiếng là một xóm trí xảo và văn hoa nhứt của nước Pháp.

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Ở Place Blanche có quán rượu Moulin Rouge lừng danh khắp thế giới. Trước quán ấy bốn cánh quạt máy xây gió quay chậm chậm. 22 giờ Moulin Rouge mở cửa; vé vào cửa là 400 quan. Ở trong có một sân rộng lớn và vài ngàn cái ghế.

Một vũ đài tự động lần lần hiện ra với một nhạc trường đứng trước vài chục nhạc sĩ. Tiếng đồn lúc bông, lúc trầm, ăn nhịp với tay giờ lên giờ xuống của y. Một đoàn vũ nữ đẹp như tiên, cao bằng nhau và trên một thước bảy, nón vành rộng, nịt vú, quần đùi, di, chạy, nhảy... đủ kiểu, đủ cách, và mỗi lần họ đá lên trời thì thế nào cũng có khách chụp ảnh. Họ hết nhảy múa vào 24 giờ; vũ đài lần lần lui vô để cho khách khiêu vũ.

Phần đông khách rời Moulin Rouge để đi viếng các hộp đêm khác.

Ở cửa Moulin Rouge có vài trăm người đứng nối đuôi nhau, chờ ghế trống và lúi lo đủ thứ tiếng trên hoàn cầu. Yes, No.

O.K, Ya... nghe rùm tai nhức óc.

Bây giờ bớt người qua lại ngoài đường; bề trái xấu xa của Montmartre hiện ra.

Đi ngang trước cửa của mỗi quán Caphê tabac, người ta thấy bốn người đàn ông, đầu đội nón nỉ, ăn mặc quá chải chuốt, đương đánh beloto (Beloto); lâu lâu họ vừa liệng cây bài vừa đập tay xuống bàn một cái cộp. Họ là bọn cận bã của xóm Montmartre, ngủ ban ngày và làm việc ban đêm. Họ kiếm nhiều nghề một lượt như trộm đi, buôn lậu ma túy, á phiện v.v... chưa kể một đôi khi họ có thể trở nên điếm chỉ viên cho cảnh sát và công an hoặc đệ nhị văn phòng. Họ luôn luôn bị mật thám theo dõi nên,

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

PARIS

bề ngoài, họ phải có một đời sống hợp pháp còn hơn những người lương thiện nữa. Giấy tờ không thiếu, nghề nghiệp cũng có. Hỏi họ làm nghề gì? Họ liền trình giấy chủ quán giải khát hoặc thẻ đại lý của một nhà buôn nào đó. Họ đều có xe hơi riêng để đi làm ăn buôn bán, nhưng cảnh sát biết chắc rằng họ dùng những chiếc xe ấy để chạy cạnh chừng các kỹ nữ hành nghề trên các con đường nóng (1) (rues chaudes).

Chiều theo luật lệ hiện hành, kỹ nữ không có quyền kêu, nói, đùa, cười, ra dấu với đàn ông ở ngoài đường. Sự thật thì khác, chúng bao giờ cũng kêu «cưng» nháy mắt v.v... khi đi gần bọn râu mày. Nhưng một đôi khi chúng cũng bị tổ trác, nhè cười với một nhơn viên của Ty kiểm tục mới đổi lại mà chúng không biết mặt: lập tức chúng bị g'ếp vào tội quyến khách (raccolage).

(1) Là những đường dành cho các kỹ nữ hành nghề mãi dâm.

Rồi chừng vài tháng anh nhơn viên ấy hết bắt được ai vi phạm các đ'ều luật về mãi dâm nữa vì hễ thấy hân, chúng liền ra dấu hiệu bí mật, rồi cùng nhau bỏ bộ lẳng lơ và trở nên ngoan ngoãn như các bà nội trợ vậy.

Năm 1957 ở Paris có 7.000 kỹ nữ đủ giấy tờ và lối chừng 13.000 dĩ lậu.

Số 13.000 người ấy bị ty kiểm tục đặc biệt rình mò, theo dõi, nhưng họ giống như bầy quỉ trong truyện Tây Du thiên biến vạn hóa, khi thì họ làm thợ may, nhưng «nhảy dù» phía sau tiệm, khi thì họ là nhơn viên mỹ viện, vừa đánh móng tay vừa quyến khách, khi thì họ đi hành nghề ở Côte d'azur hay một nơi khác bị động ở ở thủ đô.

Họ gồm có nhiều hạng:

— Những Marguerite Gauthier (1) thời nay đều có nhà cửa, đầy tớ, xe hơi, vòng vàng, tiền bạc.

(1) Xem *Ladame aux Camélias* (Alexandre Dumas fils).

PARIS

hi làm bé với một hoặc hai triệu phú gia mà thôi.

— Những gái kêu (Call-Girls) ngồi nhà chờ điện thoại của một hãng du lịch hoặc một đại khách sạn kêu đi. Vài chục ngàn quan mỗi đêm.

— Những bà «nhảy dù» là những người thiếu tiền mua nữ trang hoặc một món đồ khác. Họ thường là những cựu kỹ nữ nhưng có gia đình đang hoạn.

— Những người thứ bảy là những nữ công nhơn hoặc những nữ sinh viên, không có đủ tiền nuôi con, chỉ chơi bởi tối thứ bảy mà thôi.

Trong nghề mãi dâm ở Pháp, người ta thấy luôn luôn có một bọn người lợi dụng các ả buôn hương bán phấn: ấylà bọn trùm dĩ.

Nhà tiểu công nghệ.

Trùm dĩ nuôi một ả kêu là nhà tiểu công nghệ. Sự thật thì

chàng ta được à nuôi. Năm chục phần trăm trùm dĩ đều là nhà tiểu công nghệ.

Nhà đại lý.

Trùm dĩ nuôi 5, 7 ả kêu là nhà đại lý. Phần động mỗi nhà đại lý lấy một lượt 2 hoặc 3 ả thường thay ph'ên nhau mỗi người một đêm đăng hầu chàng.

Nhà xuất nhập cảng.

Họ không ở chung với các ả vì đều có nhà cửa, xe hơi, phe đảng. Dưới quyền họ có nhiều người chạy việc tức là chạy cho phụ nữ đăng gởi qua Bắc Phi Trung Đông, Nam Mỹ v.v... Trước khi xuất ngoại, những phụ nữ ấy đều được cho biết họ sẽ

TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

làm nghề gì, chớ không bị gât
gắt như người ta thường tưởng
tượng, nhưng cái mộng làm giàu
mau lẹ và kiếm được chồng tử tế
ở các nước thiếu đàn bà đó mê
hoặc, quyến rũ nhẩy vào một
cuộc đời phiêu lưu ở hải ngoại.
Làm giàu mau lẹ ? Cái đó thì
chắc lắm. Ở Paris kỹ nữ có ghi
tên hành nghề kiếm được trên
10.000 quan mỗi ngày, hưởng hồ
chỉ là ở ngoại quốc. Hồi thuở
còn quân đội viễn chinh ở Đông

dương, có xảy ra một chuyện như
vậy :

Một bữa nọ, một nhơn viên sở
hối đoái Sài Gòn yêu cầu một
người đàn bà Pháp cho biết gốc
số tiền một triệu quan mà nàng
xin gửi về Pháp mỗi tháng.
Nàng không chịu trả lời, song
một hôm nàng phát câu và đáp :

— Tiền làm đi, chớ làm gì

(Còn nữa)



LỚP NHẠC FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

-- Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghiên : 205/1 Cô Giang -- Phú Nhuận

Tháp vắng

Muốn hỏi người chiều nay về đâu ?
Sân ga vắng bóng một con tàu !
Lênh đênh thuyền chẳng neo về bến
Đường vẫn còn xa sông vẫn sâu !

Đôi mắt người sao như mùa thu.
Cho trời hôm đó bỗng mây mù.
Cho đau thương dậy quanh tiem thừ
Cho dĩ vãng sâu trong thiên thu.

Muốn hỏi người chiều nay về đâu
Mưa rơi Tháp vắng, má ai sầu
Tiếng ai than khóc bên mồ lạnh.
Cho nỗi lòng ta thêm đớn đau.

Ta tiễn người đi về phương xa.
Lối mòn cỏ úa vắng người qua.
Ta nghe đau xót mờ trong mắt
Thôi nhé ! người đi nhớ đến ta.

Ta biết đời ta vắng nụ cười
Vàng son không ngự nữa người ơi !
Tương lai không rộng như trời đất
Đề niu ngày xưa — khoảng sáng ngời !

● JAYA ALIH MINH PUI
(Sinh viên Chăm)



Bà Tú đi ra phố «Bò N» mua sách, thấy các tiệm tạp hóa bán những loại dép mới của phụ nữ dân «hoa hippy», nhiều chiếc xe hơi nhà, xe Honda, Yamaha, dân đầy «hoa hippy». Bà cũng thấy vài cặp trai gái «hippy» y phục dị hợm, đi nghêu ngao ngoài phố. Về nhà bà kể ông Tú:

— Mình ơ, hippy là cái quái gì mà em thấy một vài hiện tượng đã xuất hiện ở Saigon độ vài ba tháng nay? Lại cái thứ «văn minh» nhập cảng của Mỹ chứ gì?

— Dĩ nhiên là của Mỹ! Ông Tú bảo. Một nước quá giàu, quá tự do, phóng túng, mới phát sinh ra những hiện tượng trụy lạc, suy đồi, phóng đảng, bê bối như beatnick, như hippy, chứ ở Việt Nam mình làm gì có những của nợ ấy.

— Saigon đã có rồi đấy!

— Đó chỉ là bọn bất chức. Một thiểu số thanh thiếu niên thoát ly gia đình và học đường, bỏ nhà bỏ

mẹ, bỏ học hành để đi sống cuộc đời bần hàn theo «đạo sống mới», lo ăn chơi đi điếm, mêu chuột, cướp dốt, rồi dần dần bị đào thải. Chỉ là những phần tử bất hảo không đáng quan tâm mấy ở xã hội Việt Nam.

— Thực chất của Hippy là thế nào? Hippy xuất hiện từ bao giờ? Tại sao có Hippy? Dù sao Hippy cũng là một phong trào của tuổi trẻ ngày nay, em muốn tìm hiểu. Hình như phong trào ấy đang tràn lan khắp thế giới chứ, phải không, mình?

— Hiện tượng Hippy đã lan tràn trong các giới thanh thiếu niên Tây phương và Á Đông, cả các nước Cộng sản. Nhưng các nước Cộng sản trừ diệt gắt gao, nên Hippy khó bành trướng được như ở các nước Tự do, nhất là các nước đang mở mang kinh tế phồn thịnh như Nhật Bản, Phi Luật Tân v.v... Ở Việt Nam, phong trào Hippy chưa thành hình. Nó còn lén lút trong một vài giới học sinh Saigon, thiếu căn bản giáo dục và ngoài sự



Sinh viên Mỹ (chống Hippy) xuống đường đả đảo Cộng Sản, kêu gọi giết V.C., và ném bom Hà Nội.

kiểm soát của gia đình, từ 14, 15 đến 19 tuổi.

Bọn này chỉ là bất chước bề ngoài của Hippy, chứ không phải đúng như Hippy ở Mỹ. Hippy Mỹ có một lập trường và muốn biến thành một loại triết lý hồ lớn, nhưng không phải không có đôi chút ảnh hưởng vào đời sống chính trị nội bộ của Huế Kỳ, và do đó có phần nào vang dội vào thời sự Việt Nam và quốc tế.

— Mình nói rõ cho em nghe.

— Lần đầu tiên, thế giới để ý đến Hippy là do hai tờ báo Mỹ tiết lộ. Cùng ra ngày 7-7-1967 tờ «Time Magazine» (phát hành 3 triệu số), và tờ «Life» (7 triệu số) đăng hai bài phóng sự dài và đầy đủ về «Hippy», và «teeny boopers». Tờ Time để 11 trang mà 6 trang ảnh màu. Tờ Life để 8 trang, là hai tờ báo đứng đầu đã nổi tiếng, và những tài liệu đích xác mà họ phổ biến, khiến cho dư luận Mỹ và thế giới nhận thấy một biến cố quan trọng mới

xuất hiện có thể làm đảo lộn quan niệm nhân sinh của cả một thế hệ. Vì thế người ta phải tìm hiểu «Hippy» là gì?

— Trước hết, cái nghĩa chữ Hippy là gì đã?

— Hippy là một danh từ hoàn toàn mới, vừa là một tính từ, do chữ «Hip» mà ra. Nó mới xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1967, cách nay mới 2 năm. Chữ «Hip» là một tiếng lóng của bọn «đốt sống mới» Mỹ cũng mới có trong thời kỳ đệ nhị Thế chiến, và có nghĩa là «thoát ly». Lớp trẻ 1967 thấy chữ «Hip» đã cũ bèn đổi ra chữ *Hippy*, với ý nghĩa là : thoát ly tất cả công thức cũ, truyền thống cũ, xã hội cũ, nếp sống cũ, hoàn toàn tân kỳ, hoàn toàn tự do, nhất là tự do ái tình.

Kết nạp trong đám nam nữ thanh thiếu niên Trung học và Đại học, hầu hết là con nhà khá giả ở thành phố San Francisco. (chứ không phải tụi thất học hay du đảng) chúng bắt đầu hợp lại



Một cuộc họp mặt Hippie ở New York.

từng nhóm, dần dần đông đảo, lan rộng khắp các trường Trung học và Đại học San Francisco. Ngày 14-1-1967, chúng rủ nhau tổ chức một cuộc họp mặt công cộng trên 10.000 cô cậu từ 17 đến 25 tuổi, tại công viên Golden Gate Park, gần cầu Golden Gate Bridge. Lần đầu tiên họ tự xưng là «Hippie» và tụ hội nơi đây để ăn uống, ngâm thơ, đánh đàn, ca những bản hát Ấn độ có tính

cách huyền bí, họ thấp nhang trước các tượng Phật Thích Ca tượng Chúa Jésus Christ, và khiêu vũ theo các nhạc điệu bình dân. Xong rồi đến chiều tối họ tự giải tán. Họ không làm gì phá rối trật tự thành phố. Cảnh sát không cần can thiệp.

Ngày 26-4-1967, gần 20.000 cô cậu từ 16 đến 24, 25 tuổi, học sinh và sinh viên Hippies ở New York cũng tổ chức một cuộc

MÌNH OT

Pick nick tung bùng náo nhiệt như ở San Francisco.

Từ đó, phong trào Hippie tràn lan đến các trường Trung học và Đại học ở các thành phố khác của Mỹ.

— Tại sao Hippies lại thờ Phật thờ Chúa lẫn lộn, lại thấp nhang lại khiêu vũ ?

— Hippies theo 3 khuynh hướng tư tưởng sau đây :

● **Phật** : Hippie tự so sánh với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, con vua, đã bỏ cả gia đình, vàng ngọc châu báu, danh lợi, để hiến thân cho nghèo đói và chân lý. Họ chỉ hòa đồng với Phật ở điểm đó mà thôi. Họ cũng rút trong Giáo phái Zen (Thiền) cái phương pháp nhập thiền trong thanh tịnh. Nhưng phương pháp này thịnh hành lúc đầu, đến nay dần họ làm biếng, lơ là, và gần bỏ hẳn. Họ tự so sánh với đức Phật, chứ không phải thờ Phật, vì họ cũng thoát ly gia đình xã hội, từ bỏ giàu sang, danh lợi, để sống cuộc đời nghèo nàn giản

dị, chân thật (Theo quan niệm riêng của Hippie).

□ **Chúa Christ** : Hippies cho rằng Chúa Christ là tượng trưng của Tình yêu, theo quan điểm của họ Tình yêu gồm cả Tình yêu nhân loại, và tình yêu xác thịt giữa trai và gái ! Do quan điểm cố ý sai lầm đó mà Hippies đã đưa ra một biểu ngữ nổi tiếng trong các cuộc xuống đường của họ chống chiến tranh : «*Make Love, not war*» (Làm Tình yêu đừng làm chiến tranh). Hippies còn cho rằng Thánh François d'Assise của Thiên Chúa Giáo cũng giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, là con một nhà buôn giàu có của nước Ý, đã bỏ hết bạc vàng để đi theo một chí hướng. Họ, Hippie, cũng từ bỏ gia đình giàu sang, chức nghiệp, bằng cấp đại học, để sống cuộc đời tự do biệt lập của Hippies.

○ **Thiên nhiên** : Hippies chủ trương sống theo thiên nhiên từ bỏ xã hội giả dối của văn minh hiện đại để trở về thiên nhiên, căn cứ trên các lập trường

triết học của Jean Jacques Rousseau, của Thoreau, C. Fourier. Họ cũng theo thuyết bất bạo động của Gandhi, thuyết hòa bình nhân loại của Đạo sư Do Thái Hillel. Đồng thời, và đặc biệt hơn cả, họ hoan nghênh nhiệt liệt Aldous Huxley, người đã ca ngợi các loại thuốc «phiện» như thuốc cần xa (Marijuna, L.S.D., S.T.P.vv) hút vào cho tinh thần mơ say, để quên hết cuộc đời phiền phức hiện tại!

Vì Hippies đề xướng cái «văn minh Hippy», căn bản trên những lý thuyết như trên, nên con trai con gái Hippy 14, 15 tuổi, đã chích thuốc cần xa, hoặc hút các thứ thuốc «mê hồn» ấy, để «quên đời hiện tại», để «tham thiền», để «bất bạo động», để «yêu say mê về xác thịt», để «yêu nhân loại», để có «hòa bình nhân loại», để «dừng có chiến tranh»!

Chính cái thứ triết lý hồ lớn quá giản dị ấy của các lớp thanh thiếu niên Hippies Mỹ đã gây ra bao nhiêu xáo trộn cho đời sống xã hội và chính trị của Huê Kỳ

trong hai năm nay.

Cái ngây thơ của Chủ trương hippy là nhận xét các triết học một cách quá sơ sài đơn giản theo lý thuyết, chứ không cần biết thực tế. Thí dụ như đối với Phật giáo, Hippy chỉ thấy một khía cạnh: Phật đã từ bỏ gia đình để đi tìm tự do, nghèo nàn và chân lý. Ngoài ra, họ không cần tìm hiểu giáo lý của Phật như thế nào. Đối với Đạo Thiên Chúa, họ cũng chỉ rút ra một điểm duy nhất: tình yêu nhân loại và họ xuyên tạc rằng từ danh từ tình yêu nhân loại của Chúa Christ gồm cả tình yêu xác thịt giữa trai và gái. Do đó họ chủ trương tự do yêu đương, không cần luân lý, luật pháp, thành kiến theo truyền thống xã hội. Đối với Chiến tranh, họ cũng chỉ biết đã kích chiến tranh, kêu sự «Hòa Bình» mà không cần tìm hiểu nguyên nhân và thực trạng của chiến tranh hay hòa bình như thế nào.

Bà Tú ngắt lời

— À, bây giờ em mới hiểu



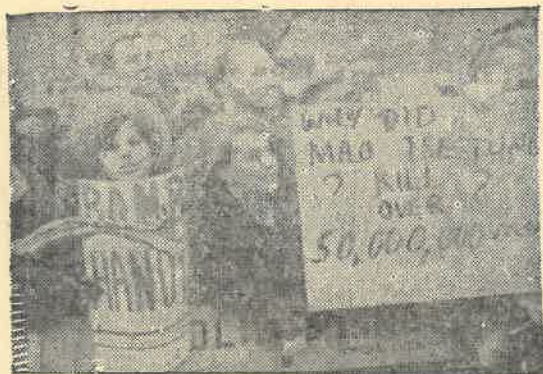
Hippy Mỹ xuống đường chống chiến tranh V.N.

tại sao nhiều nhóm sinh viên và thanh niên Mỹ thường «xuống đường» đã đảo chiến tranh Việt Nam, và Hòa Bình.

— Đó là những nhóm sinh viên hippies, hành động theo quan niệm hippy. Trái lại, những sinh viên thanh niên không hippy thì đòi tiêu diệt Cộng Sản để bảo vệ tự do và Quyền Sống của loài người.

Muốn hiểu rõ thực chất của Hippies Mỹ, chúng ta đừng quên rằng những cuộc biểu tình của Hippies chống chiến tranh luôn

luôn có trưng biểu ngữ «Make Love, not War» (Làm Ái tình, chớ làm Chiến tranh), chứng tỏ họ không có mục đích chính trị, không có khuynh hướng thân Cộng, mà chỉ có mục đích phá vỡ trật tự lập trường hippy mà thôi. Các tổ chức chính trị chủ hòa của Mỹ lợi dụng và khai thác phong trào Hòa bình và bất bạo động của Hippy, cũng ở một khía cạnh duy nhất đó thôi. Trên lĩnh vực thuần túy chính trị, Hippy lại chống lý thuyết Cộng sản, vì Hippy chủ trương sống tự do, ái tình tự do, phá bỏ mọi xiề



*Biểu ngữ sinh viên
«Tại sao Mao trạch Đông giết trên
50 000.000 người?»*

xích nô lệ hóa con người. Nhất là họ thờ Phật, thờ Chúa Jésus, và hút các loại thuốc mê hỗn như thuốc phiện, cần sa, L.S.D., đề «cho linh hồn đã mê, hầu quên hết cuộc đời khổ não, hầu đưa linh hồn lên chỗ Thiên định niết bàn của Phật». v.v..

— «Triết lý» của Hippy như thế, thì cuộc sống hằng ngày của họ như thế nào, bà Minh?

— Hầu hết là chúng bỏ nhà cha mẹ

đề ra đi, (giống như Phật, họ bảo thế). Và phần đông là con nhà giàu sang, nếu họ ở nhà tiếp tục đi học Trung học, Đại học, thì họ có đầy đủ tiện nghi, có tương lai bảo đảm. Nhưng họ từ bỏ tất cả, từ 16, 17 tuổi, đề đi đến nơi tụ họp Hippies, có khi cách xa thành phố của họ hàng ngàn kilômét. Họ chỉ mặc chiếc áo veste, quần blue-jean, mang theo chiếc đàn guitar. Còn bao nhiêu sách vở, bằng cấp, chứng chỉ,

đụng cụ cần thiết hằng ngày, họ vứt lại hết cho gia đình, không thiết đến. Họ đã kích «văn minh tiến bộ» hiện đại, như radio, Tivi, máy hình xa lộ, v.v... Họ từ chối mọi «tiện nghi vật chất» họ cắt đứt chiếc cầu giữa Hippy

và «thế giới làm tiền» (money making).

Họ tụ họp thành một thế giới Hippy riêng biệt, ở những nơi xa thành phố, gần núi, rừng, biển, đề «sống với Thiên nhiên»; như



*Tình yên Hippy, bất cứ với ai,
bất cứ lúc nào...*

hiện nay họ ở Haight Ashbury, dưới chân núi đá của San Francisco, hoặc ở Big Sur, khu đất hoang trên bờ biển Thái Bình Dương. Ở hai nơi đây, dân số Hippies thường xuyên có 25.000 đến 30.000 người, từ 16, 17 đến 24, 25 tuổi, gái trai ở lẫn lộn. Họ tự cất nhà ở, có khi 10 cô cậu ở chung một phòng. Lúc đầu tiên, Hippie chỉ ăn, chơi, đàn ca, ngâm thơ, ngồi tham thiền, và «làm ái tình tự do». Nhưng tiền lấy cắp của cha mẹ dần dần tài hết (họ xài tiền chung với nhau), họ đành phải «tạm thời kiếm việc làm» cho có tiền. Nhiều cậu xin làm sở Bưu điện, như hiện nay có rất nhiều cậu phát thư Hippies ở sở Bưu điện San Francisco. Những cô cậu khác làm nghề thủ công: dệt thêu sản xuất các tượng Chúa Phật, hoặc vẽ tranh để bán, v.v... Nhưng Hippie không bắt buộc phải có một nghề sinh nhai nhất định. Hippie thay đổi nghề luôn chỉ coi «việc làm» như một phương tiện nhất thời để vừa đủ sống thôi. Phương châm

Hippie là «muốn làm gì tùy ý». Nhiều nhóm Hippies tổ chức những Ban nhạc Hippie, như Ban nhạc «Grateful Dead», Ban nhạc «Jefferson Airplane», hai ban này nổi tiếng nhất, để lấy tiền nuôi chung cả đoàn thể Hippies ăn ở không. Nhiều nhóm Hippies khác đi ăn mày (ăn xin), nhiều nhất là ở các vùng ngoại ô New York và San Francisco, đem tiền về nuôi cả bọn ở nhà chơi không.

Ở Big Sur, làng Hippies nổi tiếng ở cách San Francisco 150 ki lô mét, Hippies làm nhà sàn theo kiểu mọi Da Đỏ để ở. Đàn bà con gái thì làm thủ công. Đàn ông con trai vẽ tranh, làm thơ viết tiểu thuyết. Họ tổ chức những buổi diễn thuyết, những cuộc hội thảo, về các đề tài Hippie. Hầu hết, dân Hippies ở đây đều là cựu sinh viên Đại học Mỹ, có lẫn lộn chục ông Giáo sư Đại học Hippies. Thi sĩ hippie Allen Ginsberg, năm nay 43 tuổi, cũng xin gia nhập vào làng Hippies này từ năm 1968. Nhiều dân Hippies ở đây bắt chước xâm mình theo Dân Da Đỏ. Họ sống hoàn toàn tự do

và man rợ.

Ở Trại Hippie *Morning Star* (Sao Mai) cách Frisco vài chục ki lô mét về phía Bắc, trai và gái Hippie sống theo như Thiên đường của Chúa Trời, tràn trề như Adam và Eva. Họ trồng rau đem xuống thành phố bán để đổi các món ăn.

Ba bốn chục nhóm Hippies khác, mỗi nhóm độ vài ba chục cô cậu, ở rải rác khắp các vùng rừng núi Bắc Mỹ. Nền nhóm Hippies ở *Drop City*, phía Nam Denver (Colorado), và gần Trinidad. Ba chục cô cậu toàn là sinh viên Đại học Colorado ở chui rúc trong các mui xe hơi cũ mà họ sửa sang lại thành các «mái nhà ái tình». Họ áp dụng một phương pháp kinh tế tự túc, không phải tiếp xúc với thành phố, để sống vừa đủ no ấm.

Riêng cái nhóm Hippies ở thành làng dọc theo biên giới Mexico, trồng thứ cây cần sa chế ra thành các thứ thuốc chích «mê hồn» để tiếp tế cho các tổ chức

Hippies khác. Hippie nào cũng phải chích thuốc đó để «tạo cho linh hồn Hippie một cảm giác say mê êm ái, cần thiết cho Tình yêu, cho tư tưởng Hòa bình, chống chiến tranh, cho sự tham thiền». Năm 1968, có độ 40% Hippies dùng các thuốc mê hồn. Đầu năm 1963, số nghiện thuốc mê hồn tăng lên 85%. Họ dùng nhiều nhất là thuốc *L.S.D* (thuốc viên). Thuốc uống vào thì bắt đầu cuộc «du lịch» (—trip) mê hồn kéo dài từ 8 đến 12 giờ đồng hồ. Một sinh viên Hippie xác nhận: «Uống *L.S.D*. vào tôi thấy màu sắc rực rỡ trong trí óc, tôi nghe tiếng máu chảy trong mạch khắp các khu phố Hippie với giá 2 đô la rưỡi một viên *Marijuana* (tiếng lóng Hippie gọi là bột làm bánh. Con nít Hippie 11, 12 tuổi vào mắt mũi, và đảo lộn các Giác quan. Giá bán mỗi liều thuốc *Marijuana* là 1 đô la,

Ngoài ra, do chủ trương «Thế hệ Tình Yêu» (*Love Generation*) sự «yêu» tự do bừa bãi của trẻ bỗng bột thiếu kinh nghiệm và

tự chủ, đã gây ra nhiều bệnh hoa liễu. Trong những cuộc nhóm họp gọi là «Love-in» (cứ yêu vào 1), cảnh sát thường đến khám xét bất ngờ các «boum» Hippies để bắt (về Hippies «Love in» không dám công khai), thì Cảnh sát thường được các cô cậu đem hoa hồng và hoa petunia tặng cho và mọi sự đều được thông cảm. Nhưng «triết lý Tình yêu» của Hippie lại áp dụng cả vào sự phủ nhận chính phủ Mỹ cái quyền đeo đuổi chiến tranh bất cứ ở đâu, và vào sự tuyên bố nhu cầu bất bạo động trong cuộc sinh tồn của thế giới. «Triết lý» đó vô tình làm lợi khí cho chính những kẻ thù địch của Mỹ.

Nhân danh «Tình yêu» càng ngày càng lan rộng trong giới tuổi còn non nớt, bọn Hippies tự phụ đã phát động một cuộc «cách mạng về tình dục của xác thịt», đã phá luật độc thê, chủ trương đa thê và bất cần chung thủy, đã phá tình yêu duy nhất chấp nhận «tình yêu rộng lớn cả nhân loại». Con cái sinh ra, theo

thuyết Hippie, là con cái chung của tập thể. Như thế, là một ảo tưởng vô cùng nguy hiểm.

Với quan điểm sống bất mạng và hoàn toàn phóng đảng đó, gần 500.000 cô cậu Hippies ở toàn quốc nước Mỹ hiện nay cứ sống phây phây, nhàn hạ, vô tư, mặt mày vui tươi, áo quần sặc sỡ đủ các màu sắc, các kiểu mẫu kỳ dị, đeo đủ các loại trang sức chói lọi, kể cả những vòng hoa Hippie, những kiếng hoa, những nón hoa ..

Nhà triết học sử học Arnold Toynbee vừa rồi đã phải kêu lên : «Hãy coi chừng ! Hiện tượng là một dấu hiệu báo động cho xã hội nước Mỹ, và xã hội loài người !

Bà Tú bắt đầu, chán nản :

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

MÌNH ƠI

— Tại nước Mỹ quá giàu, quá tự do, quá vật chất, mới sinh ra loạn Hippies trong giới thanh thiếu niên trác táng như thế chứ !

Ông Tú châm thuốc hút, rồi cười :

— Nhưng em nên biết rằng phong trào Hippies ở Mỹ đã bắt đầu xuống dốc, từ cuối năm 1968. Đầu năm 1969, đa số tổ chức Hippie đã chán việc sống hippy, và đã biến thành một phong trào mới xuất hiện từ tháng 3-1969, gọi là Yippy. Một lớp trẻ đã đi qua .. Một lớp trẻ khác sắp thay thế, muốn đập đổ những gì đi trước đã xây dựng .. Cái vòng lẫn lộn hippy không thoát khỏi luật đào thải thiên nhiên của vũ trụ.

— Còn hippies Sài Gòn thì sao, bà mình ?

— Hippies Sài Gòn chỉ là căn bệnh một đồ thừa thải của nhập cảng Mỹ, không đáng chú ý. Chúng không có những phần tử trí thức hoặc Trung Đại học, kết nạp bọn ăn chơi và chỉ lên lút

một vài nơi tối tăm của Sài Gòn đêm vắng. Chúng không dám sống công khai, vì đại đa số bọn trẻ có ý thức, không chấp nhận hiện tượng Hippie.

— Em vẫn gặp vài ba cặp hippie ở Bô Na... Nguyễn Huệ.

— Một vài cặp hippies đi bắt phở không thành vấn đề. Em thấy không, một vài món hàng hippy nhập cảng, như «Hoa Hippie» giày dép hip-pi, cũng không được mấy hoan nghênh. Bọn trẻ Việt nam tò mò xem chơi nhưng không thích dùng.

— Em cũng thấy nó có vẻ «đĩ điếm» lắm sao ấy !

Diệu Huyền

TENMIL

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ



Nên giáo dục hiện nay đưa chúng tôi đi tới đâu ?

● của một học sinh Trung học

Năm năm rồi kể từ ngày tôi nhận thức được chiến tranh trong nỗi lòng của một học sinh. Quá khứ của sử sách chợt hiện về làm tôi cảm thấy mình tội lỗi muốn lặn người vào bụi cỏ.

Sống nhìn vào tương lai (?) ai bảo như vậy. Riêng tôi, tôi chẳng muốn nhìn vào. Nếu có ai hỏi tôi « học để làm gì ? » chắc hẳn tôi sẽ thờ dãi và đáp « khỏi đi lính » hay « mai một mình có địa

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

vị trong xã hội đề rồi có vợ đẹp con ngoan » nhưng không chỉ có vậy mà còn có lúc quăng cả sách « Sống nay, chết mai học làm gì, rớt thi đi lính », vồn vện chỉ có vậy. Nếu ai cũng nói như tôi, cũng nghĩ như tôi chắc nước này mất quá (?) Tôi biết như vậy nhưng có lúc tôi lại hỏi « có phải thanh niên là rường cột của xã hội ? ». Chiến tranh đã cấu tạo một phần cái ý tưởng liều rớt từ từ mất sự hướng dẫn đã trở thành kẻ liều boàn toàn. Sách vở có đúng với thực tế không ? Nếu đúng thì tôi sẽ là một con vật sống bằng những thực phẩm hèn hạ. Còn nếu sách vở sai, tôi không tin như vậy.

Nói như vậy tôi không có ý nghĩ là chán hẳn cuộc đời buông xuôi, tôi muốn thốt lên một tiếng nói của ý nghĩ thực tế trong tôi và trong những người bạn của tôi đề rồi, thầy, cha, anh tôi biết ý nghĩ của tôi, hầu cho tôi cũng như những người bạn, tạm gọi là chúng tôi được giáo dục hay nhận lãnh được những lời khuyên mới mẻ hơn những câu $ax^2 + b...$

hay những câu viết văn toàn là văn chương không còn tinh thần của đức dục.

Chúng tôi đề cập đến danh từ đức dục ở vào cái tuổi thanh niên này, vì chúng tôi chưa hiểu cho hết nghĩa chữ đức dục. Chúng tôi chỉ biết học, học cho có mảnh bằng đề làm ông to, hoặc thốt những câu bắt cần khi học những triết lý hiện đại. Giáo dục của Đông phương này đã bị đầu óc chúng tôi bỏ ra ngoài hay nói đúng hơn chúng tôi không hiểu gì cả. Thì làm sao chúng tôi hiểu được những triết học của xứ người, nói đúng hơn : chúng tôi hiểu bằng một cách sai lạc, đề rồi chúng tôi sống, không ra sống theo tinh thần của nước này, dân tộc này đã duy trì hơn 4.000 năm nay.

Thử thách của dân ta là những cuộc bị đô hộ hàng thế kỷ. Nhưng ông cha chúng tôi tại sao có những ý nghĩ hào hùng cao đẹp chỉ biết có nước non, chỉ hy sinh cho nền móng nhân đạo, thì ngày hôm nay chúng tôi là con

Việt Nam, con Rồng cháu Tiên mà sao lại quên những nghĩa ấy nhỉ? Phải chăng tại chúng tôi thiếu giáo dục hay nói lớn hơn là mất dạy vậy. Có lẽ khi nhìn thấy câu này, thầy, cha, anh của chúng tôi sẽ bảo «chúng mày có dạy mà không chịu nghe chứ»?

Theo chúng tôi hiểu nơi linh thần và ý nghĩ của tuổi trẻ chúng tôi không thể là : có dạy ở chỗ một lời nói, 2 lời nói, 3 lần la, 4 lần đánh đập rồi chúng tôi chưa nghe thấu thì bỏ mặc xác chúng tôi ư? Cũng vì lẽ ấy mà chúng tôi mong những lời giáo dục phải là dịu dàng là kiên nhẫn thật nhiều, thì con vật còn nghe. Huống chi chúng tôi là những con người cải lương nhưng rất nhiều phúc thiện, chiến thắng nhưng vẫn nhận lãnh thất bại với một nét mặt vui tươi. Thì thử hỏi chúng tôi có nghe lời hay không?

Nói tóm lại, nếu chúng tôi có được một nền giáo dục bằng căn bản của con người thì chúng tôi dám tin tưởng rằng chúng sẽ hiểu

thấu và vượt lên những tư tưởng của triết học Tây phương vậy. Chúng tôi mong một nền giáo dục chứ chúng tôi không sợ chết. Vậy chúng tôi mong những ai e dè có ý gây dựng một xã hội về vang, một nước nhà hùng mạnh không chịu sự khuất phục của ngoại bang như Lê Lợi, Triệu Ẩu hay những vị anh hùng khác mai này thì xin giúp chúng tôi, giúp nhiều cho chúng tôi một nền giáo dục đúng tinh thần của ông cha hầu duy trì một nền móng quốc gia không phải mất gốc.

Chúng tôi xin những người ấy hãy đổ lửa lên bầm bấu máu của Tiên Rồng cho nóng lên để rồi chúng tôi sẽ là rường cột của xã hội. Chúng tôi chỉ mong như vậy.

Saigon 31-5-69
THÂM-GIANG

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CÀM CÙM

Lễ Phật Đản 2513 ở Phụng-Sơn-Tự

● THU-MAI

L.T.S. — Bài này đăng lễ đăng vào số Phật Đản (224), nhưng cô Thu Mai gửi bài đến hơi trễ, số báo Phật Đản đã in xong, nên chúng tôi cho sắp trong số báo này. Xin bạn đọc thông cảm.

Phụng Sơn, một ngôi cổ tự trang nghiêm, rất đẹp, trên khu đồi rộng, bốn bên tre mọc thiên nhiên, nửa hè hoa Phượng và hoa Sứ nở đầy cành thơm ngát. Những hàng cổ thụ rợp bóng mát, những ngôi tháp Sư Tồ khiêm từ cổ kính, và một ao nước bao bọc chung quanh chùa, di tích một lịch sử xa xưa.

Chùa lập từ đời Chúa Nguyễn Ánh còn bốn ba khai chiến với Tây Sơn trên đất Thủy Chân Lạp này. Nay Chùa đã được Viện khảo cổ công nhận là « cổ tích liệt hạng ». Đặc biệt chùa có một cây Bạch Mai rất hiếm, được vị Sư Tồ trồng từ năm

1909.

Khung cảnh chùa thật yên tĩnh trang nghiêm, đẹp, và rất nên thơ. Vì thế, nghe nói có nhiều nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Vỹ, Vương hồng Sên, Lê ngọc Trụ, cổ thi sĩ Đông Hồ, Sơn Nam v.v... thường đến đây nghỉ, làm thơ, viết văn. Đây là một môi trường thuận tiện tha hồ cho các ông mơ mộng, mộng mơ, giao cảm năng thơ, cùng cỏ cây, mây gió...

Sinh viên, Luật, Y, Triết, Khoa học, ở quận 6, và học sinh các trường học trong vùng, đến mùa học gạo cũng « chiều cổ » đến

những gốc cổ thụ, khóm tre già, gốc xoài, gốc khế, những chân tháp của chùa, một cách đặc biệt. Ở đây các cô cậu có thể vừa học, vừa cầu nguyện những đấng thiêng liêng, cho tên mình đừng lọt bảng vàng trong keo thử lửa. Nếu lúc nào kiển cần bụng, mà con ma làm biếng nó nhập vào người. Không muốn phóng một mền Honda là lướt về nhà hay ra quán ngoài đại lộ Trần quốc Toàn, thì nhà chùa cũng sẵn sàng đãi một bữa cơm chay ngon lành.



Lễ Phật Đản năm nay, cũng như mọi năm, chùa nào cũng tổ chức những nghi lễ như nhau. Có khác chăng chỉ vài chi tiết.

Năm nay, đặc biệt ở Phụng Sơn Tự, nhân dịp ngày giáng sinh của đức Phật, chùa khánh thành cổng tam quan, một công trình kiến trúc công phu cho hơn hai năm công khó của Thượng tọa Thích Phước Quang, cùng chư Tăng, Phật tử dựng nên,

mà tổng cộng chỉ phí hơn một triệu đồng. Trong số đó, chính phủ chỉ giúp 200.000\$.

Có ở chùa, trong những ngày lễ lộc mới thấy rõ lòng tin tưởng, tôn trọng của chư Tăng và Phật tử đối với Đấng từ phụ cao minh. Chiều ngày 14, không khí chùa rộn rịp không thua chi ngày hội. Chư Tăng, Phật tử lăng xăng lo trước, chạy sau, bao nhiêu nhiệt tâm đều đem gởi cả vào việc công quả.

Đêm 14, cả vùng Minh Phụng đều bị cúp điện, nhưng nhà chùa được xữ dụng máy điện riêng, của một Phật tử hảo tâm đem đến. Đúng 8 giờ, thầy trụ trì khai kinh Phổ Môn cầu nguyện Quốc Thái, dân an. Trước Phật đài, phía trong cổng Tam Quan, dân chúng lũ lượt kéo đến lễ Phật thật

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

đông, chật cả một khoảng đất rộng. Máy bơm học sinh làm thủ quỹ giúp chùa được một phen ghi chép lra lịa. Một thiêm xâm

— «Cái lầy ngộ cứng lang lèn hai trâm í».

— «Thưa, bà tên gì ạ?»

— «Cái lầy ngộ tên Chiết í».

— «Tiết gì, thiêm?»

— «Thiệt Quen í» (Thiệt Quan).

Tôi phục bạn học sinh biên sô nghe được tiếng nói của bà Phật tử Chong koóc.

Trong lúc đông đảo Phật tử đang si sụp lễ bái mọi cách sùng kính, thì đèn lúc tắt tối mờ, lúc sáng như đom đóm trong đêm. Một vị nào đó than:

— «Cái này đúng là nhà đèn hại Phật rồi».

Nhưng rất may, đến 10 giờ đêm thì điện sáng trở lại nhờ điện riêng của một Phật tử đem đến. Cổng Tam quan lại rực rỡ

Phật lý và Quốc kỳ.

Theo chương trình, thì người cất băng khánh thành là ông Đồng lý Văn phòng của Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn Hóa, ông Giám đốc Viện Khảo Cổ, ông Giám Đốc Nha Kiến Thiết Bộ Công Chánh và ông Quân Trưởng quận 6. Nhưng đến giờ chốt, nghĩa là 9 giờ 30 sáng ngày rằm, đồng bào Phật tử đứng đón chờ mãi mà Ngài Đồng lý văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh Văn Hóa không hiểu vì lý do nào, đã không đến. (Ngày sau nghe nói, ông Đồng Lý có đến Chùa lễ Phật và xin lỗi Hòa Thượng, vì ông bí thư ghi lộn ngày khánh thành).

Ông Lê Ngọc Trụ, Giám Đốc Viện Khảo Cổ Việt Nam, ông

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

LỄ PHẬT ĐẢN

Quận Trưởng quận 6, Huỳnh Kim Thạnh, và ông Giám Đốc Nha Kiến Thiết Bộ Công Chánh, long trọng cắt băng khánh thành, trẻ nứa tiếng đồng hồ. Các em học sinh nhà trường bên cạnh do bà Hiệu Trưởng hướng dẫn cầm cờ Phật đốn mừng, rất dễ thương.

Một du khách hỏi một Phật Tử :

— «Thưa ông, Chùa này thuộc Ấn Quang hay Việt Nam Quốc Tự ?»

— «Chẳng Ấn Quang, cũng không Quốc Tự. Chùa này là của Phật, của Chúng tăng và Phật Tử bốn phương ! »

Thầy Hòa Thượng đọc mấy lời khai mạc, và cảm ơn quan khách. Ông Giám đốc Khảo Cồ đáp từ. Và, kể đó, Ban Hộ Đạo của Chùa thuyết trình về công tác xây công. Người ta thấy nhà Thi sĩ Nguyễn Vỹ, và nhà Khảo Cồ, Vương hồng Sền tay trong tay, dung dăng dung dẻ, dạo quanh

khắp vườn Chùa, tí tê tâm sự như một cặp tình nhân lâu ngày tảo ngộ... Một ban orchestre đánh những bản nhạc nhẹ nhàng mừng lễ Phật đản.

Ngoài sân Chùa, khách lễ bái và du ngoạn ra vào tấp nập. Trong Chùa Hòa Thượng Trụ trì, các vị chư tăng trẻ tuổi và những Phật tử niềm nở tiếp đón mọi người.

Sau lễ cắt băng khánh thành công Tam quan. Người ta thấy ông Quận trưởng đưa Phu nhân đến Chùa lễ Phật. Một tiệc trà thân mật tiếp đón các quan khách và đồng bào Phật tử.

Không khí Chùa vừa tươi bừng, vừa ấm cúng, như con cháu Phật quy tụ vui vầy trong ngày Liên hoan mừng Phật Tò... Tiếng chuông Chùa đồ bon... bon... vang dội trong nắng gió mười phương.

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoan « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sứt sài ngoài da mà hết. Uống Gia
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phieu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHUỐC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVITT/ND ngày 9-10-1961
Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM AN THƯ QUÁN
231, Phạm-Ngũ Lão -- SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công sở : gấp đôi